

Số: /BC-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO

Tổng kết việc thi hành Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và các cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện tổng kết thi hành Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) năm 2017.

Trên cơ sở kết quả tổng kết của các cơ quan, ban ngành từ Trung ương đến địa phương, Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ kết quả cụ thể như sau:

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN TỔNG KẾT

1. Bối cảnh trong nước và quốc tế liên quan đến các chính sách của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

1.1. Bối cảnh quốc tế

Từ năm 2018 đến nay, kinh tế thế giới trải qua giai đoạn biến động mạnh với nhiều yếu tố bất định đan xen: tác động sâu rộng của đại dịch Covid-19; xu hướng gia tăng xung đột địa chính trị và chủ nghĩa bảo hộ thương mại; đứt gãy và tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu; lạm phát duy trì ở mức cao tại nhiều nền kinh tế lớn. Bên cạnh đó, sự ảnh hưởng sâu rộng của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; sự xuất hiện của nhiều ngành, lĩnh vực công nghiệp mới (AI, bán dẫn, năng lượng xanh,..) cũng như các mô hình kinh doanh dựa trên công nghệ liên tục xuất hiện và làm thay đổi các mô hình kinh doanh truyền thống; yêu cầu chuyển đổi xanh, chuyển đổi số và phát triển bao trùm trở thành chuẩn mực mới trong hoạch định chính sách. Các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như CPTPP, EVFTA, RCEP cùng với các cam kết về mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) đặt ra yêu cầu ngày càng cao về năng lực cạnh tranh, tuân thủ tiêu chuẩn môi trường, lao động, minh bạch dữ liệu và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

Cục diện thế giới dự báo tiếp tục chuyển biến nhanh và phức tạp theo hướng phân tách, phân mảnh, đa cực, đa trung tâm, đa tầng nấc. Hòa bình, hợp tác, phát triển vẫn là xu thế lớn, đồng thời đứng trước thách thức mới, có tính chất nghiêm trọng nhất kể từ sau Chiến tranh Lạnh. Trong giai đoạn quá độ sang trật tự mới, thế giới sẽ đứng trước nhiều diễn biến phức tạp, khó lường và khó dự báo, đồng thời cơ hội phát triển bứt phá cũng xuất hiện nhiều hơn, vai trò của các nước đang phát triển được coi trọng hơn trong trật tự mới. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, các trung tâm quyền lực sẽ diễn ra ngày càng gay gắt, phức tạp, mở rộng về phạm vi và gia tăng về cường độ. Chiến tranh,

xung đột diễn ra trên phạm vi rộng hơn với nhiều hình thái và phương thức mới. An ninh phi truyền thống ngày càng bất định, cực đoan, khó dự báo; biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, suy thoái môi trường, cạn kiệt tài nguyên, an ninh nguồn nước, nhất là nguồn nước sông Mê Công... tác động nhiều mặt, ảnh hưởng nghiêm trọng tới ổn định, phát triển bền vững của thế giới, khu vực, nhất là các nước đang phát triển.

Kinh tế thế giới không loại trừ kịch bản tăng trưởng chậm kéo dài do các thách thức mang tính cơ cấu. Xu hướng khu vực hóa và phân mảnh kinh tế, bảo hộ thương mại tiếp tục gia tăng, nhất là trong các lĩnh vực kinh tế, công nghệ chiến lược. Đặc biệt, cuộc chiến thương mại liên tục xuất hiện những vấn đề mới, trong đó căng thẳng leo thang giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ tác động mạnh mẽ đến một số ngành, lĩnh vực sản xuất kinh doanh. Các nước tiếp tục tái cơ cấu mô hình tăng trưởng theo hướng ưu tiên chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, phát triển bền vững, đổi mới sáng tạo và tăng trưởng bao trùm; đẩy mạnh các chính sách tự chủ chiến lược, bảo đảm an ninh kinh tế. Các liên kết kinh tế nhiều bên và song phương tiếp tục được thúc đẩy, đa dạng và đan xen, định hình các tiêu chuẩn mới, trong khi liên kết kinh tế ở phạm vi toàn cầu gặp nhiều khó khăn.

Trong bối cảnh đó, khu vực DNNVV vừa là đối tượng dễ bị tổn thương nhất trước các cú sốc bên ngoài, vừa là lực lượng quan trọng để thúc đẩy phục hồi, đổi mới mô hình tăng trưởng và tạo việc làm bền vững.

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy nhiều quốc gia châu Á đã triển khai hệ thống chính sách đồng bộ, dài hạn để hỗ trợ phát triển DNNVV. Tại Trung Quốc, Chính phủ tập trung xây dựng các quỹ bảo lãnh tín dụng, quỹ hỗ trợ đổi mới sáng tạo, kết hợp ưu đãi thuế và chương trình “số hóa” quy mô lớn, giúp DNNVV tiếp cận vốn, công nghệ và thị trường trong nước, khu vực. Hàn Quốc chú trọng khung pháp lý khuyến khích hợp tác công – tư trong nghiên cứu, đổi mới sáng tạo; triển khai mạnh mẽ các chương trình “nhà máy thông minh”, chuyển đổi số cho DNNVV gắn với hỗ trợ tư vấn, đào tạo và kết nối với các tập đoàn lớn. Nhật Bản phát huy vai trò Luật cơ bản về DNNVV, thiết kế mạng lưới tổ chức hỗ trợ tại trung ương và địa phương, kết hợp chính sách tín dụng ưu đãi, quỹ đổi mới công nghệ và chương trình nâng cao năng lực quản trị cho chủ doanh nghiệp. Singapore tập trung các gói trợ cấp trực tiếp cho DNNVV đầu tư công nghệ, chuyển đổi số, tham gia thương mại điện tử xuyên biên giới, đồng thời đơn giản hóa mạnh mẽ thủ tục, điều kiện đề doanh nghiệp tiếp cận chương trình. Đài Loan triển khai chính sách hỗ trợ tài chính, tư vấn và đào tạo cho DNNVV đổi mới mô hình kinh doanh, áp dụng công nghệ số, qua đó nâng cao năng suất và năng lực cạnh tranh. Những kinh nghiệm trên cho thấy tầm quan trọng của cách tiếp cận tổng thể, ổn định, coi DNNVV là đối tượng ưu tiên trong hệ thống chính sách phát triển kinh tế.

1.2. Bối cảnh trong nước

Luật Hỗ trợ DNNVV số 04/2017/QH14 được xây dựng và ban hành trong bối cảnh các văn bản pháp lý trước đó về hỗ trợ DNNVV¹ mới chỉ ở cấp Nghị định và nhiều chính sách hỗ trợ quy định tại các văn bản này chịu sự điều chỉnh

¹ Nghị định 90/2001/NĐ-CP và sau đó là Nghị định số 56/2009/NĐ-CP về trợ giúp phát triển DNNVV

của văn bản luật, do đó hiệu lực thực thi chính sách hỗ trợ chưa cao. Các chính sách hỗ trợ quy định tại cấp Nghị định còn chung chung, chưa bố trí nguồn lực cụ thể để triển khai dẫn tới hầu hết chính sách hỗ trợ chưa đi vào cuộc sống. Ngoài ra, Hiến pháp năm 2013 đã khẳng định: đảm bảo các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế bình đẳng, hợp tác và cạnh tranh theo pháp luật; nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện để doanh nhân, doanh nghiệp và cá nhân, tổ chức khác đầu tư, sản xuất, kinh doanh; phát triển bền vững các ngành kinh tế, góp phần xây dựng đất nước. Quan điểm này được thể hiện xuyên suốt sau đó tại các văn bản chỉ đạo, điều hành của Đảng và Chính phủ.

Do đó, việc xây dựng và ban hành Luật Hỗ trợ DNNVV năm 2017 nhằm khắc phục những hạn chế, bất cập về chính sách, tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ DNNVV cũng như nhằm cụ thể hoá chủ trương tại Nghị quyết Đại hội Đảng và Nhà nước về phát triển doanh nghiệp tư nhân, đặc biệt là DNNVV.

Kể từ khi Luật Hỗ trợ DNNVV năm 2017 được ban hành và có hiệu lực, các chính sách hỗ trợ đã được Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương đẩy mạnh triển khai, nhiều chính sách đã lần đầu tiên được triển khai mạnh mẽ và có tác động tích cực tới DNNVV như hỗ trợ về chuyển đổi số, hỗ trợ tư vấn, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ tham gia chuỗi giá trị, ... Các chính sách này đã góp phần giúp các DNNVV chuyển đổi mô hình sản xuất kinh doanh, nâng cao chất lượng quản trị một cách bền vững hơn.

Tuy nhiên, trong những năm gần đây, đặc biệt từ cuối năm 2020 tới nay, các DNNVV cũng phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức khi chịu tác động tiêu cực của các cú sốc từ bên ngoài (dịch bệnh, suy giảm thương mại toàn cầu, đứt gãy chuỗi cung ứng, biến động địa chính trị...) bên cạnh các cơ hội mới từ quá trình tái cấu trúc chuỗi giá trị, làn sóng chuyển dịch đầu tư và các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới.

Đối mặt với khó khăn từ bên ngoài, Việt Nam đã thể hiện quyết tâm chính trị cao, tập trung khơi thông mọi nguồn lực cho phát triển, đẩy mạnh các cải cách lớn về tổ chức bộ máy Chính phủ, sắp xếp đơn vị hành chính, hoàn thiện thể chế pháp luật, phân cấp, phân quyền. Nhờ sự chỉ đạo sát sao và nỗ lực của cả hệ thống chính trị, kinh tế – xã hội Việt Nam đã đạt được những kết quả tích cực: tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2025 tăng 8,02%, là mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011–2025. Đây là nền tảng quan trọng để tiếp tục triển khai các chính sách hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp, trong đó có DNNVV, một cách chủ động, hiệu quả hơn trong giai đoạn tới.

Để hỗ trợ khu vực kinh tế tư nhân nói chung, DNNVV nói riêng, Đảng, Nhà nước và Chính phủ đã thể hiện quyết tâm cao trong việc hoàn thiện khung pháp lý, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh của DNNVV trong bối cảnh mới, thông qua hàng loạt nghị quyết, kết luận quan trọng, cụ thể như:

- Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/1/2025 của Bộ Chính trị về định hướng đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật đã nêu rõ: “Phân định rõ thẩm quyền lập pháp và thẩm quyền lập quy, luật chỉ quy định những vấn đề thuộc thẩm

quyền Quốc hội, không luật hóa các nội dung thuộc phạm vi điều chỉnh của văn bản dưới luật; cơ bản không quy định thủ tục hành chính, trình tự, hồ sơ trong luật mà giao Chính phủ, các bộ quy định theo thẩm quyền nhưng không được đặt thêm thủ tục hành chính, phát sinh thêm giấy phép con so với hiện hành”.

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đã chỉ đạo: “Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa theo hướng xây dựng môi trường pháp lý thuận lợi, thông thoáng, minh bạch, an toàn, chi phí tuân thủ thấp; triệt để cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện đầu tư, kinh doanh, hành nghề, thủ tục hành chính bất hợp lý; thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh ổn định. ... Tạo cơ sở pháp lý để khu vực kinh tế tư nhân tiếp cận hiệu quả các nguồn lực về vốn, đất đai, nhân lực chất lượng cao...”; “Khẩn trương sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật đáp ứng yêu cầu thực hiện chủ trương tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính, gắn với phân cấp, phân quyền tối đa theo phương châm “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm” và việc cơ cấu lại không gian phát triển mới ở từng địa bàn”.

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân đã nhấn mạnh “Tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, ổn định, an toàn, dễ thực thi, chi phí thấp, đạt chuẩn quốc tế, bảo đảm khả năng cạnh tranh khu vực, toàn cầu. Kịp thời xây dựng, hoàn thiện pháp luật và cơ chế, chính sách đột phá để khuyến khích kinh tế tư nhân phát triển trong những lĩnh vực ưu tiên, đầu tư nghiên cứu phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số...”. Nghị quyết cũng đồng thời yêu cầu: “Hoàn thiện hệ thống pháp luật, xoá bỏ các rào cản tiếp cận thị trường đảm bảo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, rõ ràng, nhất quán, ổn định lâu dài, dễ tuân thủ, chi phí thấp.”

- Nhằm cụ thể hóa Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, ngày 16/5/2025 Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 138/NQ-CP về Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW. Một trong những nhiệm vụ quan trọng của Kế hoạch hành động liên quan trực tiếp đến DNNVV là giao Bộ Tài chính rà soát, sửa đổi Luật Hỗ trợ DNNVV năm 2017 trình Quốc hội trong năm 2026.

- Nghị quyết số 01/NQ-CP năm 2026 ngày 08/01/2026 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 đã đặt trọng tâm điều hành phát triển kinh tế – xã hội gắn với yêu cầu hoàn thiện thể chế và nâng cao chất lượng thực thi pháp luật. Nghị quyết nêu nhiệm vụ then chốt là “tập trung hoàn thiện đồng bộ thể chế, pháp luật, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật; đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh”, qua đó tạo nền tảng pháp lý và điều kiện thực thi thuận lợi hơn cho hoạt động sản xuất – kinh doanh, trong đó có khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Nghị quyết số 02/NQ-CP năm 2026 ngày 08/01/2026 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2026 nhấn mạnh yêu cầu cải thiện mạnh mẽ môi trường kinh doanh theo hướng kiến tạo – phục vụ, chuyển đổi phương thức quản lý để giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp.

Tại các văn bản chỉ đạo nêu trên đều khẳng định giải pháp về đẩy mạnh, hoàn thiện thể chế pháp luật là một trong những giải pháp chủ chốt, được coi là “đột phá của đột phá”, không chỉ là động lực, công cụ quan trọng để phát triển nhanh và bền vững của đất nước mà còn để củng cố lòng tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, quản lý xã hội của Nhà nước trong kỷ nguyên mới. Đối với lĩnh vực hỗ trợ DNNVV, bối cảnh đó đặt ra yêu cầu phải tổng kết toàn diện Luật Hỗ trợ DNNVV năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành, đánh giá đúng những kết quả đạt được, hạn chế, vướng mắc, nguyên nhân, để kịp thời sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện chính sách hỗ trợ DNNVV theo hướng: đồng bộ với hệ thống pháp luật về đầu tư, kinh doanh; phù hợp với yêu cầu đổi mới mô hình tăng trưởng, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh; bảo đảm môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, ổn định, chi phí tuân thủ thấp; lấy DNNVV làm trung tâm của chính sách, tạo điều kiện để DNNVV phát triển nhanh, bền vững trong giai đoạn 2026–2035 và tầm nhìn đến năm 2045.

2. Quá trình tổ chức tổng kết

Bộ Tài chính đã thực hiện tổng kết thi hành Luật Hỗ trợ DNNVV năm 2017 trên phạm vi toàn quốc, giai đoạn 2018 – 2025, cụ thể như sau :

- Tổ chức rà soát, đánh giá các văn bản quy phạm pháp luật, các Chương trình, đề án, kế hoạch hỗ trợ DNNVV ở trung ương và địa phương để nắm bắt tổng quan tình hình tổ chức thi hành Luật.

- Thực hiện thu thập phiếu khảo sát khoảng 500 DNNVV về mức độ thụ hưởng chính sách hỗ trợ và đề xuất, kiến nghị hoàn thiện chính sách hỗ trợ cho giai đoạn tiếp theo. Đồng thời, Bộ Tài chính làm việc, trao đổi với nhiều bộ, ngành, tổ chức, doanh nghiệp liên quan đến hoạt động hỗ trợ DNNVV để nắm bắt, đánh giá tình hình thực hiện trên thực tế, đồng thời đề xuất các kiến nghị, phản ánh vướng mắc trong quá trình thực thi pháp luật về hỗ trợ DNNVV.

- Tổ chức 03 Hội nghị tổng kết, đánh giá 08 năm thi hành Luật Hỗ trợ DNNVV và các văn bản hướng dẫn thi hành tại Hà Nội, Tp Hồ Chí Minh và Đà Nẵng; tổ chức đoàn làm việc với nhiều địa phương, tổ chức hiệp hội trên phạm vi cả nước để đánh giá toàn diện, khách quan 8 năm thi hành Luật Hỗ trợ DNNVV.

- Đồng thời Bộ Tài chính đã có Công văn số 798/BTC-DNTN ngày 20/1/2026 gửi các đề nghị các Bộ, ngành, cơ quan, hiệp hội doanh nghiệp, doanh nghiệp phối hợp thực hiện việc tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện và đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật hỗ trợ DNNVV. Tính đến hết ngày 10/3/2026, Bộ Tài chính đã nhận được tổng cộng 27 ý kiến của 4 bộ, ngành, và 23 địa phương.

- Trên cơ sở rà soát, tổng hợp ý kiến, Bộ Tài chính đã xây dựng Báo cáo Tổng kết thi hành luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa với các nội dung chủ yếu

sau: (I) Bối cảnh thực hiện tổng kết, (II) Kết quả thực hiện, (III) Đánh giá chung và bài học kinh nghiệm, (IV) Đề xuất, kiến nghị

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn triển khai Luật

Ngay sau khi Luật được ban hành, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) đã tích cực chủ động chủ trì hoặc phối hợp với các bộ, địa phương, hiệp hội triển khai phổ biến các quy định tại Luật và Nghị định để các đơn vị nắm bắt và triển khai các nhiệm vụ theo quy định. Trong 2 năm (2018-2019) triển khai Luật, Bộ đã tổ chức 07 Hội nghị quán triệt triển khai Luật², hàng chục buổi tập huấn, hướng dẫn các nội dung của Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành để các cơ quan, tổ chức có thể triển khai ngay chính sách hỗ trợ.

Bên cạnh đó, nhiều địa phương cũng đã chủ động tổ chức các buổi phổ biến và hướng dẫn triển khai Luật và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn như Tiền Giang, Bà Rịa-Vũng Tàu, Bắc Giang, Gia Lai, Huế, Quảng Ninh³,... Để nâng cao hiệu quả công tác triển khai Luật, hầu hết các địa phương đã tích cực chỉ đạo các sở, ban, ngành đăng tải Luật Hỗ trợ DNNVV và các văn bản hướng dẫn lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và cơ quan, đơn vị. Đồng thời, chỉ đạo cơ quan báo chí, truyền thông đẩy mạnh tuyên truyền về các nội dung của Luật và các văn bản hướng dẫn thông qua việc xây dựng các chuyên trang, chuyên mục, chuyên đề, cảm nang, ấn phẩm, tờ rơi, ... tuyên truyền mục đích, ý nghĩa, mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp nâng cao hiệu quả hỗ trợ DNNVV của địa phương. Trong 2 năm đầu triển khai Luật, 100% tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện hoạt động tuyên truyền, phổ biến Luật trên địa bàn.

Ngoài ra, một số tổ chức chính trị, hiệp hội doanh nghiệp như Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hiệp hội DNNVV Việt Nam, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Hiệp hội nữ doanh nhân Việt Nam cũng đã tích cực phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, chính quyền địa phương tổ chức các hội thảo, hội nghị tuyên truyền, phổ biến Luật.

Nhìn chung, việc tuyên truyền, phổ biến Luật đã đạt kết quả tốt; đã nâng cao nhận thức của chính quyền các cấp, xã hội và các tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp về công tác hỗ trợ DNNVV.

Các DNNVV đã có sự chủ động hơn trong việc tìm hiểu quy định pháp lý, tiếp cận các cơ quan, tổ chức để được thụ hưởng chính sách hỗ trợ, đồng thời đã chủ động hơn trong việc tự hoàn thiện, nâng cao năng lực để đủ điều kiện nhận được hỗ trợ.

Cùng với việc các bộ, địa phương đồng loạt đẩy mạnh ban hành các văn bản hướng dẫn, đề án, chương trình, kế hoạch triển khai Luật, việc kết hợp tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật, công tác hỗ trợ DNNVV đã nhận được sự đồng thuận cao của

² Năm 2018 tổ chức 03 Hội nghị cấp vùng Bắc, Trung, Nam và 01 Hội nghị cấp Trung ương dành cho các Bộ, ngành, hiệp hội doanh nghiệp; Năm 2019 tiếp tục tổ chức 03 Hội nghị cấp vùng Bắc, Trung, Nam.

³ Các địa phương trước khi sáp nhập địa giới hành chính

chính quyền các cấp cũng như đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức từ trung ương đến địa phương, góp phần đẩy nhanh công tác thực thi Luật trong thực tiễn.

2. Hoàn thiện khung pháp lý hướng dẫn thi hành văn bản quy phạm pháp luật

Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 được Quốc hội khóa XIV thông qua ngày 12/6/2017, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018. Luật bao gồm 04 Chương và 35 Điều. Luật đã tạo lập khuôn khổ pháp lý thống nhất, lần đầu tiên quy định có hệ thống về nguyên tắc, nội dung, nguồn lực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV); xác định rõ trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc hỗ trợ DNNVV, qua đó góp phần hiện thực hóa chủ trương của Đảng, Nhà nước về phát triển DNNVV trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế.

Ngay sau khi Luật được ban hành, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các bộ, ngành đã quán triệt, chỉ đạo tổ chức triển khai thi hành Luật trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) – cơ quan được giao chủ trì thực hiện quản lý nhà nước về hỗ trợ DNNVV – đã khẩn trương trình Chính phủ ban hành các văn bản hướng dẫn, đôn đốc các bộ, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch hỗ trợ DNNVV; phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, xây dựng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật, bảo đảm việc tổ chức thi hành Luật được tiến hành đồng bộ, kịp thời, khả thi.

Đề quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Hỗ trợ DNNVV, Chính phủ đã ban hành **08 Nghị định** hướng dẫn thi hành, cụ thể:

- Nghị định số 34/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho DNNVV: Nghị định đã thiết lập khuôn khổ pháp lý cho việc hình thành và vận hành Quỹ bảo lãnh tín dụng ở cấp địa phương; quy định cụ thể về mô hình quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách cấp tỉnh, nguyên tắc tổ chức và hoạt động, cơ chế quản lý – điều hành, cũng như nội dung, điều kiện và quy trình bảo lãnh tín dụng nhằm hỗ trợ DNNVV tiếp cận vốn vay của các tổ chức tín dụng, góp phần giảm thiểu rủi ro tín dụng và thúc đẩy phát triển khu vực DNNVV.

- Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 về đầu tư cho DNNVV khởi nghiệp sáng tạo: đây là văn bản lần đầu tiên thể chế hóa các quy định về đầu tư cho DNNVV khởi nghiệp sáng tạo, quy định chi tiết việc hình thành và hoạt động của quỹ nhằm cung cấp khoản vốn hạt giống ban đầu hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo phát triển. Nghị định đã được sửa đổi, bổ sung một số nội dung quan trọng bởi Nghị định số 210/2025/NĐ-CP ngày 21/7/2025 của Chính phủ nhằm cập nhật, hoàn thiện cơ chế đầu tư cho DNNVV khởi nghiệp sáng tạo phù hợp với bối cảnh mới (đổi mới sáng tạo, công nghệ số, thị trường vốn...).

- Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ DNNVV, trong đó làm rõ tiêu chí xác định DNNVV theo quy mô; quy định cụ thể các nhóm hỗ trợ chủ yếu như: hỗ trợ công

nghệ (tiếp nhận, chuyển giao, đổi mới công nghệ; sử dụng cơ sở ương tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung), hỗ trợ thông tin, tư vấn (xây dựng, vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, mạng lưới tư vấn viên), hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực (đào tạo khởi sự kinh doanh, quản trị doanh nghiệp, đào tạo nghề cho lao động trong DNNVV), hỗ trợ DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh, hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị, đồng thời quy định rõ nguyên tắc, điều kiện, trình tự, thủ tục để DNNVV được tiếp cận các hỗ trợ này.

Đến ngày 26/8/2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 80/2021/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ DNNVV; thay thế toàn bộ Nghị định số 39/2018/NĐ-CP. Nghị định số 80/2021/NĐ-CP tiếp tục kế thừa các nội dung cơ bản của Nghị định số 39/2018/NĐ-CP, đồng thời cập nhật, mở rộng và cụ thể hóa các tiêu chí, phương thức xác định DNNVV được hỗ trợ và bổ sung những chính sách hỗ trợ bám sát nhu cầu và xu thế phát triển theo tinh thần đổi mới, đơn giản hóa thủ tục, tăng cường phân cấp, phân quyền; bổ sung, điều chỉnh các quy định về hỗ trợ chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, liên kết chuỗi giá trị. Đồng thời hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương trong tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ DNNVV, tạo cơ sở pháp lý thông thoáng, minh bạch hơn để Luật Hỗ trợ DNNVV được triển khai hiệu quả trong bối cảnh mới.

- Nghị định số 39/2019/NĐ-CP ngày 10/5/2019 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển DNNVV: Nghị định quy định cụ thể vị trí pháp lý, chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, cơ chế tài chính và hoạt động nghiệp vụ của Quỹ Phát triển DNNVV. Nghị định xác định rõ nguồn vốn điều lệ, nguồn bổ sung vốn của Quỹ; các hình thức hỗ trợ chủ yếu của Quỹ đối với DNNVV (cho vay trực tiếp, cho vay gián tiếp thông qua tổ chức tín dụng, tài trợ, hỗ trợ tăng cường năng lực); nguyên tắc cho vay, mức cho vay, lãi suất, điều kiện vay, cơ chế quản lý rủi ro và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan. Tiếp đó, Chính phủ sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định số 45/2024/NĐ-CP ngày 26/4/2024 để điều chỉnh một số quy định về cơ cấu tổ chức, thẩm quyền quyết định, cơ chế tài chính và quản lý rủi ro, nhằm nâng cao tính tự chủ, trách nhiệm giải trình và hiệu quả hoạt động của Quỹ Phát triển DNNVV trong việc sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

- Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24/6/2019 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho DNNVV. Trên cơ sở Nghị định này, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 81/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành cho DNNVV giai đoạn 2021–2025, tạo khuôn khổ để Bộ Tư pháp và các bộ, ngành, địa phương triển khai nhiều hoạt động hỗ trợ pháp lý thiết thực cho DNNVV. Bám sát tinh thần của Nghị quyết số 68/NQ-TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, Bộ Tư pháp đã trình Chính phủ ban hành Quyết định số 84/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành cho DNNVV, hộ kinh doanh giai đoạn 2026–2030.

Để hướng dẫn thi hành các quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, giai đoạn 2017-2025, các bộ, ngành đã ban hành hệ thống **20 Thông tư** hướng dẫn trong nhiều lĩnh vực như:

(1) Thông tư số 32/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2018 hướng dẫn việc đào tạo nghề đối với lao động đang làm việc trong doanh nghiệp nhỏ và vừa, do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành.

(2) Thông tư số 45/2018/TT-NHNN ngày 28/12/2018 hướng dẫn các tổ chức tín dụng phối hợp với Quỹ bảo lãnh tín dụng địa phương trong việc cho vay có bảo lãnh theo quy định tại Nghị định số 34/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành.

(3) Thông tư số 132/2018/TT-BTC ngày 28/12/2018 hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp siêu nhỏ nhằm đơn giản hóa chế độ kế toán đối với doanh nghiệp quy mô rất nhỏ theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, do Bộ Tài chính ban hành.

(4) Thông tư số 04/2019/TT-BLĐTBXH ngày 23/01/2019 hướng dẫn quản lý lao động, tiền lương, thù lao và tiền thưởng đối với Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành.

(5) Thông tư số 15/2019/TT-BTC ngày 18/3/2019 hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Nghị định số 34/2018/NĐ-CP của Chính phủ, do Bộ Tài chính ban hành.

(6) Thông tư số 05/2019/TT-BKHĐT ngày 29/3/2019 hướng dẫn hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và các văn bản hướng dẫn thi hành, do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành.

(7) Thông tư số 06/2019/TT-BKHĐT ngày 29/3/2019 hướng dẫn quy chế tổ chức và hoạt động của mạng lưới tư vấn viên, hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua mạng lưới tư vấn viên, do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành.

(8) Thông tư số 49/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, do Bộ Tài chính ban hành.

(9) Thông tư số 54/2019/TT-BTC ngày 21/8/2019 hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng dịch vụ tư vấn thuộc mạng lưới tư vấn viên, do Bộ Tài chính ban hành.

(10) Thông tư số 57/2019/TT-BTC ngày 26/8/2019 hướng dẫn cơ chế xử lý rủi ro của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho DNNVV, do Bộ Tài chính ban hành.

(11) Thông tư số 34/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 hướng dẫn quản lý lao động, tiền lương, thù lao và tiền thưởng đối với Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Nghị định số 39/2019/NĐ-CP của Chính phủ, do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành.

(12) Thông tư số 08/2020/TT-BKHĐT ngày 13/11/2020 hướng dẫn việc tiếp nhận tài trợ, đóng góp và nhận ủy thác của Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành.

(13) Thông tư số 14/2020/TT-BKHĐT ngày 28/12/2020 hướng dẫn việc xử lý rủi ro trong hoạt động cho vay trực tiếp của Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành.

(14) Thông tư số 07/2020/TT-BKHCN ngày 10/12/2020 hướng dẫn thành lập cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.

(15) Thông tư số 64/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước phục vụ hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Nghị định số 55/2019/NĐ-CP của Chính phủ, do Bộ Tài chính ban hành.

(16) Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế, trong đó có nội dung liên quan đến việc hỗ trợ hộ kinh doanh chuyển đổi sang doanh nghiệp nhỏ và vừa, do Bộ Tài chính ban hành.

(17) Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10/5/2022 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành.

(18) Thông tư số 52/2023/TT-BTC ngày 08/8/2023 hướng dẫn cơ chế quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước chi thường xuyên để thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, do Bộ Tài chính ban hành.

(19) Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 hướng dẫn một số nội dung về hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, do Bộ Tư pháp ban hành.

(20) Thông tư số 09/2025/TT-BTC năm 2025 hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp khu vực tư nhân kinh doanh bền vững, trong đó có nội dung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, do Bộ Tài chính ban hành.

Như vậy, đến nay, hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành Luật Hỗ trợ DNNVV đã cơ bản đầy đủ, làm cơ sở cho việc triển khai các chính sách hỗ trợ DNNVV trong thực tế.

3. Kết quả thi hành Luật Hỗ trợ DNNVV năm 2017

3.1. Về chính sách hỗ trợ tiếp cận tín dụng cho DNNVV

Theo Điều 8 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017, trong từng thời kỳ, Chính phủ quyết định chính sách hỗ trợ tổ chức tín dụng tăng dư nợ cho vay đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa; khuyến khích tổ chức tín dụng cho vay đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa dựa trên xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp và biện pháp phù hợp khác; DNNVV được cấp bảo lãnh tín dụng thông qua quỹ bảo lãnh

tín dụng cho DNNVV ở địa phương và tiếp cận nguồn vốn ưu đãi qua Quỹ Phát triển DNNVV.

a) Về khung pháp lý

Về hỗ trợ tiếp cận tín dụng cho DNNVV qua hệ thống NHTM: Thực hiện nội dung hỗ trợ quy định tại Điều 8 Luật Hỗ trợ DNNVV, xác định DNNVV là một trong những lĩnh vực ưu tiên cấp tín dụng, trong những năm qua, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) Việt Nam tiếp tục điều hành, ban hành, triển khai nhiều chính sách về tiền tệ, tín dụng, tạo điều kiện thuận lợi cho DNNVV tiếp cận vốn tín dụng để thúc đẩy sản xuất kinh doanh. Đồng thời, đã chỉ đạo các tổ chức tín dụng (TCTD) triển khai đồng bộ các giải pháp tháo gỡ khó khăn, tăng khả năng tiếp cận vốn cho DNNVV. Các TCTD đã có sự thay đổi, chuyển biến mạnh mẽ trong hoạt động cấp tín dụng nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn của các DNNVV như: (i) Xây dựng quy trình thu thập, khai thác thông tin về đánh giá tín nhiệm, hoạt động của khách hàng để nâng cao hiệu quả thẩm định và đánh giá mức độ tín nhiệm của khách hàng vay, qua đó tăng cường khả năng cho vay không có bảo đảm bằng tài sản; (ii) Đổi mới quy trình, đơn giản hóa thủ tục vay vốn, xây dựng các chương trình, gói tín dụng với lãi suất hợp lý cho DNNVV; (iii) Cân đối khả năng tài chính, tiết giảm chi phí hoạt động, nâng cao hiệu quả kinh doanh và đảm bảo an toàn hoạt động để có điều kiện giảm lãi suất cho vay ở mức hợp lý, phù hợp với mặt bằng lãi suất huy động và mức độ rủi ro của khoản vay.

Giai đoạn 2018-2025, bám sát nghị quyết của Bộ Chính trị, Quốc hội, chỉ đạo của Chính phủ, NHNN Việt Nam tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác nhằm góp phần kiểm soát lạm phát, hỗ trợ phục hồi kinh tế, thích ứng kịp thời với diễn biến thị trường trong và ngoài nước, qua đó ổn định thị trường tiền tệ, ngoại hối và đảm bảo an toàn hệ thống ngân hàng. Đồng thời, NHNN đã xây dựng và hoàn thiện khuôn khổ pháp lý tạo thuận lợi cho DNNVV tiếp cận vốn tín dụng, trong đó, NHNN đã ban hành các quy định về cấp tín dụng hoạt động bao thanh toán, thư tín dụng, bảo lãnh ngân hàng, cho vay bằng phương tiện điện tử⁴. Đồng thời, hằng năm, tại Chỉ thị số 01/CT-NHNN về các nhiệm vụ trọng tâm thực hiện giải pháp tiền tệ, hoạt động ngân hàng và các văn bản chỉ đạo tín dụng, NHNN đều chỉ đạo các TCTD cân đối nguồn vốn đáp ứng nhu cầu vốn tín dụng cho nền kinh tế, hướng dòng vốn tín dụng vào các lĩnh vực ưu tiên và các động lực tăng trưởng kinh tế theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, trong đó có DNNVV. Thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị, NHNN tiếp tục chỉ đạo các TCTD thực hiện các giải pháp hỗ trợ tín dụng cho

⁴ Thông tư số 06/2023/TT-NHNN ngày 28/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016, trong đó có quy định về hoạt động cho vay bằng phương tiện điện tử của TCTD đối với khách hàng; Thông tư số 20/2024/TT-NHNN ngày 28/6/2024 của Thống đốc NHNN quy định về bao thanh toán và dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; Thông tư số 21/2024/TT-NHNN ngày 28/6/2024 của Thống đốc NHNN quy định về nghiệp vụ thư tín dụng và các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến thư tín dụng; Thông tư số 61/2024/TT-NHNN ngày 31/12/2024 của Thống đốc NHNN quy định về bảo lãnh ngân hàng.

DNNVV, ưu tiên nguồn vốn tín dụng cho doanh nghiệp tư nhân, nhất là DNNVV⁵. Đây là quan điểm chỉ đạo xuyên suốt của NHNN trong nhiều năm qua nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho DNNVV.

Về phía các tổ chức tín dụng, thực hiện chỉ đạo của NHNN, trên cơ sở định hướng của NHNN, các TCTD đã điều chỉnh chính sách tín dụng theo hướng thân thiện hơn với DNNVV như xây dựng quy trình đánh giá tín nhiệm khách hàng, tăng tỷ trọng cho vay không có tài sản bảo đảm đối với khách hàng có lịch sử tín dụng tốt; điều chỉnh, đơn giản hóa thủ tục vay vốn, rút ngắn thời gian thẩm định và phê duyệt hồ sơ; phát triển các gói tín dụng, sản phẩm tài chính chuyên biệt cho DNNVV; đẩy mạnh kênh cho vay điện tử, ngân hàng số, tạo thêm phương thức tiếp cận vốn linh hoạt, phù hợp với đặc thù quy mô nhỏ, nhu cầu vốn vừa và nhỏ, quay vòng nhanh của DNNVV.

Ở cấp địa phương, nhiều tỉnh, thành phố đã phối hợp giữa NHNN chi nhánh tỉnh, các ngân hàng thương mại và hiệp hội doanh nghiệp tổ chức thường xuyên các hội nghị “kết nối ngân hàng – doanh nghiệp”, đối thoại, rà soát từng hồ sơ cụ thể. Qua đó, nhiều vướng mắc về tài sản bảo đảm, lịch sử tín dụng, hồ sơ chứng từ được xử lý kịp thời; doanh nghiệp được cơ cấu nợ, giữ nguyên nhóm nợ hoặc tiếp cận khoản vay mới. Riêng đến tháng 10/2023, đã có khoảng 460 buổi đối thoại, với dư nợ cho vay mới đạt trên 1,6 triệu tỷ đồng, hàng trăm nghìn doanh nghiệp được tiếp cận vốn và hưởng các hình thức hỗ trợ như giảm lãi suất, giảm phí, cơ cấu nợ.

Về hỗ trợ tiếp cận tín dụng qua Quỹ bảo lãnh tín dụng (BLTD) cho DNNVV ở địa phương: Để triển khai Luật Hỗ trợ DNNVV, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 34/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ BLTD cho DNNVV; đồng thời ban hành hệ thống văn bản hướng dẫn để hoàn thiện khung pháp lý và cơ chế vận hành Quỹ, gồm: Thông tư số 15/2019/TT-BTC ngày 18/3/2019 hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ BLTD; Thông tư số 57/2019/TT-BTC ngày 26/8/2019 hướng dẫn cơ chế xử lý rủi ro của Quỹ BLTD. Đồng thời, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã ban hành Thông tư số 45/2018/TT-NHNN ngày 28/12/2018 hướng dẫn các tổ chức tín dụng trong cho vay có bảo lãnh của Quỹ bảo lãnh tín dụng theo quy định tại Nghị định số 34/2018/NĐ-CP nhằm tăng khả năng tiếp cận vốn cho DNNVV.

Về hỗ trợ tiếp cận tín dụng qua Quỹ Phát triển DNNVV: Quỹ Phát triển DNNVV được tổ chức và hoạt động theo Nghị định số 39/2019/NĐ-CP và sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 45/2024/NĐ-CP. Quỹ có vốn điều lệ tối thiểu 2.000 tỷ đồng, nhằm cung cấp nguồn vốn ưu đãi và hỗ trợ nâng cao năng lực cho DNNVV khởi nghiệp sáng tạo và DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi

⁵ Thông báo số 233/TB-NHNN ngày 22/7/2025 về Kết luận của Thống đốc NHNN tại Hội nghị sơ kết hoạt động ngân hàng 6 tháng đầu năm và triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2025 chỉ đạo các TCTD “*Cân đối nguồn vốn để đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn tín dụng cho nền kinh tế theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, trong đó chú trọng: Hướng tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên và các động lực tăng trưởng kinh tế; tăng cường tài trợ vốn cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng; ưu tiên nguồn vốn tín dụng cho doanh nghiệp tư nhân, nhất là DNNVV, doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo vay để đầu tư máy móc, thiết bị, công nghệ mới, chuyển đổi xanh, chuyển đổi số...*”

giá trị. Ngoài cho vay DNNVV qua hình thức gián tiếp qua các ngân hàng thương mại, Chính phủ đã cho phép Quỹ được đa dạng hóa hình thức hỗ trợ, mở rộng sang cho vay trực tiếp và tài trợ vốn.

b) Về một số kết quả

- Về kết quả dư nợ cấp tín dụng cho DNNVV tại các tổ chức tín dụng: Dư nợ tín dụng đối với DNNVV tăng đều qua các năm: năm 2022, dư nợ tín dụng đối với DNNVV đạt khoảng trên 2,4 triệu tỷ đồng, tăng 13,22% so với năm 2021. Đến cuối năm 2023, dư nợ tín dụng đối với DNNVV đạt trên 2,7 triệu tỷ đồng, tăng 11,3% so với cuối năm 2022. Năm 2024, dư nợ tín dụng đối với DNNVV đạt trên 3 triệu tỷ đồng, tăng 10,43% so với năm 2023. Đến 31/12/2025 đã có trên 100 TCTD tham gia cho vay DNNVV, dư nợ tín dụng đối với DNNVV đạt trên 3,65 triệu tỷ đồng, tăng 21,73% so với tháng 12/2024, tăng 223% so với năm 2017 (thời điểm Luật Hỗ trợ DNNVV được ban hành), chiếm khoảng 20% dư nợ toàn nền kinh tế.sss

Nhìn chung, việc triển khai chính sách hỗ trợ tiếp cận tín dụng qua hệ thống TCTD đã góp phần cải thiện khả năng tiếp cận vốn, hỗ trợ DNNVV duy trì, mở rộng sản xuất – kinh doanh, nhất là trong bối cảnh chịu tác động kép từ đại dịch và biến động kinh tế thế giới.

- Về kết quả hỗ trợ tiếp cận tín dụng qua quỹ BLTD ở địa phương: Theo báo cáo của các Quỹ BLTD địa phương, trước khi thực hiện sắp xếp chính quyền địa phương hai cấp, có 26 Quỹ BLTD địa phương. Trong giai đoạn 2018-2024, có 229 DNNVV được cấp bảo lãnh tín dụng tại các Quỹ BLTD, với tổng số tiền bảo lãnh khoảng 874 tỷ đồng.

- Về kết quả hỗ trợ tiếp cận tín dụng qua Quỹ Phát triển DNNVV: Trong năm 2025, Quỹ ước thực hiện chấp thuận chuyển vốn cho vay gián tiếp với số tiền khoảng 592,82 tỷ đồng; ký hợp đồng cho vay khoảng 656,13 tỷ đồng; thực hiện giải ngân theo tiến độ triển khai dự án, phương án sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đạt khoảng 470,57 tỷ đồng (đạt 157% kế hoạch năm); dư nợ cho vay gián tiếp khoảng 809,14 tỷ đồng (đạt 135% kế hoạch năm). Lũy kế đến hết năm 2025, Quỹ chấp thuận cho vay khoảng 1.554,10 tỷ đồng, tổng vốn giải ngân cho DNNVV theo tiến độ của dự án vay vốn đạt khoảng 1.194,29 tỷ đồng, tổng số thu hồi nợ gốc khoảng 419,97 tỷ đồng. Kể từ ngày 04/10/2023 đến nay, Quỹ thực hiện theo Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 15/7/2023, công bố mức lãi suất cho vay ngắn hạn 1,2%/năm và lãi suất cho vay trung, dài hạn 4,4%/năm. Trên cơ sở quy định của Chính phủ và thực tiễn triển khai hoạt động cho vay gián tiếp, Quỹ đã ban hành Quy chế cho vay gián tiếp kèm theo Quyết định số 05/QĐ-HĐTV ngày 04/4/2025. Đồng thời, Quỹ thường xuyên trao đổi, phối hợp với các ngân hàng thương mại để đẩy mạnh hoạt động cho vay gián tiếp; trong năm 2025, Quỹ ký thêm hợp đồng khung cho vay gián tiếp với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín (Vietbank), đồng thời rà soát và ký lại hợp đồng khung với 09 ngân hàng thương mại trên cơ sở nội dung điều chỉnh của Quy chế mới; đến nay có 10 ngân hàng thương mại đã ký thỏa thuận hợp tác với Quỹ trong hoạt động cho vay gián

tiếp, và Quỹ đang tiếp tục đánh giá, làm việc với Vietinbank và Vietcombank để triển khai trong thời gian tới.

c) Về một số hạn chế, tồn tại

Bên cạnh những kết quả nêu trên, việc triển khai chính sách hỗ trợ tiếp cận tín dụng đối với DNNVV vẫn bộc lộ một số hạn chế, tồn tại:

- Tỷ trọng dư nợ dành cho DNNVV chỉ duy trì ở mức 19-20% tổng dư nợ toàn nền kinh tế, thấp hơn nhiều so với tỷ lệ DNNVV trong tổng số doanh nghiệp, do mức hấp thụ tín dụng của DNNVV còn hạn chế, quy mô vốn nhỏ, sức chống chịu yếu, phương án kinh doanh thường xuyên biến động; năng lực lập, trình bày và chứng minh tính khả thi của dự án, phương án vay vốn còn yếu, làm giảm khả năng đáp ứng yêu cầu của TCTD. Bên cạnh đó, từ khi Luật và các Nghị định quy định chi tiết về tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển DNNVV và Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho DNNVV được ban hành, hoạt động của 02 Quỹ trên vẫn chưa phát huy hiệu quả trong việc tăng khả năng tiếp cận tín dụng cho DNNVV.

- Hạn chế về tài sản bảo đảm tiếp tục là điểm nghẽn lớn: mặc dù một số TCTD đã tăng cường cho vay không có tài sản bảo đảm đối với khách hàng có lịch sử tín dụng tốt, song vẫn phải tuân thủ chặt chẽ các chuẩn mực an toàn vốn, dẫn đến mức độ chấp nhận rủi ro đối với DNNVV còn thấp.

- Việc tiếp cận tài chính thông qua Quỹ Bảo lãnh tín dụng trong thời gian qua chưa được hiệu quả do nhiều nguyên nhân, trong đó có một số nguyên nhân bao gồm:

+ Về địa vị pháp lý: Quy định về yêu cầu bảo toàn vốn đối với Quỹ bảo lãnh tín dụng cho DNNVV tại Nghị định số 34/2018/NĐ-CP phần nào đã tạo ra ràng buộc khiến hoạt động bảo lãnh mang tính thận trọng cao. Trên thực tế, để bảo đảm yêu cầu bảo toàn vốn, nhiều Quỹ có xu hướng yêu cầu doanh nghiệp phải có tài sản bảo đảm, thay vì xem xét cấp bảo lãnh chủ yếu dựa trên phương án sản xuất, kinh doanh hoặc kết quả xếp hạng tín nhiệm. Trong khi đó, DNNVV thường hạn chế về tài sản bảo đảm và đây cũng là nguyên nhân khiến nhóm doanh nghiệp này cần đến cơ chế bảo lãnh tín dụng để có thể tiếp cận vốn vay tại ngân hàng thương mại.

+ Về cơ cấu tổ chức: Quy định Chủ tịch Quỹ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh bổ nhiệm nhưng chưa quy định cụ thể tiêu chuẩn, điều kiện hoặc đối tượng được bổ nhiệm dẫn đến việc triển khai không thống nhất giữa các địa phương. Thực tế có địa phương bổ nhiệm cán bộ có thời gian công tác còn ngắn hoặc cán bộ không trực tiếp phụ trách, chưa có kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý kinh tế; vì vậy công tác lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động của Quỹ chưa đồng đều, có nơi chưa bảo đảm tính quyết liệt trong tổ chức thực hiện.

+ Về nguồn vốn hoạt động: Đây là một trong những vướng mắc lớn ảnh hưởng trực tiếp đến quy mô và khả năng mở rộng hoạt động của Quỹ. Cơ cấu nguồn vốn của Quỹ BLTD hiện chủ yếu là vốn điều lệ do ngân sách địa phương cấp, trong khi chưa có sự tham gia của các nguồn vốn khác (như vốn đóng góp của tổ chức tài chính, tổ chức tín dụng, doanh nghiệp lớn...). Trong bối cảnh khả

năng bố trí ngân sách địa phương còn hạn chế, quy mô hoạt động của Quỹ BLTD bị giới hạn, khó phát triển. Do đó, cần nghiên cứu cơ chế để Quỹ BLTD có thể được bổ sung nguồn vốn định kỳ từ các bên liên quan trực tiếp và được hưởng lợi từ hoạt động bảo lãnh tín dụng, phù hợp thông lệ quốc tế và điều kiện thực tiễn tại Việt Nam.

+ Về tỷ lệ chấp nhận rủi ro: Do quy định hiện hành đặt nặng yêu cầu bảo toàn vốn, chưa có quy định về tỷ lệ chấp nhận rủi ro, nên việc triển khai bảo lãnh còn thận trọng; người điều hành Quỹ có tâm lý e ngại trách nhiệm, dẫn đến hiệu quả hoạt động chưa cao. Vì vậy, cần nghiên cứu bổ sung quy định về mức/tỷ lệ chấp nhận rủi ro để vừa bảo đảm an toàn vốn, vừa tạo cơ sở cho Quỹ chủ động triển khai bảo lãnh theo đúng vai trò hỗ trợ DNNVV.

+ Về cơ chế bảo lãnh vô điều kiện/có điều kiện: Thời gian qua phát sinh vướng mắc do chưa thống nhất cách hiểu về bảo lãnh vô điều kiện và bảo lãnh có điều kiện, dẫn đến một số vụ việc tranh chấp trong quá trình triển khai. Phía ngân hàng thương mại với tư cách bên nhận bảo lãnh thường cho rằng Quỹ phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh ngay khi bên được bảo lãnh không trả nợ đúng hạn. Tuy nhiên, trên thực tế, việc chậm trả nợ có thể phát sinh do nhiều nguyên nhân, trong đó có trường hợp ngân hàng chưa kiểm soát chặt chẽ khoản vay. Nếu quy định thực hiện bảo lãnh vô điều kiện trong mọi trường hợp sẽ làm gia tăng rủi ro đối với Quỹ BLTD; do đó cần tiếp tục làm rõ cơ chế, điều kiện thực hiện bảo lãnh để hạn chế tranh chấp, bảo đảm hài hòa lợi ích và phân định trách nhiệm phù hợp giữa các bên.

+ Về xếp hạng tín nhiệm đối với DNNVV được bảo lãnh: Nghị định số 34/2018/NĐ-CP quy định một trong các biện pháp bảo đảm cho hoạt động bảo lãnh là “xếp hạng tín nhiệm của doanh nghiệp được xem xét cấp bảo lãnh tín dụng theo đánh giá xếp hạng của Quỹ BLTD là doanh nghiệp đảm bảo khả năng trả nợ cho khoản vay tại tổ chức cho vay”. Tuy nhiên, quy định này gặp khó khăn khi triển khai do quy mô Quỹ còn nhỏ, năng lực chuyên môn và kinh nghiệm nghiệp vụ về xếp hạng tín nhiệm còn hạn chế. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy hoạt động bảo lãnh tín dụng thường gắn với cả xếp hạng tín nhiệm độc lập và xếp hạng tín nhiệm nội bộ; đây cũng là nội dung quan trọng, cần được nghiên cứu quy định rõ hơn trong hệ thống văn bản pháp luật có giá trị pháp lý cao hơn và phù hợp năng lực triển khai của Quỹ.

+ Về cơ chế cho vay của ngân hàng thương mại: Theo quy định hiện hành và thực tiễn triển khai, ngân hàng thương mại vẫn cho vay với lãi suất thông thường; một số ngân hàng vẫn yêu cầu tài sản bảo đảm ngay cả khi DNNVV đã được Quỹ BLTD cấp bảo lãnh. Bảo lãnh của Quỹ là bảo lãnh có điều kiện, Quỹ vẫn yêu cầu DNNVV có tài sản đảm bảo, trong khi hạn chế về tài sản bảo đảm của DNNVV là nguyên nhân gây khó khăn cho TCTD khi thẩm định và quyết định cho vay đối với DNNVV, thực tiễn này chưa phù hợp với mục tiêu của cơ chế bảo lãnh tín dụng, vì cơ chế bảo lãnh cũng góp phần giảm thiểu rủi ro tín dụng và mang lại lợi ích cho ngân hàng thương mại.

- Việc tiếp cận vốn từ Quỹ Phát triển DNNVV chưa đạt được như kỳ vọng do một số nguyên nhân chính:

+ Đối tượng hỗ trợ của Quỹ Phát triển DNNVV bị thu hẹp khi chỉ được hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo và DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị, khiến phần lớn DNNVV không đủ điều kiện tiếp cận nguồn vốn ưu đãi này, đặc biệt trong bối cảnh nhiều doanh nghiệp chỉ cần khoản vay nhỏ để phục hồi sau dịch.

+ Theo quy định, vốn điều lệ của Quỹ là 2.000 tỷ đồng nhưng trên thực tế, vốn điều lệ thực cấp cho Quỹ đến năm 2025 đạt khoảng gần 1.000 tỷ đồng, chỉ bằng ½ so với quy định.

+ Quỹ hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ nhưng chưa có quy định rõ ràng về cơ chế áp dụng pháp luật doanh nghiệp đối với loại hình đặc thù này, dẫn tới cách hiểu và cách thực hiện khác nhau, làm chậm tiến độ phê duyệt và giải ngân. Ngoài ra, việc Quỹ mới chỉ tập trung cho vay chủ yếu gián tiếp qua ngân hàng thương mại cũng làm giảm bớt lợi thế “vốn nhà nước giá rẻ” khi đến tay DN.

+ Cơ chế xử lý rủi ro của Quỹ Phát triển DNNVV và Quỹ bảo lãnh tín dụng cho DNNVV chưa phù hợp, do đó chưa phát huy hiệu quả trong việc bảo lãnh, tăng khả năng tiếp cận tín dụng cho DNNVV.

Có thể khẳng định nhóm chính sách hỗ trợ tiếp cận tín dụng qua các TCTD đã được triển khai tương đối đồng bộ, bám sát chủ trương ưu tiên hỗ trợ DNNVV; tuy nhiên, hiệu quả vẫn bị giới hạn bởi năng lực tài chính, quản trị của bản thân doanh nghiệp và bởi thiết kế các công cụ chia sẻ rủi ro chưa thực sự hấp dẫn, chưa tạo được động lực đủ mạnh để khu vực ngân hàng mở rộng hơn nữa tín dụng đối với khu vực DNNVV.

3.2. Về chính sách hỗ trợ hỗ trợ thuế, kế toán

a) Về khung pháp lý

Điều 10 Luật Hỗ trợ DNNVV quy định DNNVV được áp dụng có thời hạn mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thấp hơn mức thuế suất thông thường áp dụng cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và doanh nghiệp siêu nhỏ được áp dụng các thủ tục hành chính thuế và chế độ kế toán đơn giản theo quy định của pháp luật về thuế, kế toán.

Luật Hỗ trợ DNNVV quy định nguyên tắc ưu đãi thuế TNDN đối với doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ; tuy nhiên, cho đến năm 2025, nội dung này mới được cụ thể hóa trong Luật thuế TNDN số 67/2025/QH15. Theo đó, lần đầu tiên các chính sách ưu đãi thuế TNDN cho doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ theo Điều 10 Luật Hỗ trợ DNNVV đã được thể chế hóa: doanh nghiệp có doanh thu dưới 3 tỷ đồng/năm (tương đương quy mô doanh nghiệp siêu nhỏ) được áp dụng thuế suất 15%; doanh nghiệp có doanh thu dưới 50 tỷ đồng/năm (tương đương quy mô doanh nghiệp nhỏ) được áp dụng thuế suất 17%. Đây là bước tiến quan trọng, bảo đảm sự đồng bộ giữa Luật Hỗ trợ DNNVV và hệ thống chính sách thuế, tạo cơ sở pháp lý để “kích hoạt” ưu đãi thuế TNDN cho DNNVV trong giai đoạn tới.

Ngoài ra, thể chế hóa các định hướng hỗ trợ kinh tế tư nhân tại Nghị quyết số 68-NQ/TW, Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển KTTN (khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 10) đã quy định chính sách ưu đãi thuế TNDN đối với thu nhập từ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, công ty quản lý quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; đối với khoản thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp, quyền góp vốn, quyền mua cổ phần, quyền mua phần vốn góp vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; miễn thuế TNDN cho DNNVV trong 3 năm đầu sau khi thành lập.

b) Về một số kết quả

Mặc dù chính sách ưu đãi thuế TNDN cho DNNVV chưa được đồng bộ tại pháp luật thuế và do đó chưa triển khai được trong giai đoạn 2018-2024, tuy nhiên, trong bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước có nhiều khó khăn, để hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn do đại dịch Covid-19, suy thoái kinh tế toàn cầu, giai đoạn 2020–2024, Chính phủ đã triển khai một loạt giải pháp miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, lệ phí và tiền thuê đất với quy mô rất lớn, trong đó DNNVV là đối tượng thụ hưởng chủ yếu.

- *Về hỗ trợ thuế, phí, lệ phí:* Thông qua Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế – xã hội năm 2022 và các Nghị quyết, Nghị định điều hành, nhiều chính sách giảm, miễn, gia hạn thuế GTGT, thuế TNDN, thuế bảo vệ môi trường (BVMT) đối với xăng dầu, thuế tiêu thụ đặc biệt... đã được ban hành, với tổng quy mô hàng trăm nghìn tỷ đồng mỗi năm.

Bên cạnh chính sách giảm 2% thuế suất GTGT đã triển khai trong các năm 2023–2024 theo cơ chế Nghị quyết của Quốc hội và Nghị định hướng dẫn⁶, từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026, Quốc hội tiếp tục ban hành Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17/6/2025 về giảm thuế giá trị gia tăng. Trên cơ sở đó, Chính phủ ban hành Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 quy định chính sách giảm thuế GTGT theo Nghị quyết nêu trên; theo đó, áp dụng thuế suất 8% đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc diện được giảm (đối với cơ sở kinh doanh áp dụng phương pháp khấu trừ) hoặc giảm 20% mức tỷ lệ % để tính thuế GTGT khi xuất hóa đơn đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc diện được giảm (đối với hộ, cá nhân kinh doanh và cơ sở kinh doanh tính thuế theo tỷ lệ % trên doanh thu).

Trên cơ sở theo dõi sát tình hình kinh tế thế giới, diễn biến các thị trường trong nước và quốc tế, cùng với sức khỏe doanh nghiệp để nhận diện các rủi ro kinh tế, Bộ Tài chính đã tham mưu trình Chính phủ kịp thời ban hành và trình cấp có thẩm quyền ban hành các gói giải pháp tài khóa ngay từ đầu năm 2025. Đồng thời, chỉ đạo cơ quan Thuế các cấp tích cực triển khai, nhanh chóng đưa chính sách vào thực tiễn, hỗ trợ doanh nghiệp kịp thời vượt qua khó khăn, thích ứng linh

⁶ Nghị quyết số 101/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội (Kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XV) và Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ, cùng với Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội (Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV) và Nghị định số 72/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế GTGT

hoạt và phục hồi hoạt động sản xuất kinh doanh, từ đó tạo tiền đề thực hiện tốt nhiệm vụ thu NSNN. Tổng số thuế thuộc diện được gia hạn, giảm trong năm 2025 ước tính khoảng 229.000 tỷ đồng, cụ thể:

+ Số thuế thuộc diện được gia hạn theo Nghị định số 81/2025 và Nghị định số 82/2025 ước khoảng 122.000 tỷ đồng, trong đó: i) Gia hạn thời hạn nộp thuế TTĐB theo Nghị định số 81/2025/NĐ-CP ước tính số tiền thuế TTĐB thuộc diện được gia hạn là khoảng 11.500 tỷ đồng; ii) Gia hạn thời hạn nộp thuế, tiền thuê đất theo Nghị định số 82/2025/NĐ-CP với số tiền thuế, tiền thuê đất thuộc diện được gia hạn ước tính khoảng 110.500 tỷ đồng.

+ Các chính sách giảm thu hỗ trợ kịp thời cho doanh nghiệp trong năm 2025 ước tính khoảng **gần 90.000** tỷ đồng, trong đó: i) Giảm thuế suất thuế GTGT từ 10% xuống 8% đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% trừ một số nhóm hàng hóa, dịch vụ theo quy định tại Nghị định 72/NĐ-CP, Nghị định 180/2024/NĐ-CP, Nghị định 174/2025/NĐ-CP khoảng 39.000 tỷ đồng; ii) Giảm mức thuế BVMT đối với xăng (trừ etanol), dầu diesel, dầu mazut, dầu nhờn, mỡ nhờn, dầu hỏa, nhiên liệu bay theo Nghị quyết số 42/2023/UBTVQH15, Nghị quyết 60/2024/UBTVQH15 khoảng 42.500 tỷ đồng; iii) Giảm tiền thuê đất năm 2024 theo Nghị định 87/2025/NĐ-CP; Nghị định 230/2025/NĐ-CP khoảng 7.500 tỷ đồng.

+ Cùng với các biện pháp trên, cơ quan thuế triển khai nhiều gói hỗ trợ về thủ tục, kế toán thuế, khuyến khích sử dụng hóa đơn điện tử, phần mềm kế toán, qua đó gián tiếp giảm chi phí tuân thủ cho DNNVV.

+ Đối với phí, lệ phí: Giai đoạn 2023–2024 là thời kỳ có số lượng chính sách giảm phí, lệ phí nhiều nhất từ trước tới nay: giảm 36 loại phí, lệ phí trong 6 tháng cuối năm 2024, dự kiến giảm thu ngân sách khoảng 700 tỷ đồng (theo Thông tư số 43/2024/TT-BTC); giảm 50% lệ phí trước bạ đối với ô tô sản xuất trong nước trong thời gian từ 9–11/2024 với quy mô khoảng 2.600 tỷ đồng. Đồng thời, thông qua việc khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến (theo Thông tư số 63/2023/TT-BTC và các văn bản liên quan), nhiều loại phí dịch vụ công được giảm từ 10–50%, mỗi năm hỗ trợ thêm khoảng 100 tỷ đồng, góp phần khuyến khích doanh nghiệp, trong đó có DNNVV, chuyển sang giao dịch điện tử, giảm chi phí và thời gian thực hiện thủ tục hành chính.

Bộ Tài chính đã tiến hành khảo sát gần 500 DNNVV, kết quả cho thấy, trong số các doanh nghiệp đã tiếp cận được chính sách về thuế, phí, lệ phí, khoảng 45% ghi nhận tác động tích cực rõ nhất là giảm chi phí tài chính trực tiếp; khoảng 37% đánh giá chính sách giúp cải thiện dòng tiền ngắn hạn; khoảng 38% cho rằng các chính sách thuế, phí đã góp phần nâng cao sức chống chịu trước biến động thị trường. Tuy nhiên, chỉ khoảng 22% doanh nghiệp nhận thấy chính sách thuế tạo thêm khả năng đầu tư mở rộng hoặc đổi mới công nghệ, cho thấy tác động dài hạn, mang tính chiến lược của chính sách thuế hiện nay còn hạn chế.

- Về hỗ trợ chế độ kế toán cho DNNVV: bám sát tinh thần của Luật Hỗ trợ DNNVV, năm 2018, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 132/2018/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán theo hướng đơn giản cho các doanh nghiệp siêu nhỏ, có

hiệu lực thi hành kể từ ngày 05/2/2019, áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/4/2019. Thay vì hạch toán tới 49 tài khoản như trước đây, doanh nghiệp siêu nhỏ chỉ phải áp dụng 7 tài khoản, giúp doanh nghiệp đơn giản hoá thủ tục, bộ máy kế toán, tiết kiệm chi phí cũng như quản lý dễ dàng hơn. Hiện nay, Bộ Tài chính đang triển khai xây dựng 02 dự thảo Thông tư hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp siêu nhỏ và DNNVV. Cụ thể: (i) Thông tư thay thế Thông tư số 132/2018/TT-BTC ngày 28/12/2018 về chế độ kế toán doanh nghiệp siêu nhỏ và (ii) Thông tư thay thế Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 về chế độ kế toán DNNVV để tiếp tục đơn giản hóa chế độ kế toán cho đối tượng này.

Đối với chế độ kế toán cho doanh nghiệp siêu nhỏ: với mục đích đơn giản hóa, dễ tuân thủ, dễ thực hiện, không làm phát sinh thêm nhân sự về kế toán đồng thời khuyến khích hộ kinh doanh chuyển đổi sang doanh nghiệp, dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 132/2018/TT-BTC đang được xây dựng bảo đảm công tác kế toán tại doanh nghiệp siêu nhỏ có thể tương đồng với hướng dẫn kế toán cho hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh. Theo đó, dự kiến Thông tư sẽ bỏ quy định về hệ thống tài khoản kế toán; chỉ quy định một số sổ kế toán cơ bản phục vụ việc ghi chép, kê khai đơn giản nhằm tạo thuận lợi cho việc theo dõi và xác định nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp siêu nhỏ; chỉ yêu cầu lập và trình bày báo cáo tài chính đối với doanh nghiệp siêu nhỏ nộp thuế TNDN theo phương pháp tính trên thu nhập tính thuế.... Các quy định này góp phần đơn giản hoá, dễ tuân thủ, dễ thực hiện, không làm phát sinh nhân sự về kế toán, hành chính cho doanh nghiệp siêu nhỏ, qua đó khuyến khích hộ kinh doanh chuyển sang hoạt động theo mô hình doanh nghiệp.

c) Về một số hạn chế, tồn tại

Bên cạnh những kết quả tích cực nêu trên, việc triển khai chính sách hỗ trợ thuế, phí và lệ phí đối với DNNVV còn một số hạn chế, thách thức:

Thứ nhất, phần lớn chính sách có tính chất tạm thời, phải gia hạn từng năm hoặc từng giai đoạn, phụ thuộc vào bối cảnh kinh tế – xã hội và khả năng cân đối ngân sách. Điều này giúp doanh nghiệp giảm chi phí, cải thiện dòng tiền trong ngắn hạn nhưng chưa tạo được tín hiệu ổn định, dài hạn để DNNVV yên tâm xây dựng kế hoạch đầu tư và mở rộng sản xuất. Do đó, tác động chủ yếu vẫn mang tính ngắn hạn, thiên về giảm chi phí và “giảm áp lực” hơn là tạo động lực đầu tư, nâng cấp năng lực cạnh tranh.

Thứ hai, ưu đãi thuế TNDN chuyên biệt theo Điều 10 Luật Hỗ trợ DNNVV chưa được cụ thể hóa trong suốt 7 năm thi hành Luật. DNNVV vẫn phải áp dụng mức thuế suất chung, chỉ được hưởng các gói giảm, miễn, gia hạn mang tính thời vụ. Luật Thuế TNDN 2025 mới được ban hành nên DNNVV đến nay mới được tiếp cận cơ chế ưu đãi thuế suất 15–17% theo đúng tinh thần Luật. Điều này làm suy giảm vai trò “đòn bẩy dài hạn” của chính sách thuế đối với DNNVV.

Thứ ba, chính sách hỗ trợ thuế chưa đồng đều khi các ngành chịu tác động trực tiếp từ giảm thuế GTGT, thuế BVMT như vận tải, logistics, bán lẻ, nhà hàng, dịch vụ... được hưởng lợi lớn hơn; trong khi một bộ phận DNNVV siêu nhỏ, hộ kinh doanh áp dụng phương pháp khoán hoặc không kê khai thuế GTGT theo

phương pháp khấu trừ ít được hưởng lợi từ chính sách giảm thuế GTGT, làm cho hiệu quả hỗ trợ theo đối tượng chưa thực sự đồng đều.

Có thể thấy rằng nhóm chính sách thuế là kênh hỗ trợ có quy mô lớn nhất đối với doanh nghiệp trong giai đoạn 2020–2024, góp phần quan trọng vào việc giảm chi phí, hỗ trợ dòng tiền và ổn định hoạt động sản xuất – kinh doanh của DNNVV trong bối cảnh khó khăn. Tuy nhiên, việc chậm cụ thể hóa ưu đãi thuế TNDN theo Luật Hỗ trợ DNNVV, tính chất tạm thời của các gói hỗ trợ và khoảng cách lớn giữa chính sách hỗ trợ so với mức độ thụ hưởng thực tế của DNNVV.

3.3. Về chính sách hỗ trợ mặt bằng sản xuất

Hỗ trợ mặt bằng sản xuất là một trong những nội dung cốt lõi của Luật Hỗ trợ DNNVV năm 2017, nhằm giải quyết một trong những điểm nghẽn lớn nhất của DNNVV là khó tiếp cận quỹ đất phù hợp, ổn định, chi phí hợp lý. Khoản 1 Điều 11 của Luật lần đầu tiên đặt ra trách nhiệm của chính quyền địa phương trong việc bố trí quỹ đất cho DNNVV thông qua cụm công nghiệp và các khu chế biến tập trung, tạo nền tảng pháp lý để từng bước hình thành cơ chế hỗ trợ mặt bằng theo hướng ổn định, dài hạn cho DNNVV. Đồng thời, các địa phương chủ động quyết định hỗ trợ giá thuê mặt bằng cho DNNVV tại các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp trên địa bàn thông qua việc bù giá cho nhà đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp.

Trên thực tế, sau 08 năm triển khai, chính sách này đã có những bước tiến quan trọng về khuôn khổ pháp lý và bước đầu tạo ra một số tác động tích cực.

a) Về khung pháp lý

Trên cơ sở Luật Hỗ trợ DNNVV, hệ thống pháp luật về đất đai, khu công nghiệp, cụm công nghiệp đã có những điều chỉnh theo hướng tạo thuận lợi hơn cho DNNVV tiếp cận mặt bằng sản xuất:

- Nghị định số 35/2022/NĐ-CP về quản lý khu công nghiệp quy định mỗi khu công nghiệp phải dành một tỷ lệ diện tích đất công nghiệp nhất định (tối thiểu 5 ha hoặc 3% diện tích đất công nghiệp) cho DNNVV, doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ và doanh nghiệp đổi mới sáng tạo thuê lại. Lần đầu tiên, quy định dành riêng quỹ đất cho DNNVV được giao trách nhiệm cụ thể cho các địa phương, là cơ sở để các địa phương triển khai.

Luật Đất đai (sửa đổi) năm 2024 tiếp tục luật hóa cơ chế tiếp cận đất đai cho DNNVV, củng cố và mở rộng các quy định của Luật Hỗ trợ DNNVV. Đáng chú ý là quy định chủ đầu tư hạ tầng khu/cụm công nghiệp phải dành quỹ đất đã đầu tư hạ tầng để cho DNNVV thuê lại; Nhà nước giảm tiền thuê lại đất cho DNNVV và phần giảm được hoàn trả cho chủ đầu tư bằng cơ chế khấu trừ vào nghĩa vụ tài chính về đất đai. Đồng thời, cơ chế thu hồi đất cho các dự án phát triển khu/cụm công nghiệp, khu chế biến tập trung được thiết kế linh hoạt hơn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được trao quyền chủ động xác định tỷ lệ và diện tích đất dành cho DNNVV theo nhu cầu thực tế.

Ngoài ra, Nghị quyết số 198/2025/QH15 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển KTTN cho phép địa phương sử dụng ngân sách địa phương để hỗ

trợ một phần chi phí đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ (giải phóng mặt bằng, bồi thường, tái định cư, hạ tầng giao thông, điện, nước, xử lý nước thải, thông tin liên lạc...). Trên cơ sở phần hạ tầng được Nhà nước hỗ trợ, chủ đầu tư có trách nhiệm dành một phần diện tích đất đã đầu tư hạ tầng cho doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân, DNNVV và doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thuê, thuê lại với mức hỗ trợ giảm tối thiểu 30% tiền thuê lại đất trong 5 năm đầu; bình quân mỗi khu công nghiệp, cụm công nghiệp phải bố trí khoảng 20 ha hoặc tối thiểu 5% diện tích đất công nghiệp cho khu vực doanh nghiệp này. Chính sách này góp phần trực tiếp mở rộng khả năng tiếp cận mặt bằng sản xuất – kinh doanh với chi phí hợp lý cho DNNVV, nhất là trong các ngành công nghệ cao, đổi mới sáng tạo.

Như vậy, khung pháp lý về hỗ trợ mặt bằng sản xuất đối với DNNVV không chỉ dừng lại ở quy định mang tính nguyên tắc trong Luật Hỗ trợ DNNVV mà đã được cụ thể hóa, tăng cường ràng buộc trách nhiệm và cơ chế chia sẻ chi phí giữa Nhà nước – chủ đầu tư hạ tầng – doanh nghiệp trong các văn bản pháp luật về đất đai, khu/cụm công nghiệp.

b) Về một số kết quả

Trên tinh thần của Luật Hỗ trợ DNNVV, Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành cũng như quy định tại Nghị định số 35/2022/NĐ-CP, nhiều địa phương đã chủ động rà soát, điều chỉnh quy hoạch khu/cụm công nghiệp, bổ sung các cụm công nghiệp, khu chế biến tập trung mới, gắn với bố trí thêm diện tích đất dành cho DNNVV; ban hành danh mục thu hút đầu tư, xác định rõ ngành nghề ưu tiên và cơ chế hỗ trợ về đất đai cho DNNVV; thực hiện miễn, giảm, gia hạn nộp tiền thuê đất cho doanh nghiệp chịu ảnh hưởng của dịch bệnh và khó khăn kinh tế. Nhiều địa phương cũng đã từng bước hình thành mô hình kết hợp giữa quỹ đất – hạ tầng – một số dịch vụ hỗ trợ trong cụm công nghiệp, tạo tiền đề để phát triển cụm liên kết ngành có sự tham gia của DNNVV trong tương lai. Theo thống kê của Bộ Tài chính, đến nay trên toàn quốc đã có cả nước đã có gần 450 khu công nghiệp với tổng diện tích đất công nghiệp đạt khoảng 93 nghìn ha.

Mặc dù triển khai chưa đồng đều, chính sách hỗ trợ mặt bằng sản xuất đã tạo ra một số chuyển biến rõ nét:

- Lần đầu tiên, quỹ đất dành riêng cho DNNVV được luật hóa, chuyển yêu cầu hỗ trợ từ “khuyến khích” sang “trách nhiệm” đối với các địa phương;

- Cơ chế giảm tiền thuê lại đất và khấu trừ phần giảm vào nghĩa vụ tài chính của chủ đầu tư hạ tầng đã góp phần hình thành cơ chế chia sẻ chi phí giữa Nhà nước – chủ đầu tư – doanh nghiệp, giảm áp lực dòng tiền cho DNNVV, nhất là trong giai đoạn phục hồi sau dịch bệnh;

- Chính sách ưu tiên tiếp cận đất trong khu/cụm công nghiệp bước đầu hỗ trợ tốt hơn cho một số nhóm DNNVV trong lĩnh vực sản xuất – chế biến, doanh nghiệp công nghệ hỗ trợ, doanh nghiệp xanh, đổi mới sáng tạo, nhờ được bố trí trong các khu vực có hạ tầng kỹ thuật tương đối đồng bộ;

Các kết quả trên cho thấy khung chính sách về hỗ trợ mặt bằng sản xuất đã đi đúng hướng, tạo dựng nền tảng pháp lý và cơ chế triển khai ban đầu cho việc hỗ trợ DNNVV tiếp cận mặt bằng sản xuất, kinh doanh.

c) Về một số tồn tại, hạn chế

Bên cạnh các kết quả tích cực, việc triển khai chính sách hỗ trợ mặt bằng sản xuất vẫn còn một số hạn chế. Qua công tác tổng hợp thông tin từ các địa phương cho thấy, các chính sách hỗ trợ DNNVV tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất tại các khu, cụm công nghiệp thông qua việc bù giá cho nhà đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp hầu như chưa được triển khai ở địa phương. Nhiều địa phương đã chủ động rà soát, bố trí quỹ đất tại khu công nghiệp theo tinh thần của Nghị định số 35/2022/NĐ-CP nhưng chưa chủ động thu hút chủ đầu tư hạ tầng khu/cụm công nghiệp nên rất khó triển khai cơ chế hỗ trợ mặt bằng theo đúng thiết kế của Luật, dẫn đến tình trạng “chính sách có nhưng không vào được cuộc sống”. Việc Luật Hỗ trợ DNNVV thiết kế cơ chế hỗ trợ thông qua chủ đầu tư hạ tầng khiến các địa phương chưa có hoặc chưa thu hút được chủ đầu tư hạ tầng khu/cụm công nghiệp rất khó triển khai hỗ trợ trực tiếp cho DNNVV.

Quy trình thủ tục để được hỗ trợ phức tạp, doanh nghiệp khó tiếp cận. Một số chính sách hỗ trợ còn mang tính khung, thiếu tính linh hoạt, chưa thực sự phù hợp với đặc thù của doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và doanh nghiệp tại các địa bàn còn khó khăn.

Chi phí thuê lại đất trong nhiều khu/cụm công nghiệp vẫn ở mức cao so với khả năng tài chính của phần lớn DNNVV, đặc biệt là doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp mới chuyển đổi từ hộ kinh doanh. Điều này làm giảm đáng kể khả năng tiếp cận và thụ hưởng chính sách hỗ trợ mặt bằng của đúng nhóm đối tượng mà Luật hướng tới.

Ngoài ra, tính minh bạch và tính sẵn có của thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quỹ đất dành cho DNNVV và cơ chế giảm tiền thuê đất còn hạn chế. DNNVV khó tiếp cận thông tin đầy đủ, cập nhật về vị trí, quy mô, giá thuê, điều kiện thuê; thiếu cơ chế “một cửa” trong thủ tục cho thuê lại đất; quỹ đất dành riêng cho DNNVV ở nhiều nơi chưa được gắn kết với các dịch vụ hỗ trợ (logistics, xử lý môi trường, tiêu chuẩn chất lượng, hỗ trợ đổi mới sáng tạo), làm giảm hiệu quả sử dụng.

Có thể nói, chính sách hỗ trợ mặt bằng sản xuất trong khuôn khổ Luật Hỗ trợ DNNVV và các luật có liên quan đã có bước tiến đáng kể về mặt thể chế, từng bước hình thành cơ chế chia sẻ chi phí tiếp cận đất đai giữa Nhà nước – chủ đầu tư hạ tầng – DNNVV. Tuy nhiên, khoảng cách giữa thiết kế chính sách và thực tiễn triển khai vẫn còn tương đối lớn; mức độ thụ hưởng thực tế của DNNVV còn hạn chế và phân bố không đồng đều giữa các địa phương. Đây là những vấn đề cần được tiếp tục nghiên cứu, làm rõ khi sửa đổi, bổ sung Luật Hỗ trợ DNNVV và hoàn thiện các văn bản hướng dẫn thi hành trong thời gian tới.

3.4. Về chính sách hỗ trợ công nghệ, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo; cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung

a) Về khung pháp lý

Điều 12 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định nhóm chính sách hỗ trợ công nghệ, đổi mới sáng tạo; hỗ trợ sử dụng cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật và khu làm việc chung. Các quy định của Luật được cụ thể hóa tại Nghị định số 39/2018/NĐ-CP và hiện nay là Nghị định số 80/2021/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ DNNVV, trong đó quy định:

- Hỗ trợ tối đa 50% chi phí tư vấn về chuyển đổi số, sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ và các nội dung tư vấn khác phục vụ nâng cao năng lực công nghệ của DNNVV.

- DNNVV khởi nghiệp sáng tạo được hỗ trợ sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung và được hỗ trợ thực hiện các thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng; thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm, mô hình kinh doanh mới.

Trong năm 2025, khung pháp lý này tiếp tục được củng cố bởi Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025 (Luật số 93/2025/QH15) với định hướng coi doanh nghiệp là trung tâm của hệ thống đổi mới sáng tạo, đa dạng hóa nguồn lực tài chính cho R&D và đổi mới sáng tạo, gắn hỗ trợ công nghệ với chuyển đổi số trong doanh nghiệp. Đồng thời, Nghị quyết số 68-NQ/TW năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân và Nghị quyết số 198/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân đã bổ sung nhiều cơ chế ưu đãi về thuế, tài chính, đất đai, tín dụng, trong đó có miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và doanh nghiệp nhỏ và vừa trong giai đoạn đầu hoạt động, ưu đãi thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn khởi nghiệp, cho phép tính chi phí đào tạo, đào tạo lại nhân lực cho DNNVV tham gia chuỗi vào chi phí được trừ; qua đó tạo thêm “không gian thể chế” để triển khai hiệu quả hơn các chính sách hỗ trợ công nghệ, đổi mới sáng tạo, ươm tạo và khu làm việc chung cho DNNVV.

Cùng với đó, hệ thống pháp luật về khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo tiếp tục được hoàn thiện, tạo cơ sở thúc đẩy hoạt động hỗ trợ công nghệ và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo. Trong bối cảnh đó, Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia (NIC) được thành lập theo Quyết định số 1269/QĐ-TTg ngày 02/10/2019 và nhiều cơ chế, chính sách ưu đãi đối với NIC được quy định tại Nghị định số 94/2020/NĐ-CP ngày 21/8/2020 và hiện nay thực hiện theo Nghị định số 97/2025/NĐ-CP ngày 05/5/2025. Song song với NIC, tại một số bộ, ngành và địa phương đã hình thành các trung tâm đổi mới sáng tạo, cơ sở ươm tạo và không gian làm việc chung theo các quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Các thiết chế này góp phần tạo lập khuôn khổ hỗ trợ tương đồng bộ cho hoạt động ươm tạo, kết nối nguồn lực và hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận công nghệ, đổi mới sáng tạo, phát triển sản phẩm và mở rộng thị trường.

Nhằm hỗ trợ doanh nghiệp KNST và các sản phẩm, dịch vụ ĐMST của doanh nghiệp, một số quy định liên quan tới ưu đãi trong việc tham gia thủ tục đấu thầu, mua sắm công đã được quy định tại Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu, bao gồm: ưu đãi đối với doanh nghiệp KNST khi chào thầu sản phẩm ĐMST của mình không phải đáp ứng yêu cầu về doanh thu, số năm hoạt động trong cùng ngành nghề trong thời hạn 06 năm kể từ khi sản phẩm lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường; Sản phẩm ĐMST là hàng hóa của doanh nghiệp KNST trong nước khi tham dự thầu được hưởng các ưu đãi theo quy định.

Ở cấp địa phương: đến nay đã có hơn 20 địa phương thành lập trung tâm khởi nghiệp sáng tạo để kết nối các nguồn lực địa phương, vùng và quốc gia. Các hoạt động hỗ trợ KHCN, ĐMST cho doanh nghiệp vẫn tập trung nhiều ở 3 thành phố lớn với các cơ chế, chính sách đặc thù cho phát triển KHCN, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo. Cụ thể: **Thủ đô Hà Nội**, xác định khởi nghiệp sáng tạo là động lực quan trọng của nền kinh tế, giai đoạn 2021-2025, UBND thành phố Hà Nội đã có nhiều chủ trương, chính sách hỗ trợ, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo. Các sự kiện như ngày hội Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Vùng thủ đô, các cuộc thi Khởi nghiệp Đổi mới sáng tạo, cuộc thi Thử thách khởi nghiệp Việt toàn cầu (VietChallenge)... được Thành phố chủ trì hoặc phối hợp tổ chức đã minh chứng cho sự phát triển sôi động của hệ sinh thái khởi nghiệp thủ đô mà còn góp phần đưa Hà Nội tiến gần hơn đến mục tiêu trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo hàng đầu của cả nước. Luật Thủ đô (sửa đổi) năm 2024 đã được Quốc hội thông qua vào ngày 28/6/2024, với nhiều điểm mới nhằm thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo và hoạt động của các quỹ đầu tư mạo hiểm tại Hà Nội. Trong đó, Luật cho phép Hà Nội thí điểm thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm sử dụng ngân sách nhà nước để đầu tư vào các doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, cũng như doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong các lĩnh vực trọng điểm về khoa học và công nghệ của thành phố. Mục tiêu là hỗ trợ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và thương mại hóa sản phẩm khoa học, công nghệ. Luật cũng quy định các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, bao gồm: (1) Hỗ trợ chi phí ươm tạo bao gồm chi phí thuê chuyên gia, dịch vụ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, chi phí sử dụng cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung. (2) Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo (3) Thử nghiệm có kiểm soát các mô hình kinh doanh mới, đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ, đổi mới sáng tạo, mô hình kinh doanh mới nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp khởi nghiệp thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ mới trong môi trường thực tế trước khi triển khai rộng rãi.

Thành phố Hồ Chí Minh với nhiều cơ chế, chính sách đặc thù được ban hành tại Nghị quyết số 98/2023/QH15⁷ được Quốc hội thông qua với việc thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, các hoạt động đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trong các lĩnh vực ưu tiên của Thành phố được: (i) miễn thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động khởi nghiệp

⁷ Được sửa đổi tại Nghị quyết số 260/2025/QH15

đổi mới sáng tạo; (ii) miễn thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp của các cá nhân, tổ chức có khoản thu nhập từ chuyển nhượng vốn góp, quyền góp vốn vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn Thành phố; (iii) chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt, cá nhân khởi nghiệp sáng tạo làm việc tại doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức khoa học và công nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo và các tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn Thành phố được miễn thuế thu nhập cá nhân. Đồng thời, ngân sách thành phố hỗ trợ không hoàn lại từ chi phí ươm tạo dự án đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo. Trên cơ sở đó, Thành phố đã triển khai nhiều hoạt động hỗ trợ KNST nhằm thúc đẩy hệ sinh thái trên địa bàn, tiêu biểu gồm: Đẩy mạnh hoàn thiện tòa nhà Trung tâm Khởi nghiệp Sáng tạo TP.HCM (Startup Hub), với mục tiêu trở thành trung tâm kết nối cộng đồng khởi nghiệp trong khu vực; Ban hành Kế hoạch hỗ trợ giai đoạn 2024-2028 (Kế hoạch số 433/KH-UBND), triển khai các chính sách hỗ trợ dự án đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo giai đoạn 2024-2028. Mục tiêu đến năm 2028 là hỗ trợ hơn 1.000 dự án ở giai đoạn tiền ươm tạo, hơn 700 dự án ở giai đoạn ươm tạo và hơn 200 dự án ở giai đoạn tăng tốc tiếp cận với các nhà đầu tư mạo hiểm; Đẩy mạnh triển khai Đề án hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2025⁸; Hỗ trợ tài chính cho các dự án khởi nghiệp thông qua các giai đoạn: tiền ươm tạo (hỗ trợ 40 triệu đồng/dự án), ươm tạo (80 triệu đồng/dự án) và tăng tốc (400 triệu đồng/dự án).

Nhìn chung, khung pháp lý đã được mở rộng theo hướng bao quát từ hỗ trợ tư vấn, hỗ trợ sử dụng hạ tầng kỹ thuật đến hỗ trợ ươm tạo, không gian làm việc chung, phù hợp với xu thế phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo.

b) Về một số kết quả

Trên cơ sở các quy định của Luật Hỗ trợ DNNVV và Nghị định số 80/2021/NĐ-CP, các bộ, ngành, địa phương đã chủ động lồng ghép nội dung hỗ trợ công nghệ, đổi mới sáng tạo cho DNNVV vào các chương trình, đề án, kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp và các chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp địa phương.

- Tổ chức triển khai các chương trình hỗ trợ tư vấn chuyên sâu về sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ cho DNNVV theo cơ chế ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 50% chi phí tư vấn, phần còn lại do doanh nghiệp cùng tham gia.

- Về hỗ trợ chuyển đổi số: Tổ chức triển khai các chương trình hỗ trợ tư vấn, đào tạo chuyên sâu cho doanh nghiệp về chuyển đổi số, xây dựng mạng lưới tư vấn viên để phát triển hệ sinh thái số cho doanh nghiệp; phát triển các tài nguyên số cho cộng đồng doanh nghiệp tiếp cận: các công cụ, các tài liệu, video đào tạo, các gói hỗ trợ chuyển đổi số đã được số hóa và đăng tải 24/7 trên Cổng Thông tin doanh nghiệp và phổ biến một cách rộng rãi; hợp tác với các doanh nghiệp lớn

⁸ Lưu ý kể đến năm 2024, đã hỗ trợ nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo cho 5.063 doanh nghiệp (đạt gần 169%); hỗ trợ ươm tạo, phát triển 1.001 dự án, 276 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo được hỗ trợ tiếp cận nguồn vốn đầu tư mạo hiểm (đạt 276%).

nhằm xây dựng các gói giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp tập trung vào những giải pháp công nghệ mới như icloud, miniERP, các gói giải pháp AI thông minh, cũng như một số giải pháp cho các chuyên ngành sâu trong các lĩnh vực bán hàng, du lịch, giáo dục, ngân hàng ...

- Hình thành và vận hành một số cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung cho DNNVV và doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tại các khu công nghệ, khu công nghệ cao, các viện nghiên cứu, trường đại học và trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp ở trung ương và địa phương. Nhiều cơ sở giáo dục đại học đã thành lập trung tâm hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp và không gian làm việc chung, bước đầu gắn kết hoạt động ươm tạo với nhu cầu của doanh nghiệp.

Theo Báo cáo “Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo Việt Nam 2024” của Bộ Khoa học và Công nghệ, đến tháng 11/2024, Việt Nam có khoảng 3.800 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo (startup), tập trung chủ yếu tại các đô thị lớn (Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng...). Cùng với đó, theo Chỉ số hệ sinh thái khởi nghiệp toàn cầu 2024 (StartupBlink), thứ hạng hệ sinh thái khởi nghiệp của Việt Nam tăng 2 bậc (từ 58 lên 56); Việt Nam đứng thứ 31 toàn cầu về số lượng startup, thứ 5 Đông Nam Á và thứ 12 khu vực châu Á – Thái Bình Dương. Về nguồn lực thị trường, tổng vốn đầu tư mạo hiểm (VC) năm 2024 đạt 398 triệu USD với 118 thương vụ (giảm so với năm 2023), cho thấy xu hướng thận trọng của nhà đầu tư trong bối cảnh bất định kinh tế toàn cầu. Ở cấp đô thị, TP. Hồ Chí Minh xếp hạng 111 toàn cầu (thứ 2 Đông Nam Á), Hà Nội xếp hạng 157 toàn cầu (thứ 7 Đông Nam Á); Đà Nẵng lần đầu lọt Top 1.000 thành phố có hệ sinh thái khởi nghiệp mạnh nhất thế giới (hạng 896). Riêng Hà Nội ghi nhận khoảng 1.000 startup (26,32% cả nước) và 32 tổ chức ươm tạo (38,1% cả nước). Tính cả nước, hiện có khoảng hơn 200 không gian làm việc chung; 84 cơ sở ươm tạo (43 trường thành lập vườn ươm, trung tâm, câu lạc bộ hỗ trợ khởi nghiệp, 41 vườn ươm thuộc tư nhân); 35 tổ chức thúc đẩy kinh doanh; 208 quỹ đầu tư mạo hiểm với 40 quỹ đầu tư nội địa, 03 kỳ lân công nghệ với tổng vốn đầu tư mạo hiểm 494 triệu USD, 138 trường đại học, học viện, cao đẳng tổ chức các hoạt động hỗ trợ KNST. Hệ sinh thái KNST Việt Nam từng bước thu hút được sự quan tâm từ phía các nhà đầu tư, đặc biệt từ nguồn ngoài nước

Bên cạnh nguồn lực từ ngân sách nhà nước, một số chương trình hỗ trợ công nghệ, đổi mới sáng tạo cho DNNVV còn tận dụng nguồn hỗ trợ kỹ thuật, tài chính từ các tổ chức quốc tế, quỹ phát triển quốc tế và khu vực tư nhân, góp phần mở rộng quy mô và đa dạng hóa phương thức hỗ trợ. Các quy định hỗ trợ nêu trên đã bước đầu hình thành hoạt động hỗ trợ có tính hệ thống, cơ bản bám sát thực tiễn phát triển, đặc biệt là với xu thế chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, phát triển các ngành, lĩnh vực kinh tế mới dựa trên khoa học công nghệ. Đồng thời, các quy định này góp phần phát triển hệ sinh thái ươm tạo, đổi mới sáng tạo, cùng với sự hình thành Trung tâm Đổi mới sáng tạo quốc gia và các trung tâm đổi mới sáng tạo, ươm tạo tại một số bộ, ngành, địa phương, số lượng cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật và khu làm việc chung phục vụ doanh nghiệp và sinh viên khởi nghiệp đã tăng lên đáng kể; nhiều trường đại học đã xây dựng không gian làm việc chung, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp, góp phần hình thành một mạng lưới hỗ trợ ươm tạo

rộng khắp hơn so với giai đoạn trước. Với các hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp: một bộ phận DNNVV, đặc biệt là DNNVV khởi nghiệp sáng tạo, đã tiếp cận được các chương trình hỗ trợ sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung, cũng như được hỗ trợ chi phí tư vấn, hoàn thiện sản phẩm, mô hình kinh doanh.

Nhìn chung, nhờ sự kết hợp giữa chính sách hỗ trợ trực tiếp theo Luật Hỗ trợ DNNVV với các cơ chế đặc thù ở địa phương và khuôn khổ pháp lý mới về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, một bộ phận DNNVV – nhất là DNNVV khởi nghiệp sáng tạo – đã có thêm cơ hội tiếp cận hạ tầng ươm tạo, dịch vụ tư vấn chuyên sâu, ưu đãi thuế và các chương trình hỗ trợ R&D, chuyển đổi số, qua đó từng bước nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo và khả năng tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị.

c) Một số hạn chế, tồn tại

Bên cạnh những kết quả đạt được, chính sách hỗ trợ công nghệ, đổi mới sáng tạo; hỗ trợ cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật và khu làm việc chung vẫn còn một số hạn chế, cụ thể:

- Một số chính sách được thiết kế theo hướng bao quát nhiều nội dung nhưng thiếu hướng dẫn vận hành, tiêu chí đánh giá và cơ chế phối hợp cụ thể, dẫn đến lúng túng trong tổ chức triển khai ở địa phương.

- Hệ sinh thái hỗ trợ KHCCN, ĐMST, khởi nghiệp sáng tạo (vườn ươm, trung tâm ươm tạo, khu làm việc chung, cơ sở kỹ thuật) phát triển nhanh nhưng còn phân tán, chất lượng hoạt động chưa đồng đều, các hoạt động hỗ trợ chưa thực chất, chuyên sâu theo nhu cầu DNNVV, đa số vẫn chỉ tập trung ở hoạt động đào tạo, kết nối, hội thảo cung cấp, chia sẻ thông tin.

- Mức độ lan tỏa của trung tâm đổi mới sáng tạo cấp quốc gia tới mạng lưới địa phương còn hạn chế; kết nối giữa các trung tâm hỗ trợ doanh nghiệp với DNNVV tại các tỉnh, thành phố chưa tương xứng với tiềm năng và yêu cầu thực tiễn phát triển của doanh nghiệp.

- Nguồn lực dành riêng cho hỗ trợ công nghệ, đổi mới sáng tạo, ươm tạo DNNVV còn nhỏ, phân tán ở nhiều chương trình khác nhau; việc theo dõi, đánh giá kết quả hỗ trợ chưa được hệ thống hóa, chưa hình thành cơ sở dữ liệu đầy đủ về doanh nghiệp thụ hưởng.

- Năng lực hấp thụ công nghệ, đổi mới sáng tạo của phần lớn DNNVV còn hạn chế; nhiều doanh nghiệp thiếu nhân lực chuyên môn về công nghệ, sở hữu trí tuệ, phát triển sản phẩm, khó đáp ứng các yêu cầu về hồ sơ, minh chứng kỹ thuật khi tham gia chương trình hỗ trợ.

Tổng hợp kết quả khảo sát 500 DNNVV của Bộ Tài chính, các doanh nghiệp đánh giá cao chủ trương và định hướng hỗ trợ công nghệ, đổi mới sáng tạo; hỗ trợ cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật và khu làm việc chung tại Luật Hỗ trợ DNNVV, song mức độ thụ hưởng thực tế còn thấp so với nhu cầu. Các DNNVV phản ánh chính sách chưa thực sự hiệu quả là do: (i) Thông tin về các chương trình hỗ trợ còn phân tán, thiếu kênh truyền tải tập trung; doanh nghiệp khó nắm

bất đầy đủ điều kiện, quy trình, thủ tục; (ii) Chi phí đối ứng, trong khi năng lực công nghệ, tiêu chuẩn sản phẩm và quy mô hoạt động của nhiều DNNVV, nhất là doanh nghiệp ở địa bàn khó khăn, doanh nghiệp siêu nhỏ còn nhiều hạn chế; (iii) Một bộ phận doanh nghiệp vẫn ưu tiên tự thuê dịch vụ tư vấn, dịch vụ công nghệ trên thị trường do lo ngại thủ tục hành chính kéo dài, chi phí cơ hội cao khi tham gia các chương trình hỗ trợ của Nhà nước; khoảng cách giữa thiết kế chính sách và trải nghiệm thực tế của doanh nghiệp còn khá rõ nét.

3.5. Về chính sách hỗ trợ mở rộng thị trường

a) Về khung pháp lý

Điều 13 Luật Hỗ trợ DNNVV quy định (1) *Nhà nước thành lập hoặc tham gia thành lập chuỗi phân phối sản phẩm theo hình thức đối tác công tư.* (2) *Doanh nghiệp, tổ chức đầu tư, kinh doanh chuỗi phân phối sản phẩm có ít nhất 80% số doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cung ứng cho chuỗi sản phẩm sản xuất tại Việt Nam được hưởng các chính sách hỗ trợ về miễn/giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp và miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp.* (3) *Doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ được hưởng ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.*

Song song với khung pháp lý trực tiếp theo Luật Hỗ trợ DNNVV, chính sách hỗ trợ mở rộng thị trường cho DNNVV còn được triển khai thông qua Chương trình cấp quốc gia về XTTM, các chương trình, đề án về thương mại điện tử (TMĐT), XTTM số, chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP); trong đó DNNVV là đối tượng thụ hưởng chủ yếu.

Như vậy, về mặt thể chế, chính sách hỗ trợ mở rộng thị trường cho DNNVV được thực hiện theo quy định tại Luật Hỗ trợ DNNVV và đồng thời được thực hiện thông qua Chương trình XTTM quốc gia, các chương trình TMĐT và XTTM số, chương trình phát triển sản phẩm địa phương,...

b) Về một số kết quả

- Đối với Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia: Với hệ thống thể chế được củng cố, các phương thức xúc tiến được cập nhật và mạng lưới thương vụ được mở rộng, hoạt động XTTM đã đóng góp vào việc nâng cao vị thế thương mại của Việt Nam trên bình diện quốc tế. Hoạt động XTTM trong giai đoạn này đã chuyển dịch từ hình thức trực tiếp sang kết hợp trực tuyến, ứng dụng công nghệ số để hỗ trợ hội nhập vào chuỗi giá trị toàn cầu. Bên cạnh đổi mới phương thức triển khai, công tác quản lý nhà nước về XTTM cũng được tăng cường theo hướng chuẩn hóa quy trình, đẩy mạnh số hóa hồ sơ và dịch vụ công, qua đó tạo thuận lợi hơn cho doanh nghiệp tham gia Chương trình và tiếp cận thông tin thị trường kịp thời.

Chương trình cấp quốc gia về XTTM đã hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, trong việc tiếp cận thị trường quốc tế và tăng cường năng lực cạnh tranh. Trong giai đoạn này, đã có 630 đề án XTTM được phê duyệt, với tổng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước vượt 650 tỷ đồng. Các đề án này được giao cho các cơ quan, tổ chức XTTM trung ương và địa phương thực hiện

tại trong nước và nước ngoài. Hơn 41.000 lượt doanh nghiệp, hợp tác xã và tổ chức XTTM đã được hỗ trợ tham gia và hưởng lợi. Các đề án được triển khai đa dạng theo nhóm hoạt động như: hội chợ, triển lãm và kết nối giao thương; khảo sát, nghiên cứu thị trường; thông tin – truyền thông và xây dựng thương hiệu; đào tạo, tư vấn nâng cao năng lực xúc tiến... qua đó tăng tính thiết thực và khả năng tham gia của DNNVV. Giá trị giao dịch từ các hoạt động này tăng trưởng qua các năm, với các hợp đồng và biên bản thương thảo ký kết tại sự kiện XTTM ở nước ngoài đạt khoảng 425 triệu USD, trong khi giá trị giao dịch trực tiếp tại các sự kiện trong nước vượt 500 tỷ đồng.

Hệ thống thương vụ Việt Nam tại nước ngoài đã hỗ trợ cung cấp thông tin thị trường, kết nối giao thương và xử lý các rào cản thương mại. Nhờ đó, một số mặt hàng nông sản như sầu riêng, xoài, vải, hạt điều và cà phê đã đạt kết quả xuất khẩu tích cực tại các thị trường yêu cầu cao. Thông qua mạng lưới Thương vụ và các hoạt động kết nối, nhiều doanh nghiệp cũng được hỗ trợ cập nhật quy định kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng, truy xuất nguồn gốc và yêu cầu thị trường, góp phần giảm rủi ro và nâng cao hiệu quả khi thâm nhập thị trường mới.

Công tác chuyển đổi số trong XTTM cũng được thúc đẩy, bao gồm việc xây dựng sàn XTTM số, tổ chức hội chợ ảo, livestream bán hàng xuyên biên giới, ứng dụng công nghệ 3D và blockchain để truy xuất nguồn gốc. Đồng thời, hoạt động số hóa trong quản lý và cung cấp dịch vụ XTTM được đẩy nhanh (một số thủ tục hành chính đã được số hóa và cung cấp trực tuyến; từng bước hình thành kho dữ liệu số phục vụ điều hành, dự báo và cung cấp thông tin cho doanh nghiệp), qua đó hỗ trợ doanh nghiệp giảm chi phí tiếp cận thị trường và nâng cao khả năng phản ứng chính sách. Các biện pháp này nhằm đáp ứng yêu cầu về phát triển bền vững và các quy định mới, chẳng hạn như Cơ chế Điều chỉnh Biên giới Carbon (CBAM) của Liên minh châu Âu.

Riêng năm 2025, Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại (XTTM) đã được phê duyệt 114 đề án, trong đó có 81 đề án tập trung vào phát triển ngoại thương và 33 đề án liên quan đến phát triển thị trường trong nước. Các đề án này do các tổ chức XTTM thuộc các bộ, cơ quan trung ương, trung tâm XTTM địa phương và hiệp hội ngành hàng chủ trì thực hiện. Tính đến hết tháng 11/2025, đã có 83 đề án hoàn thành và 31 đề án đang triển khai, hỗ trợ hơn 7.200 lượt doanh nghiệp, hợp tác xã và tổ chức XTTM tham gia hơn 1.720 gian hàng, thu hút hơn 12.000 lượt khách tham quan. Các con số này chưa bao gồm doanh nghiệp hưởng lợi gián tiếp qua các phương tiện thông tin đại chúng. Một số hoạt động quy mô lớn tiếp tục được tổ chức, như Hội chợ Mùa Thu 2025 với hơn 2.500 doanh nghiệp và 3.000 gian hàng, có sự tham gia của 34 tỉnh/thành và 77 gian hàng quốc tế, góp phần tăng cường kết nối cung – cầu và quảng bá sản phẩm Việt Nam. Song song, các hoạt động XTTM và phát triển thị trường góp phần củng cố hình ảnh và uy tín hàng hóa Việt Nam; theo báo cáo, giá trị Thương hiệu quốc gia Việt Nam đạt 519,6 tỷ USD, tăng 2,5% và duy trì thứ hạng 32 thế giới.

Trong đó, các hoạt động XTTM phát triển ngoại thương đã ghi nhận gần 200 hợp đồng được ký kết trực tiếp với tổng giá trị hơn 71 triệu USD, đồng thời thu hút hơn 720 nghìn lượt khách quan tâm đến sản phẩm, hàng hóa Việt Nam.

Đối với các hoạt động XTTM trong nước, các hội chợ và triển lãm cấp vùng thường thu hút trung bình trên 200 doanh nghiệp tham gia trưng bày tại khoảng 300 gian hàng, với doanh thu từ 20-50 tỷ đồng và hàng trăm nghìn lượt khách tham dự, mua sắm. Các hoạt động này tạo kênh “thủ thị trường” và kết nối tiêu thụ hiệu quả cho nhóm sản phẩm địa phương, sản phẩm OCOP, nông sản chế biến và hàng tiêu dùng, giúp nhiều DNNVV mở rộng hệ thống đại lý/phân phối và tăng nhận diện thương hiệu trong nước.

- Đối với các chương trình hỗ trợ DNNVV phát triển thương mại điện tử và xúc tiến thương mại số: song song với XTTM truyền thống, Bộ Công Thương triển khai nhiều chương trình, sáng kiến về TMĐT và XTTM số phục vụ DNNVV, tiêu biểu như: Chương trình Go Online hỗ trợ DNNVV kết nối với nhà cung cấp nền tảng TMĐT, thanh toán, logistics, tài chính... với 8 nhóm giải pháp, trong đó có Go Export – hỗ trợ xuất khẩu qua TMĐT. Gian hàng Quốc gia Việt Nam trên Alibaba.com (Vietnam Pavilion) – lựa chọn khoảng 100 doanh nghiệp tiêu biểu, cung cấp gói hỗ trợ đào tạo, tư vấn, kỹ thuật để doanh nghiệp xây dựng hiện diện số và tiếp cận khách hàng toàn cầu trên nền tảng B2B. Sàn TMĐT hợp nhất 63 tỉnh/thành (sanviet.vn) và hệ sinh thái các nền tảng (ecosys.gov.vn, Go Export, EcomEx, VietnamExport, ifair.vn...) nhằm kết nối cung – cầu, chuẩn hóa dữ liệu bán lẻ trực tuyến, tạo kênh phân phối số cho sản phẩm địa phương. Hệ sinh thái XTTM số DECOBIZ với các cấu phần như Virtual Exhibition, Smart B2B, Vietrade Data, Vietrade Map... hình thành “hạ tầng số” phục vụ xúc tiến thị trường dài hạn; mục tiêu đến năm 2025, 100% tổ chức XTTM và trên 200.000 doanh nghiệp được cấp tài khoản, 50% có phát sinh giao dịch và chia sẻ thông tin. Các sáng kiến/ nền tảng số này góp phần mở rộng phương thức xúc tiến theo hướng “liên tục – dữ liệu hóa”, giúp doanh nghiệp tiếp cận thông tin thị trường, kết nối đối tác và giới thiệu sản phẩm quanh năm thay vì chỉ theo mùa vụ/hội chợ.

Các chương trình này đã từng bước tiếp cận các kênh phân phối số, thị trường xuyên biên giới, giảm chi phí tiếp cận thị trường so với XTTM truyền thống; nhiều doanh nghiệp địa phương có sản phẩm OCOP, nông sản, hàng tiêu dùng đã bước đầu tham gia sàn TMĐT, mở rộng tệp khách hàng trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, trong năm 2025, thương mại điện tử B2C ước tăng khoảng 25,5% so với năm 2024; nhiều hoạt động thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm Việt trên nền tảng số (như Tuần lễ Thương mại điện tử quốc gia, Ngày mua sắm trực tuyến Việt Nam – Online Friday 2025) được tổ chức, góp phần hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã ứng dụng phương thức phân phối hiện đại. Theo báo cáo, quy mô thương mại điện tử Việt Nam năm 2025 có thể vượt mốc 30 tỷ USD và đóng góp khoảng 10% tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng. Về triển khai ở địa phương, Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số đã cấp tài khoản cho 32/34 địa phương, góp phần mở rộng mức độ bao phủ của các nền tảng, chương trình hỗ trợ trên phạm vi cả nước. Đồng thời, các hoạt động đào tạo – tư vấn gắn với TMĐT và XTTM số góp phần cải thiện kỹ năng vận hành gian hàng, quảng bá số, tối ưu logistics/đơn hàng và tuân thủ tiêu chuẩn thị trường, qua đó nâng cao năng lực tham gia thương mại số của DNNVV.

Ở cấp địa phương, nhiều địa phương lồng ghép nội dung hỗ trợ mở rộng thị trường cho DNNVV trong chương trình OCOP, chương trình phát triển kinh tế nông thôn, chương trình xúc tiến thương mại địa phương. Thông qua chương trình OCOP và các hội chợ, triển lãm vùng miền, nhiều DNNVV, hợp tác xã đã được hỗ trợ quảng bá, kết nối với hệ thống phân phối hiện đại, siêu thị, sàn TMĐT, qua đó tăng sức nhận diện và mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước, đặc biệt đối với sản phẩm nông nghiệp, đặc sản địa phương. Việc kết hợp giữa XTTM truyền thống và kênh số cũng giúp tăng hiệu quả lan tỏa thông tin sản phẩm và hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận khách hàng mục tiêu nhanh hơn, nhất là trong bối cảnh chi phí marketing và chi phí tham gia hội chợ ở nước ngoài tăng.

Nhìn chung, chính sách hỗ trợ mở rộng thị trường đã góp phần tạo dựng hệ thống công cụ đa dạng giúp DNNVV từng bước mở rộng không gian thị trường, cả trong nước lẫn quốc tế.

c) Một số hạn chế, tồn tại

Bên cạnh các kết quả bước đầu, chính sách hỗ trợ mở rộng thị trường còn bộc lộ một số hạn chế:

- Chính sách quy định tại Luật Hỗ trợ DNNVV về thành lập hoặc tham gia thành lập chuỗi phân phối sản phẩm theo hình thức đối tác công tư trên thực tế không triển khai được do không có hướng dẫn cụ thể. Ngoài ra, việc quy định chuỗi phân phối sản phẩm có ít nhất 80% số DNNVV tham gia cung ứng cho chuỗi sản phẩm sản xuất tại Việt Nam cũng chưa xác định được nội hàm cụ thể dẫn tới chính sách này không thu hút được các doanh nghiệp, tổ chức đầu tư kinh doanh tham gia.

- Mức độ “nhận diện” chính sách của DNNVV còn thấp: kết quả khảo sát 500 DNNVV cho thấy, đa số DNNVV chưa nắm rõ về các chương trình XTTM, TMĐT, XTTM số, chưa biết hoặc chưa tận dụng được các kênh như Go Online, Vietnam Pavilion, sanviet.vn, DECOBIZ; nhiều doanh nghiệp coi XTTM là hoạt động dành cho doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp xuất khẩu truyền thống.

- Hoạt động hỗ trợ còn phân tán, thiếu gắn kết theo chuỗi giá trị: XTTM quốc gia, TMĐT, OCOP, hỗ trợ tham gia chuỗi giá trị... hiện vẫn triển khai tương đối tách rời, chưa được thiết kế thành các gói hỗ trợ tổng thể theo ngành hàng, chuỗi giá trị (từ nâng cấp năng lực sản xuất, đáp ứng tiêu chuẩn, đến xây dựng thương hiệu, kết nối thị trường, duy trì đơn hàng dài hạn).

- Định mức hỗ trợ và thủ tục hành chính còn hạn chế: một số định mức chi cho XTTM, đào tạo, tư vấn thị trường, hỗ trợ tham gia hội chợ, triển lãm... chưa tiệm cận chi phí thực tế, đặc biệt đối với thị trường xa, thị trường mới; quy trình lập, thẩm định, phê duyệt đề án, quyết toán kinh phí còn phức tạp, gây khó khăn cho cả cơ quan thực hiện và doanh nghiệp, nhất là DNNVV quy mô nhỏ, năng lực quản trị hành chính hạn chế.

- Khoảng cách số và năng lực ứng dụng TMĐT của DNNVV còn lớn: nhiều DNNVV chưa có đủ nguồn lực, kỹ năng để tham gia hiệu quả các chương trình TMĐT, XTTM số; thiếu nhân sự chuyên trách, thiếu kiến thức về marketing số,

logistics, thanh toán xuyên biên giới, dẫn đến việc tham gia theo phong trào, hiệu quả thực tế chưa cao.

Có thể thấy, chính sách hỗ trợ mở rộng thị trường theo Luật Hỗ trợ DNNVV và các chương trình, đề án liên quan đã tạo điều kiện cho một bộ phận DNNVV tiếp cận thị trường mới, tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng, nâng cao năng lực xây dựng thương hiệu, phát triển kênh phân phối trong nước và xuất khẩu. Tuy nhiên, mức độ thụ hưởng của khu vực DNNVV nhìn chung còn hạn chế, nhiều hoạt động mới chỉ dừng ở hoạt động kết nối ngắn hạn, chưa hỗ trợ thực chất DNNVV nâng cao chất lượng sản phẩm để tham gia thị trường bền vững.

Về sự cần thiết cần một nội dung chính sách riêng cho “*Chính sách hỗ trợ mở rộng thị trường*”: đây là một nhóm chính sách đặc thù, khác biệt với các nhóm chính sách khác chủ yếu tác động tới nâng cao năng lực và hỗ trợ chi phí cho doanh nghiệp. Chính sách hỗ trợ mở rộng thị trường tác động trực tiếp tới doanh thu của doanh nghiệp, được doanh nghiệp đặc biệt quan tâm. Bên cạnh đó, kinh nghiệm quốc tế cũng cho thấy chính sách hỗ trợ mở rộng thị trường cho doanh nghiệp nên là một nhóm chính sách độc lập, không lồng ghép với các nhóm chính sách khác.

3.6. Về chính sách hỗ trợ thông tin, tư vấn, pháp lý

a) Về khung pháp lý

Luật Hỗ trợ DNNVV quy định DNNVV được tiếp cận thông tin⁹ trên Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, trang thông tin điện tử của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; được miễn, giảm chi phí tư vấn khi sử dụng dịch vụ tư vấn thuộc mạng lưới tư vấn viên của các bộ, ngành; được hỗ trợ pháp lý, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, tư vấn pháp luật.

Trên cơ sở đó, Chính phủ đã quy định chi tiết các nội dung hỗ trợ nêu trên tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ DNNVV¹⁰ (quy định chi tiết nội dung hỗ trợ thông tin và tư vấn, mạng lưới tư vấn viên) và Nghị định số 55/2019/NĐ-CP (quy định về hỗ trợ pháp lý cho DNNVV). Theo đó, DNNVV được miễn phí tiếp cận thông tin trên các cổng, hệ thống thông tin do Nhà nước xây dựng; được hỗ trợ từ 50% đến 70% chi phí khi sử dụng dịch vụ tư vấn thông qua mạng lưới tư vấn viên đã được công nhận; được hỗ trợ tư vấn pháp lý thông qua các Chương trình hỗ trợ pháp lý cho DNNVV¹¹.

b) Về kết quả triển khai

⁹ Thông tin về kế hoạch, chương trình, dự án, hoạt động hỗ trợ DNNVV; thông tin chỉ dẫn kinh doanh; thông tin về tin dụng, thị trường, sản phẩm, công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp; các thông tin khác theo nhu cầu của doanh nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật.

¹⁰ Thay thế Nghị định số 39/2018/NĐ-CP

¹¹ Được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 81/QĐ-TTg ngày 19/01/2021 về Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành cho DNNVV giai đoạn 2021-2025) và Quyết định 84/QĐ-TTg năm 2026 Phê duyệt Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh giai đoạn 2026 - 2030

- Về hỗ trợ thông tin: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) đã xây dựng và vận hành Cổng thông tin doanh nghiệp từ năm 2019 để cung cấp thông tin, tài liệu, khóa học, báo cáo ngành, thị trường và các dịch vụ hỗ trợ dành cho DNNVV. Cổng được thiết kế như một nền tảng số tích hợp, liên thông trực tiếp với Cơ sở dữ liệu đăng ký doanh nghiệp, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong tra cứu, xác thực thông tin pháp lý và sử dụng các dịch vụ hỗ trợ. Đến nay, Bộ Tài chính đã ký kết với khoảng 20 đối tác nghiên cứu và tư vấn (các tổ chức quốc tế, công ty kiểm toán, tổ chức nghiên cứu, công ty chứng khoán...) để xây dựng kho tài nguyên tri thức đăng tải trên Cổng, bao gồm hơn 200 báo cáo ngành, báo cáo thị trường, cẩm nang quản trị và tài liệu hướng dẫn chuyên sâu. Cổng thông tin doanh nghiệp cũng được kết nối với cổng ASEAN ACCESS, góp phần quảng bá hình ảnh doanh nghiệp Việt Nam, mở rộng kênh tiếp cận thông tin và thị trường khu vực cho DNNVV. Cổng thông tin doanh nghiệp đã trở thành một kênh cung cấp thông tin chính sách, tài liệu chuyên sâu và khóa học trực tuyến quan trọng cho DNNVV. Tính đến cuối năm 2025, tổng số lượt truy cập đạt khoảng hơn 1 triệu lượt, số doanh nghiệp đăng ký tài khoản quảng bá trên Cổng đạt gần 500 doanh nghiệp. Kho tài nguyên tri thức đăng tải trên Cổng có trên 230 báo cáo ngành, thị trường, cẩm nang quản trị và các tài liệu hướng dẫn khác, cùng với hàng ngàn bài viết, tin tức sự kiện về doanh nghiệp được cập nhật thường xuyên, cùng với mạng lưới hỗ trợ doanh nghiệp, đối tác, dự án hỗ trợ kỹ thuật, góp phần hỗ trợ DNNVV cập nhật thông tin thị trường, xu hướng ngành, nâng cao năng lực quản trị, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập sâu rộng. Song song, Bộ Tài chính đang chuẩn bị triển khai Hệ thống thông tin quốc gia về phát triển doanh nghiệp, tiến tới mô hình “hệ sinh thái dữ liệu” thông nhất, giúp doanh nghiệp tiếp cận số liệu, chính sách và dịch vụ hỗ trợ theo thời gian thực.

Ở cấp địa phương, các địa phương đều xây dựng và vận hành các chuyên trang, cổng thông tin hỗ trợ doanh nghiệp trên hệ thống thông tin của tỉnh; phối hợp với Cổng thông tin doanh nghiệp để phổ biến chính sách, đăng tải tài liệu, tổ chức tư vấn, hội nghị phổ biến pháp luật cho DNNVV.

- Về mạng lưới tư vấn viên và hỗ trợ DNNVV tiếp cận dịch vụ tư vấn: đến nay, đã có **05 Bộ** (sau sáp nhập) ban hành lĩnh vực và tiêu chí công nhận tư vấn viên thuộc phạm vi quản lý (bao gồm cả tư vấn pháp lý)¹². Tổng số tư vấn viên được công nhận tính đến hết tháng 12/2025 là hơn 1.000 tư vấn viên.

Bộ Tài chính đã chủ động triển khai nhiều chương trình đào tạo, chuẩn hóa nghiệp vụ cho tư vấn viên (khởi sự kinh doanh, chẩn đoán doanh nghiệp, khai vãn doanh nghiệp, tư vấn chuyển đổi số, ESG, kinh doanh bền vững...), qua đó từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ tư vấn.

Về hoạt động hỗ trợ DNNVV tiếp cận dịch vụ tư vấn: tổng hợp kết quả hỗ trợ từ các bộ, ngành, địa phương, giai đoạn 2021-2025, từ nguồn ngân sách nhà nước, các bộ, ngành, địa phương đã hỗ trợ gần **1.000 DNNVV** tiếp cận dịch vụ tư vấn theo quy định tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP, tập trung vào lựa chọn giải pháp công nghệ, tư vấn quản trị doanh nghiệp, thị trường, tài chính, nhân sự. Các

¹² Gồm: Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Tư pháp

bộ như Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường), Bộ Công Thương,.. đã tập trung đẩy mạnh hoạt động tư vấn cho các DNNVV trong lĩnh vực quản lý chất lượng, công nghệ, thiết bị chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản; chế biến thực phẩm, doanh nghiệp tham gia chuỗi cung ứng ngành sản xuất, chế biến chế tạo....

Trong khuôn khổ các dự án hỗ trợ kỹ thuật do tổ chức quốc tế tài trợ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) đã triển khai tư vấn theo nhóm cho khoảng gần **1.000** DNNVV và tư vấn 1-1 cho gần **500** DNNVV về sản xuất, xuất khẩu, tiêu chuẩn thị trường, tiếp cận tài chính, qua đó hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng thị trường.

Về hỗ trợ pháp lý, Bộ Tư pháp và các bộ, ngành liên quan triển khai Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2021–2025 theo Nghị định số 55/2019/NĐ-CP và Quyết định số 81/QĐ-TTg ngày 19/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ. Sau 05 năm thực hiện, Chương trình đã được hầu hết các bộ, ngành, địa phương quán triệt, ban hành kế hoạch triển khai với khoảng 475 văn bản chỉ đạo, điều hành; xây dựng, duy trì và cập nhật thường xuyên cơ sở dữ liệu pháp luật, các chuyên mục, trang thông tin hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp trên Cổng/Trang thông tin điện tử của bộ, ngành, địa phương; biên soạn, phát hành khoảng 3,5 triệu ấn phẩm, tài liệu tuyên truyền, phổ biến pháp luật dưới nhiều hình thức khác nhau. Các bộ, ngành, địa phương đã tổ chức khoảng trên 4.200 hội nghị, hội thảo, tọa đàm, lớp tập huấn, diễn đàn “Kinh doanh và pháp luật”, thu hút hàng trăm nghìn lượt đại biểu là lãnh đạo, cán bộ pháp chế doanh nghiệp tham dự; thực hiện khoảng trên 20 nghìn lượt tư vấn, giải đáp vướng mắc pháp lý trực tiếp và trực tuyến cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Qua đó, Chương trình đã góp phần quan trọng nâng cao nhận thức, kỹ năng pháp lý, năng lực tuân thủ pháp luật, phòng ngừa rủi ro cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, đồng thời hình thành kênh đối thoại thường xuyên, hiệu quả giữa cơ quan nhà nước với cộng đồng doanh nghiệp, tạo cơ sở thực tiễn để kiến nghị hoàn thiện chính sách, pháp luật liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ và vừa.

c) Về một số hạn chế, tồn tại

- Hệ thống thông tin, dữ liệu còn phân tán, chưa hình thành cơ sở dữ liệu thống nhất, cập nhật, được chia sẻ giữa các bộ, ngành, địa phương. Cổng thông tin doanh nghiệp bước đầu đã kết nối với một số hệ thống khác, song việc tích hợp, chuẩn hóa dữ liệu, phân tích và cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng (báo cáo, cảnh báo, phân tích theo nhu cầu) còn hạn chế; nhiều địa phương chưa có cơ chế cập nhật thường xuyên, đầy đủ thông tin hỗ trợ doanh nghiệp.

- Chất lượng và tính phù hợp của dịch vụ tư vấn, pháp lý chưa đồng đều giữa các vùng, miền; một số dịch vụ còn thiên về phổ biến, tuyên truyền chung, chưa đi sâu giải quyết các vấn đề cụ thể của doanh nghiệp; cơ chế theo dõi, đánh giá kết quả sau hỗ trợ (M&E) còn thiếu, chưa có hệ thống chỉ tiêu đánh giá tác động rõ ràng đối với năng lực quản trị, khả năng tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp.

- Định mức chi cho dịch vụ tư vấn, pháp lý theo một số quy định hiện hành chưa tương xứng với giá thị trường, khó thu hút tư vấn viên có chất lượng và kinh nghiệm, ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ.

- Quy mô thụ hưởng chính sách hỗ trợ còn nhỏ, mức độ tiếp cận của số đông DNNVV còn thấp, chất lượng và hiệu quả một số hoạt động chưa tương xứng với kỳ vọng. Kết quả khảo sát 500 DNNVV cho thấy: khoảng 79% doanh nghiệp chưa từng tiếp cận bất kỳ hỗ trợ tư vấn – pháp lý nào từ nhà nước; 77% doanh nghiệp chưa từng tiếp cận hỗ trợ thông tin, chỉ một tỷ lệ nhỏ đã sử dụng Cổng thông tin, tài liệu, báo cáo hoặc tham gia các chương trình tư vấn, đối thoại pháp lý.

- Bên cạnh đó, cơ chế tài chính của nhiều chương trình hỗ trợ vẫn thiết kế theo hướng đồng tài trợ/đối ứng, trong đó ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ một phần; trong bối cảnh dòng tiền khó khăn, không ít DNNVV (đặc biệt là doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ) chưa sẵn sàng bố trí vốn đối ứng nên e ngại đăng ký tham gia hoặc tham gia với quy mô hạn chế.

- Thủ tục, quy trình hỗ trợ còn khá phức tạp: hồ sơ yêu cầu nhiều loại chứng từ chứng minh chi phí, quy trình lập – thẩm định – phê duyệt – đấu thầu – nghiệm thu – quyết toán kéo dài; yêu cầu tuân thủ chặt chẽ quy định về đấu thầu, mua sắm công và chi ngân sách, khiến cơ quan triển khai lẫn doanh nghiệp đều thận trọng. Ở một số địa phương, việc phải tạm ứng toàn bộ chi phí rồi mới được ngân sách hỗ trợ phần kinh phí sau quyết toán cũng là rào cản lớn đối với DNNVV có năng lực tài chính hạn chế.

Việc phối hợp giữa các chương trình hỗ trợ thông tin, tư vấn, pháp lý với các chương trình hỗ trợ khác (tín dụng, công nghệ, chuyên đổi số, tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị) chưa thật sự chặt chẽ; nhiều hoạt động vẫn triển khai đơn lẻ, chưa gắn kết thành các gói hỗ trợ tổng thể theo nhu cầu cụ thể của doanh nghiệp.

3.7. Về chính sách hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực

a) Về cơ sở pháp lý

Luật Hỗ trợ DNNVV và Nghị định số 80/2021/NĐ-CP quy định DNNVV được nhà nước hỗ trợ một phần chi phí đào tạo (từ 50% đến 100% tùy nhóm đối tượng và nội dung đào tạo), tập trung vào các khóa bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản trị, điều hành, tài chính – kế toán, pháp lý, sở hữu trí tuệ và nâng cao tay nghề cho người lao động.

Các hoạt động hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực từ năm 2021 đã được điều chỉnh theo hướng: (i) đa dạng hóa hình thức đào tạo (trực tiếp, trực tuyến, đào tạo tại doanh nghiệp, kèm cặp tại chỗ); (ii) tăng cường phân cấp, giao quyền chủ động cho các bộ, ngành, địa phương trong xây dựng chương trình, lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ đào tạo; (iii) khuyến khích huy động nguồn lực xã hội, hợp tác quốc tế tham gia triển khai các chương trình đào tạo cho DNNVV.

b) Về kết quả triển khai

Thứ nhất, hoạt động đào tạo được triển khai thường xuyên, có trọng tâm, trọng điểm: Giai đoạn 2018–2022, Bộ Tài chính (trước là Bộ Kế hoạch và Đầu tư) chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tổ chức nhiều khóa đào tạo, bồi dưỡng cho DNNVV. Nội dung, phương thức đào tạo được đổi mới theo hướng bám sát nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp và bối cảnh chuyển đổi số, cách mạng công nghiệp 4.0. Các khóa đào tạo phổ cập có tính diện rộng dần được số hóa; các khóa chuyên sâu tập trung vào quản trị doanh nghiệp, quản trị sản xuất, quản trị tài chính, kinh tế số; các khóa đào tạo tại doanh nghiệp (in-house) tập trung vào Kaizen, 5S, cải tiến quy trình, kỹ thuật sản xuất, nâng cao hiệu suất sử dụng thiết bị...

Từ năm 2022 đến 2024, quy mô và chất lượng đào tạo được nâng lên rõ rệt. Tổng hợp kết quả của Bộ ngành, địa phương cho thấy năm 2022 tổ chức gần 200 khóa đào tạo với khoảng 5.000 lượt doanh nghiệp/học viên tham gia; đến năm 2023 số khóa tăng lên gần 500 với khoảng 14.000 lượt doanh nghiệp/học viên; năm 2024 duy trì khoảng 420 khóa với quy mô tương đương, thể hiện năng lực tổ chức đào tạo đã đạt mức ổn định và có chiều sâu.

Các khóa đào tạo theo ngành, lĩnh vực (may mặc, chế biến nông sản, thủy sản, các ngành đòi hỏi tiêu chuẩn kỹ thuật cao) và đào tạo trực tiếp tại doanh nghiệp được đẩy mạnh, đặc biệt giai đoạn sau đại dịch Covid 19, theo đó hoạt động đào tạo đã gắn với yêu cầu thực tiễn sản xuất, chuyển từ truyền đạt lý thuyết sang hỗ trợ doanh nghiệp giải quyết “bài toán cụ thể” trong quản trị và sản xuất – kinh doanh.

Bên cạnh đó, các chương trình hợp tác với đối tác phát triển (UNDP, UNESCAP, USAID...) đã bổ sung thêm các nội dung mới về đào tạo kỹ năng số, chuyển đổi số, kinh doanh bền vững, ESG, quản trị rủi ro... cho đội ngũ quản lý và người lao động trong DNNVV, góp phần làm phong phú thêm nội hàm chính sách phát triển nguồn nhân lực.

Thứ hai, hệ thống đào tạo trực tuyến được Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng, vận hành từ năm 2018 đã trở thành công cụ hỗ trợ chi phí thấp nhưng có mức độ bao phủ rộng. Hệ thống có kho bài giảng trực tuyến phong phú, bao quát các chủ đề trọng yếu như khởi nghiệp sáng tạo, marketing số, quản trị tài chính – kế toán, quản trị nhân sự, quản trị sản xuất, tư duy chiến lược, kỹ năng lãnh đạo, chuyển đổi số, quản trị chuỗi cung ứng... Đến năm 2022, hệ thống đã có 74 chuyên đề với 916 clip bài giảng, gần 400 tài liệu tham khảo, 1.278 tài nguyên học tập và thu hút trên 10.000 học viên đăng ký với khoảng 1,33 triệu lượt tương tác.

Giai đoạn 2022–2024, hệ thống tiếp tục được mở rộng với 94 chuyên đề vào năm 2023 và 110 chuyên đề vào năm 2024, bao gồm hầu hết các nội dung quản trị doanh nghiệp hiện đại (từ marketing số, tài chính – kế toán, sản xuất tinh gọn tới kỹ năng mềm, chuyển đổi số). Tổng số học viên đăng ký vượt 14.000 người với hơn 1,5 triệu lượt tương tác, bình quân 7–10 doanh nghiệp mới tham gia mỗi tuần.

Với chi phí thấp, khả năng truy cập linh hoạt theo thời gian và địa bàn, đào tạo trực tuyến đã trở thành một trong những công cụ hiệu quả nhất để phổ cập kiến thức cho DNNVV trên phạm vi cả nước.

Thứ ba, hoạt động đào tạo đã tác động và làm cải thiện cơ bản năng lực doanh nghiệp: Theo tổng hợp đánh giá từ các báo cáo giai đoạn 2018–2024, đa số học viên và doanh nghiệp tham gia đào tạo phản ánh chính sách hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực tạo tác động tích cực. Các khóa đào tạo, đặc biệt là đào tạo trực tiếp tại doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp cải thiện ý tưởng, mô hình kinh doanh; bổ sung kiến thức, kỹ năng về pháp lý, sở hữu trí tuệ, quản lý tài chính, kỹ năng lãnh đạo và quản trị doanh nghiệp; góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực quản lý và lao động trong DNNVV.

Kết quả khảo sát 500 doanh nghiệp cho thấy khoảng 80% doanh nghiệp tham gia đào tạo cho biết hiểu rõ hơn về kiến thức quản trị và khởi sự doanh nghiệp; 70% doanh nghiệp ghi nhận năng lực tổ chức, vận hành được cải thiện; khoảng 60% doanh nghiệp cho rằng năng suất lao động tăng lên sau đào tạo; khoảng 55% doanh nghiệp hưởng lợi từ việc mở rộng kết nối với chuyên gia và doanh nghiệp cùng ngành thông qua các chương trình đào tạo và mạng lưới hỗ trợ.

c) Về một số hạn chế, tồn tại

Bên cạnh các kết quả đạt được, chính sách hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho DNNVV vẫn còn một số hạn chế, bất cập:

- Mặc dù quy mô đào tạo đã được mở rộng, nhưng so với hơn 1 triệu doanh nghiệp, số doanh nghiệp được tham gia đào tạo (trực tiếp và trực tuyến) vẫn còn khiêm tốn; tỷ lệ tiếp cận chính sách còn thấp, nhất là tại các địa bàn khó khăn, vùng sâu, vùng xa.

- Nội dung một số khóa đào tạo còn mang tính phổ quát, chưa đủ độ chuyên sâu theo ngành, lĩnh vực, dẫn tới khả năng áp dụng ngay sau đào tạo còn hạn chế. Kết quả khảo sát 500 doanh nghiệp cho thấy khoảng 40% doanh nghiệp phản ánh thời gian, lịch học chưa phù hợp với đặc thù DNNVV (thiếu nhân sự thay thế khi đi học), thiếu cơ chế hỗ trợ “đồng hành sau đào tạo” và hệ thống chỉ số đánh giá kết quả đầu ra (output/outcome) rõ ràng.

- Khoảng cách giữa các địa phương trong tổ chức các hoạt động đào tạo vẫn còn lớn; một số địa phương chưa xây dựng được đội ngũ giảng viên chất lượng, chưa thiết lập được sự phối hợp hiệu quả giữa cơ quan hỗ trợ – hiệp hội – cơ sở đào tạo, dẫn đến chất lượng và hiệu quả triển khai không đồng đều.

- Hệ thống đào tạo trực tuyến dù phát triển nhanh nhưng khả năng tiếp cận của doanh nghiệp ở vùng sâu, vùng xa còn hạn chế do điều kiện hạ tầng số, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và thiếu các khóa học chuyên sâu cho DNNVV theo lĩnh vực (ví dụ nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp chế biến...).

- Định mức chi cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực còn thấp so với mặt bằng giá dịch vụ đào tạo trên thị trường; cơ chế phân bổ, sử dụng kinh phí chủ yếu vẫn theo “chi theo hoạt động” hơn là “chi theo kết quả đầu ra”, chưa thực sự tạo động lực để thu hút các tổ chức tư nhân có năng lực tham gia cung cấp dịch vụ đào tạo chất lượng cao cho DNNVV.

Nhìn chung, sau thời gian triển khai Luật Hỗ trợ DNNVV, chính sách hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực đã được cụ thể hóa tương đối đầy đủ, tổ chức thực hiện bài bản, có sự đổi mới về phương thức và nội dung, góp phần quan trọng nâng cao năng lực quản trị, kỹ năng sản xuất – kinh doanh của đội ngũ chủ doanh nghiệp và người lao động trong DNNVV, tạo nền tảng cho tăng năng suất và năng lực cạnh tranh của khu vực doanh nghiệp này trong trung và dài hạn.

Tuy nhiên, để đáp ứng yêu cầu mới về chuyển đổi số, tăng trưởng xanh, kinh doanh bền vững và hội nhập sâu rộng, chính sách hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho DNNVV cần tiếp tục được hoàn thiện.

3.8. Đánh giá kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ DNNVV phát triển kinh doanh bền vững

a) Về khung chính sách

Chính sách hỗ trợ DNNVV phát triển kinh doanh bền vững được hình thành và triển khai trong khuôn khổ “Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp khu vực tư nhân kinh doanh bền vững giai đoạn 2022–2025” ban hành kèm theo Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 08/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Chương trình đặt mục tiêu thúc đẩy khu vực doanh nghiệp (trong đó có DNNVV) nâng cao nhận thức, năng lực và từng bước áp dụng các thực hành/mô hình kinh doanh bền vững, phù hợp yêu cầu thị trường và xu hướng phát triển bền vững, đồng thời giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) là cơ quan chủ trì, điều phối, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương và các tổ chức liên quan trong tổ chức triển khai.

Để bảo đảm tính khả thi trong tổ chức thực hiện, Thông tư số 13/2023/TT-BKHĐT ngày 12/12/2023 (có hiệu lực từ 27/01/2024) đã hướng dẫn cơ chế triển khai Chương trình theo hướng “mở” và linh hoạt. Thông tư quy định rõ phạm vi và cấu phần triển khai, bao gồm: (i) nguyên tắc đo lường, đánh giá và công nhận doanh nghiệp kinh doanh bền vững; (ii) tiêu chuẩn/điều kiện sử dụng kết quả của tổ chức thực hiện đo lường, đánh giá, công nhận thông qua bộ công cụ đánh giá mô hình kinh doanh bền vững; (iii) nội dung và cơ chế tổ chức thực hiện hoạt động phát triển hệ sinh thái hỗ trợ kinh doanh bền vững và hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh bền vững; (iv) quy trình xây dựng – tổng hợp kế hoạch, tổ chức thực hiện quản lý Chương trình.

Về cơ chế tổ chức triển khai, khung chính sách nhấn mạnh phương thức hỗ trợ theo hướng tăng cường năng lực và công cụ (truyền thông, đào tạo, tư vấn, đánh giá, kết nối hệ sinh thái...), kết hợp huy động đa dạng nguồn lực, trong đó khuyến khích sự tham gia của các tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp, hiệp hội, cơ sở đào tạo – tư vấn và các đối tác phát triển. Cách tiếp cận này tạo điều kiện để lồng ghép mục tiêu kinh doanh bền vững vào các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp ở trung ương và địa phương, đồng thời tăng khả năng tiếp cận chuẩn mực quốc tế và các yêu cầu thị trường cho khu vực DNNVV. Hiện nay, Bộ Tài chính đã hoàn thiện và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh kinh doanh bền vững cho giai đoạn 2026-2030, làm cơ sở mở rộng triển khai các hoạt động của giai đoạn trước.

b) Về một số kết quả triển khai

Trên cơ sở Quyết định số 167/QĐ-TTg và hướng dẫn tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHĐT, các hoạt động hỗ trợ DNNVV kinh doanh bền vững đã được triển khai theo hướng ưu tiên nâng cao nhận thức – đào tạo, tư vấn – xây dựng công cụ và thúc đẩy mạng lưới hỗ trợ. Trong giai đoạn 2023–2024, nhiều chương trình truyền thông, hội thảo, tập huấn đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) và nhiều bộ, ngành, địa phương tổ chức nhằm phổ biến kiến thức nền tảng về kinh doanh bền vững, các yêu cầu mới của thị trường và chuỗi cung ứng (truy xuất nguồn gốc, giảm phát thải, tiêu chuẩn lao động...), qua đó giúp gần 3.400 DNNVV nâng cao nhận thức về ESG; đồng thời triển khai chương trình đào tạo chuyên sâu về thực hành kinh doanh bền vững cho gần 500 DNNVV và hoàn thành Sổ tay giới thiệu quy định pháp lý về ESG, báo cáo đánh giá mức độ thực hành ESG trong doanh nghiệp Việt Nam.

Bên cạnh hoạt động nâng cao nhận thức, Chương trình bước đầu tổ chức các hoạt động đào tạo chuyên sâu và tư vấn theo nhu cầu, tập trung vào những nội dung thiết thực để doanh nghiệp chuyển từ “biết” sang “làm”, như: xây dựng lộ trình cải thiện thực hành môi trường – xã hội – quản trị; quản trị rủi ro trong chuỗi cung ứng; đo lường và kiểm kê phát thải; chuẩn bị báo cáo/ minh bạch thông tin theo yêu cầu của khách hàng và thị trường xuất khẩu. Theo tổng hợp kết quả triển khai giai đoạn 2023–2024, đã có khoảng 390 doanh nghiệp được tham gia các hoạt động đào tạo chuyên sâu, từng bước hình thành nhóm doanh nghiệp tiên phong thử nghiệm, áp dụng thực hành kinh doanh bền vững trong một số ngành có yêu cầu thị trường cao.

Cùng với đào tạo – tư vấn, công tác xây dựng tài liệu hướng dẫn, bộ công cụ và sản phẩm hỗ trợ được chú trọng nhằm tạo nền tảng để doanh nghiệp tự đánh giá và cải thiện theo lộ trình. Một số tài liệu hướng dẫn, báo cáo đánh giá hiện trạng và bộ công cụ tham khảo phục vụ đo lường/đánh giá thực hành bền vững đã được xây dựng và phổ biến, giúp doanh nghiệp nhận diện khoảng cách tuân thủ và lựa chọn giải pháp phù hợp với quy mô, nguồn lực. Đồng thời, việc triển khai các hoạt động kết nối, chia sẻ kinh nghiệm và lan tỏa sáng kiến (thông qua các diễn đàn/chương trình tôn vinh, cuộc thi/sáng kiến về kinh doanh bền vững) góp phần khuyến khích doanh nghiệp đổi mới mô hình, thúc đẩy tinh thần chủ động nâng cấp tiêu chuẩn để đáp ứng yêu cầu thị trường.

Nhìn chung, kết quả triển khai bước đầu cho thấy chính sách hỗ trợ DNNVV kinh doanh bền vững đã tạo được hiệu ứng lan tỏa nhận thức, hình thành các hoạt động đào tạo – tư vấn có chiều sâu và từng bước xây dựng công cụ hỗ trợ để doanh nghiệp tiếp cận và áp dụng thực hành bền vững, qua đó hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh, nhất là đối với doanh nghiệp tham gia chuỗi cung ứng và thị trường xuất khẩu.

c) Về một số hạn chế, tồn tại

Bên cạnh các kết quả bước đầu, việc triển khai chính sách hỗ trợ DNNVV kinh doanh bền vững vẫn còn một số hạn chế, tồn tại như sau:

- Quy mô hỗ trợ còn hạn chế so với nhu cầu thực tiễn. Số lượng doanh nghiệp được tiếp cận hoạt động nâng cao nhận thức và đào tạo chuyên sâu chưa nhiều so với tổng số DNNVV; mức độ bao phủ giữa các vùng, địa phương và ngành nghề còn chưa đồng đều, đặc biệt tại khu vực ngoài các trung tâm kinh tế lớn.

- Thiếu nguồn lực để doanh nghiệp chuyển từ “nhận thức” sang “đầu tư thực chất”. Nhiều nội dung thực hành kinh doanh bền vững (đo lường/kiểm kê phát thải, cải tiến công nghệ, xử lý chất thải, nâng cấp điều kiện lao động, xây dựng hệ thống quản trị dữ liệu và báo cáo bền vững, mua/chứng nhận tiêu chuẩn quốc tế...) đòi hỏi chi phí và nhân lực chuyên môn lớn; trong khi DNNVV thường hạn chế về vốn, thiếu chuyên gia nội bộ, khó bố trí thời gian và nguồn lực để triển khai liên tục.

- Chất lượng thực hành chưa đồng đều, một bộ phận doanh nghiệp mới dừng ở mức đáp ứng yêu cầu trước mắt (hồ sơ, truyền thông, cam kết) mà chưa tích hợp các yêu cầu bền vững vào chiến lược, quản trị rủi ro, quy trình vận hành và văn hóa doanh nghiệp, dẫn đến hiệu quả cải thiện chưa ổn định và khó duy trì.

- Thiếu chuẩn hóa theo ngành và thiếu công cụ đơn giản, phù hợp với DNNVV. Hiện còn thiếu bộ hướng dẫn kỹ thuật theo từng ngành (dệt may, da giày, nông sản, logistics...), thiếu bộ chỉ tiêu tối thiểu và mẫu biểu/dữ liệu chuẩn để DNNVV tự đánh giá; công cụ số hỗ trợ theo dõi, đo lường và lập báo cáo vẫn chưa phổ biến, khiến doanh nghiệp lúng túng trong việc bắt đầu và duy trì thực hành.

- Cơ chế huy động và phối hợp nguồn lực chưa thật sự bền vững. Một số hoạt động vẫn phụ thuộc nhiều vào dự án/đối tác; mạng lưới tư vấn – đào tạo và chuyên gia về kinh doanh bền vững tại địa phương chưa đủ mạnh; cơ chế phối hợp giữa cơ quan quản lý, hiệp hội và các tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp trong tổ chức triển khai còn khác nhau giữa các địa phương, làm giảm hiệu quả nhân rộng.

Từ các hạn chế nêu trên có thể thấy, chính sách hỗ trợ DNNVV kinh doanh bền vững đã tạo nền tảng quan trọng nhưng cần tiếp tục hoàn thiện theo hướng mở rộng quy mô, tăng tính chuẩn hóa và nâng mức hỗ trợ “thực hành”, nhằm giúp doanh nghiệp chuyển đổi bền vững một cách hiệu quả và lâu dài.

3.9. Đánh giá kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ chuyển đổi từ hộ kinh doanh

Chuyển đổi từ hộ kinh doanh sang doanh nghiệp là một trong các nội dung hỗ trợ trọng tâm của Luật Hỗ trợ DNNVV, được xác định là chính sách quan trọng để chính thức hóa khu vực kinh tế cá thể, mở rộng quy mô, nâng cao năng suất, tăng tính minh bạch và tuân thủ pháp luật.

Thời gian qua, công tác hỗ trợ DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh được các bộ, ngành và địa phương quan tâm triển khai, đạt một số kết quả bước đầu, song tỷ lệ chuyển đổi còn rất khiêm tốn so với quy mô khu vực hộ kinh doanh, cho thấy cần tiếp tục hoàn thiện chính sách và cách thức tổ chức thực hiện.

a) Về khung chính sách

Luật Hỗ trợ DNNVV năm 2017 và Nghị định số 80/2021/NĐ-CP quy định các DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh, được hỗ trợ về: (i) thông tin, tư vấn, hướng dẫn thủ tục đăng ký doanh nghiệp; (ii) lệ phí đăng ký doanh nghiệp, tư vấn về kế toán, thuế và các thủ tục hành chính có liên quan trong giai đoạn đầu sau chuyển đổi; (iii) tạo điều kiện để doanh nghiệp sau chuyển đổi tiếp cận các chính sách hỗ trợ khác (tín dụng, mặt bằng, đào tạo, tư vấn...). Các quy định này được cụ thể hóa tại Nghị định số 39/2018/NĐ-CP và hiện nay là Nghị định số 80/2021/NĐ-CP. Nhằm hỗ trợ hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp, Nghị quyết số 198/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân đã bổ sung nhiều chính sách ưu đãi trực tiếp áp dụng đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh. Nghị quyết quy định: (i) từ ngày 01/01/2026 không áp dụng phương pháp khoán thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh; hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo pháp luật về quản lý thuế, trên cơ sở kê khai, minh bạch doanh thu, chi phí; (ii) chấm dứt việc thu, nộp lệ phí môn bài đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh; (iii) bổ sung một số ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân gắn với DNNVV mới thành lập, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, cũng như cơ chế cho phép tính chi phí đào tạo, đào tạo lại nhân lực của doanh nghiệp lớn cho DNNVV tham gia chuỗi vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Các quy định này góp phần từng bước thu hẹp khoảng cách về chế độ thuế – kế toán giữa hộ kinh doanh và doanh nghiệp, giảm gánh nặng chi phí tuân thủ, tạo động lực để hộ kinh doanh từng bước chính thức hóa, chuyển đổi lên mô hình doanh nghiệp.

b) Về một số kết quả triển khai

Theo tổng hợp thông tin từ các bộ, ngành, địa phương, tính đến chung giai đoạn 2018-2025, đã có hơn **9.200** DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh. Các hoạt động hỗ trợ được các địa phương quan tâm và triển khai tương đối đồng bộ, tập trung vào các nhóm hoạt động:

- Tổ chức các buổi cung cấp thông tin, tuyên truyền, vận động hộ kinh doanh chuyển đổi lên doanh nghiệp; Một số địa phương còn giao chỉ tiêu thành lập doanh nghiệp mới đến từng quận, huyện để tăng cường trách nhiệm và thúc đẩy kết quả.

- Tư vấn, hướng dẫn miễn phí về hồ sơ, thủ tục thành lập doanh nghiệp; hỗ trợ giải đáp thắc mắc qua điện thoại, qua mạng, thông qua các video clip hướng dẫn cụ thể;

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, thực hiện đăng ký doanh nghiệp cấp độ 3, 4; cho phép gửi hồ sơ và nhận kết quả tại nhà.

Các hoạt động này được lồng ghép trong các chương trình hỗ trợ DNNVV, chương trình cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, cũng như các đề án phát triển DNNVV ở địa phương. Một số tỉnh, thành phố còn kết hợp với cơ quan thuế, cơ quan bảo hiểm xã hội, hiệp hội doanh nghiệp để tổ chức tư vấn trực tiếp cho các hộ có tiềm năng chuyển đổi.

Kết quả khảo sát tại một số địa phương cho thấy phần lớn doanh nghiệp được thành lập từ hộ kinh doanh chủ yếu thuộc nhóm hộ có quy mô tương đối lớn, đã có kinh nghiệm hợp tác với doanh nghiệp khác hoặc nhà đầu tư nước ngoài, hoặc buộc phải chuyển đổi do yêu cầu của đối tác, dự án, chứ chưa hình thành “làn sóng chuyển đổi tự nguyện diện rộng” từ nhóm hộ siêu nhỏ, hộ gia đình.

Các doanh nghiệp sau chuyển đổi: có điều kiện tiếp cận tốt hơn các chính sách hỗ trợ (tín dụng, xúc tiến thương mại, đào tạo, tư vấn...); nâng cao tính minh bạch, tuân thủ pháp luật, qua đó thuận lợi hơn khi làm việc với ngân hàng, đối tác lớn; nâng cao vị thế và khả năng tham gia chuỗi cung ứng, đặc biệt trong các ngành chế biến, thương mại, dịch vụ.

c) Về một số hạn chế, tồn tại

So với gần 2 triệu hộ kinh doanh đăng ký và khoảng 5,2 triệu cơ sở kinh doanh cá thể đang hoạt động, tỷ lệ chuyển đổi lên doanh nghiệp còn rất khiêm tốn. Bên cạnh những kết quả bước đầu, chính sách hỗ trợ DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh còn một số hạn chế. Cụ thể:

Tâm lý e ngại và gánh nặng tuân thủ là rào cản lớn nhất: Phần lớn chủ hộ e ngại khi chuyển đổi sẽ phải nộp thuế cao hơn, phải thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ, nghĩa vụ bảo hiểm xã hội cho người lao động; phải tuân thủ chặt chẽ quy định về phòng cháy chữa cháy, an toàn thực phẩm, môi trường... Nhiều hộ cho rằng chuyển đổi chỉ là “thay đổi hình thức tổ chức”: mô hình kinh doanh không thay đổi nhiều nhưng phải xin lại giấy phép con, đáp ứng tiêu chuẩn khắt khe hơn, trong khi chưa được hưởng ưu đãi đáng kể về đất đai, thuế, tín dụng. Điều này dẫn tới suy nghĩ “vẫn kinh doanh như cũ nhưng thủ tục nhiều hơn”, làm suy giảm động lực chuyển đổi, nhất là trong bối cảnh thu nhập, lợi nhuận của nhiều hộ kinh doanh còn chưa ổn định sau dịch bệnh và biến động kinh tế.

Các hoạt động hỗ trợ chưa thực chất và hiệu quả: việc hỗ trợ mới dừng chủ yếu ở khâu thông tin – hướng dẫn thủ tục, trong khi các công cụ hỗ trợ “cứng” (thuế ưu đãi trong giai đoạn đầu, đơn giản hóa nghĩa vụ kế toán – báo cáo, hỗ trợ phí/chi phí tuân thủ, hỗ trợ tiếp cận đất đai, tín dụng sau chuyển đổi...) chưa thực sự được triển khai đồng bộ và đủ sức hấp dẫn.

Chính sách hỗ trợ chưa đủ hấp dẫn, thiếu “gói tổng thể” gắn với lộ trình chuyển đổi: Hiện nay, phần lớn hỗ trợ mới tập trung vào tư vấn, hướng dẫn thủ tục, miễn/giảm một số lệ phí nhỏ; chưa có gói hỗ trợ mang tính “bù đắp chi phí chuyển đổi” (thuế TNDN ưu đãi trong giai đoạn đầu, hỗ trợ dịch vụ kế toán – thuế, đơn giản hóa chuẩn mực kế toán, hỗ trợ bảo hiểm xã hội cho chủ hộ và người lao động...) để hộ kinh doanh thấy rõ lợi ích vật chất khi chuyển lên doanh nghiệp. Các chính sách hỗ trợ hiện nay chủ yếu mang tính thời điểm, trực tiếp, gắn với các khó khăn ngắn hạn (thiên tai, dịch bệnh, vùng khó khăn...), chưa tạo nên tầng hỗ trợ dài hạn để hộ kinh doanh “mạnh dạn chính thức hóa” hoạt động.

Chưa có khung pháp lý thống nhất, đồng bộ về hộ kinh doanh: Khu vực hộ kinh doanh hiện vẫn được điều chỉnh bởi nhiều văn bản rải rác, chưa có một đạo

luật hoặc nghị định khung đầy đủ. Điều này gây khó khăn cho việc thiết kế chính sách tổng thể, phân loại hộ kinh doanh theo quy mô, lĩnh vực, vùng miền để có chính sách quản lý và hỗ trợ phù hợp; đồng thời làm hạn chế khả năng liên thông dữ liệu giữa đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế, bảo hiểm xã hội, lao động...

Công tác theo dõi, đánh giá tác động chuyển đổi còn hạn chế: Hiện chưa có hệ thống theo dõi riêng, đầy đủ về: (i) số hộ có tiềm năng chuyển đổi; (ii) tỷ lệ hộ thực sự chuyển đổi; (iii) tình trạng hoạt động, việc làm, thu nhập, mức độ tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp sau chuyển đổi; (iv) nguyên nhân thất bại hoặc giải thể sau chuyển đổi. Điều này gây khó khăn trong việc hiệu chỉnh chính sách, nhất là khi cần thiết kế các công cụ hỗ trợ “trúng – đúng” đối tượng.

Mối liên kết giữa hỗ trợ chuyển đổi với các chính sách hỗ trợ khác còn lỏng lẻo: Doanh nghiệp sau chuyển đổi chưa thực sự được ưu tiên tiếp cận các chương trình hỗ trợ khác (tín dụng ưu đãi, Quỹ Phát triển DNNVV, hỗ trợ mặt bằng, chuyển đổi số, tham gia cụm – chuỗi...). Luật Hỗ trợ DNNVV và các Nghị định hướng dẫn hiện chỉ điều chỉnh giai đoạn “sau khi đã chuyển đổi lên doanh nghiệp”, chưa có chính sách trực tiếp, đủ mạnh cho chính bản thân hộ kinh doanh (về thuế, bảo hiểm xã hội, đất đai, lao động, môi trường...) nhằm tạo động lực chuyển đổi bền vững. Các chính sách liên quan đến hộ kinh doanh vẫn phân tán trong nhiều luật (thuế, đất đai, bảo hiểm, lao động...) và chưa được thiết kế như một “gói tổng thể” gắn với lộ trình chuyển đổi lên doanh nghiệp

Tổng hợp các phân tích nêu trên cho thấy: Chính sách hỗ trợ DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh theo Luật Hỗ trợ DNNVV đã được triển khai tương đối tích cực về mặt tuyên truyền, tư vấn, cải cách thủ tục hành chính, song kết quả thực tế còn khiêm tốn, chưa tạo được chuyển biến mạnh về lượng và chất trong quá trình chính thức hóa khu vực hộ kinh doanh.

3.10. Đánh giá kết quả thực hiện chính sách khởi nghiệp sáng tạo

a) Về khung pháp lý

Luật Hỗ trợ DNNVV số 04/2017/QH14 đã xác định DNNVV khởi nghiệp sáng tạo là một trong ba nhóm đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ trọng tâm, bên cạnh DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh và DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị. Luật quy định DNNVV khởi nghiệp sáng tạo được hỗ trợ sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung; hỗ trợ hoàn thiện sản phẩm, mô hình kinh doanh; hỗ trợ tư vấn sở hữu trí tuệ, công nghệ và kết nối mạng lưới khởi nghiệp; đồng thời mở cơ chế Nhà nước tham gia đầu tư vào DNNVV khởi nghiệp sáng tạo thông qua các hình thức phù hợp.

Để cụ thể hóa các quy định của Luật, Chính phủ đã ban hành:

- Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ DNNVV, trong đó có hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo về thông tin, tư vấn, nguồn nhân lực, sử dụng cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung và tham gia mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo. Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 thay thế Nghị định số 39/2018/NĐ-CP, cập nhật, mở rộng và cụ thể hóa hơn các nội dung hỗ trợ, đồng thời bổ sung tiêu chí xác

định DNNVV khởi nghiệp sáng tạo, quy định chi tiết nội dung hỗ trợ về tư vấn, đào tạo, ương tạo, kết nối thị trường và hỗ trợ lãi suất đối với DNNVV khởi nghiệp sáng tạo.

- Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 về đầu tư cho DNNVV khởi nghiệp sáng tạo, xác lập địa vị pháp lý cho quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo tư nhân, đồng thời hướng dẫn cơ chế sử dụng ngân sách địa phương để đầu tư cho DNNVV khởi nghiệp sáng tạo. Nghị định này đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 210/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo.

Song song với hệ thống văn bản thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hỗ trợ DNNVV, các cơ chế, chương trình về khởi nghiệp sáng tạo do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành (như Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” – Đề án 844, quyết định thành lập và vận hành Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia – NIC) đã tạo nên khung chính sách mở rộng cho DNNVV khởi nghiệp sáng tạo, bảo đảm sự gắn kết giữa hỗ trợ theo Luật Hỗ trợ DNNVV với chính sách khoa học – công nghệ, đổi mới thuế sáng tạo.

Để thúc đẩy doanh nghiệp tư nhân phát triển và hỗ trợ thêm đối với các đối tượng là doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, công ty quản lý quỹ đầu tư doanh nghiệp sáng tạo, tổ chức trung gian hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo cũng như khuyến khích các cá nhân, tổ chức làm việc trong lĩnh vực khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, Nghị quyết 198/2025/QH15 đã thiết kế nhiều cơ chế ưu đãi về thuế, phí, lệ phí và hỗ trợ tài chính dành cho doanh nghiệp các đối tượng này: (i) Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời hạn 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo đối với thu nhập từ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, công ty quản lý quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; (ii) Miễn thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp cho các cá nhân, tổ chức đối với khoản thu nhập từ chuyên nhượng cổ phần, phần vốn góp, quyền góp vốn vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; (iii) Miễn thuế thu nhập cá nhân trong thời hạn 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của các chuyên gia, nhà khoa học nhận được từ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, trung tâm nghiên cứu phát triển, trung tâm đổi mới sáng tạo, các tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; (iv) Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong 03 năm đầu thành lập kể từ thời điểm được cấp Giấy đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

Nghị quyết 198 cũng quy định các cơ chế hỗ trợ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và đào tạo nhân lực cho khu vực kinh tế tư nhân (như hỗ trợ sử dụng hạ tầng nghiên cứu, phòng thí nghiệm, trung tâm đổi mới sáng tạo, khuyến khích hình thành và phát triển quỹ đầu tư mạo hiểm, quỹ đổi mới sáng tạo, ưu tiên sử dụng sản phẩm, dịch vụ đổi mới sáng tạo trong mua sắm công), tạo khuôn khổ pháp lý thuận lợi hơn để DNNVV khởi nghiệp sáng tạo phát triển và mở rộng quy mô.

Như vậy, hệ thống chính sách hỗ trợ DNNVV không chỉ được quy định theo pháp luật về hỗ trợ DNNVV mà còn được bổ sung tại các văn bản pháp luật về phát triển KHCCN, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát triển kinh tế tư nhân theo định hướng chiến lược tại Nghị quyết số 68-NQ/TW. Hệ thống pháp luật này đã tạo khuôn khổ thuận lợi hơn để hình thành và phát triển đội ngũ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo có năng lực cạnh tranh trên thị trường.

b) Về kết quả triển khai

Trên cơ sở Luật và các nghị định hướng dẫn, các bộ, ngành và địa phương đã từng bước tổ chức triển khai chính sách hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo. Một số kết quả cụ thể như sau:

- Trong những năm gần đây, Việt Nam đã có những bước tiến đáng kể trong chỉ số Đổi mới Sáng tạo Toàn cầu (Global Innovation Index - GII), thể hiện sự cải thiện rõ rệt về năng lực đổi mới và sáng tạo. Theo báo cáo GII 2025, Việt Nam được xếp hạng 44/139 quốc gia, nền kinh tế, duy trì thứ hạng năm 2024. Việt Nam được WIPO ghi nhận là một trong 9 quốc gia thu nhập trung bình cải thiện thứ hạng nhanh nhất tính từ năm 2013 và vị trí thứ 2 trong nhóm các quốc gia thu nhập trung bình thấp¹³. Việt Nam tiếp tục có sự cải thiện thứ hạng đầu vào đổi mới sáng tạo, tăng 3 bậc so với năm 2023, từ vị trí 53 lên 50¹⁴.

Trong 15 năm liền, Việt Nam luôn có kết quả đổi mới sáng tạo cao hơn so với mức độ phát triển, cho thấy hiệu quả trong việc chuyển các nguồn lực đầu vào thành kết quả đầu ra đổi mới sáng tạo. Việt Nam là một trong ba quốc gia (Trung Quốc, Việt Nam, Ethiopia) có tốc độ tăng trưởng năng suất lao động nhanh nhất trong giai đoạn 2014-2024.

- Về phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo: Đề án 844 sau khoảng 5 năm triển khai, đã có 52 doanh nghiệp kêu gọi thành công vốn đầu tư khoảng 900 tỷ đồng; khoảng 22 doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tham gia Techfest đã thu hút thêm khoảng 800 tỷ đồng vốn quan tâm từ nhà đầu tư, đối tác tiềm năng. Chuỗi sự kiện TECHFEST hằng năm quy tụ trung bình khoảng 300 dự án/doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, riêng năm 2023, TECHFEST–WHISE 2023 ghi nhận giá trị quan tâm đầu tư khoảng 18,7 triệu USD với 75 phiên kết nối đầu tư, gần 140 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo và hơn 50 nhà đầu tư tham gia. Hoạt động của Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia (NIC) và mạng lưới đổi mới sáng tạo cũng đã bắt đầu có những kết quả tích cực. Đến năm 2025, NIC đã hỗ trợ ươm tạo hơn 1.000 DNNVV khởi nghiệp sáng tạo, kết nối hơn 1.500 doanh nghiệp đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, tổ chức và đồng tổ chức hơn 100 cuộc thi, giải thưởng dành cho doanh nghiệp đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, thành lập 10 mạng lưới đổi mới sáng tạo Việt Nam với hơn 2.000 chuyên gia tại trên 20 quốc gia/vùng lãnh thổ, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực đổi mới sáng tạo cho hơn 10.000 cá nhân. Đối với việc triển khai Đề án 844, từ năm

¹³ Quốc gia thu nhập trung bình thấp xếp trên Việt Nam là Ấn Độ với thứ hạng 38.

¹⁴ Đầu vào đổi mới sáng tạo gồm 5 trụ cột: Thể chế, Nguồn nhân lực và nghiên cứu, Cơ sở hạ tầng, Trình độ phát triển của thị trường, Trình độ phát triển của doanh nghiệp.

2016 đến nay đã hỗ trợ được khoảng 2.000 dự án, 800 doanh nghiệp khởi nghiệp, hỗ trợ 100 doanh nghiệp KNST gọi được vốn từ các quỹ đầu tư mạo hiểm, thực hiện mua bán và sáp nhập với tổng giá trị ước tính khoảng 1.800 tỷ đồng.

- Về quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo theo quy định tại Nghị định số 38/2018/NĐ-CP: tính đến năm 2025 cả nước có gần 40 quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo tư nhân được thành lập với tổng vốn điều lệ gần **400 tỷ đồng**. Các quỹ đầu tư được thành lập theo Nghị định này chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực đầu tư có rủi ro thấp, mang lại lợi nhuận ổn định như công nghệ thông tin, giáo dục, y tế và thương mại điện tử. Trong đó, nhà đầu tư cá nhân chiếm dưới 10%, đầu tư mạo hiểm của tập đoàn chiếm dưới 5%, các quỹ đầu tư mạo hiểm còn lại (Quỹ đầu tư mạo hiểm có vốn nước ngoài và công ty đầu tư) chiếm thị phần hơn 80% ở Việt Nam. Mặc dù quy mô vốn còn nhỏ so với tổng thị trường đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, các quỹ này bước đầu đã đóng vai trò vừa là nhà đầu tư tài chính, vừa là đơn vị ươm tạo, tăng tốc, hỗ trợ nâng cao năng lực vận hành và thương mại hóa sản phẩm cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Những thay đổi tích cực trong hoạt động thành lập, đầu tư của thị trường đầu tư vào khởi nghiệp sáng tạo chủ yếu do các quy định thành lập quỹ theo Nghị định 38/2018/NĐ-CP đã đơn giản hóa các thủ tục, các yêu cầu về số lượng nhà đầu tư tối thiểu và tổng số vốn góp. Việc thành lập quỹ chỉ cần thông báo thay vì đăng ký kinh doanh như quy định tại Luật Chứng khoán đã hỗ trợ, tạo điều kiện và môi trường đầu tư cho các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo phát triển. Theo thống kê, các quỹ này đã thực hiện 122 thương vụ đầu tư, 11 quỹ đang hoạt động tích cực, 07 quỹ thực hiện hoạt động đầu tư thông qua chương trình ươm tạo hoặc thúc đẩy kinh doanh. Mặc dù tổng số vốn huy động của các quỹ còn khiêm tốn nhưng đây là khoản đầu tư quan trọng ban đầu cho các DNNVV khởi nghiệp sáng tạo.

- Tại cấp địa phương: nhiều địa phương đã ban hành đề án, chương trình và chính sách riêng hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, kết hợp nguồn lực ngân sách và xã hội hóa. Các chương trình, cuộc thi và đẩy mạnh triển khai cơ chế hỗ trợ tài chính cho giai đoạn tiền ươm tạo, ươm tạo và tăng tốc các dự án khởi nghiệp, kết hợp miễn/giảm thuế, hỗ trợ chi phí ươm tạo và vận hành không gian làm việc chung cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo được nhiều địa phương triển khai.

- Việc hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của Luật Hỗ trợ DNNVV, Nghị định số 80/2021/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành bằng nguồn NSNN đã đạt được một số kết quả khả quan khi các mô hình hỗ trợ doanh nghiệp thành công ở một số bộ, địa phương đã được phát huy. Tính chung giai đoạn 2021-2025, có khoảng gần 300 DNNVV khởi nghiệp sáng tạo được hỗ trợ bằng ngân sách nhà nước thông qua các hoạt động quy định tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP. Tuy quy mô hỗ trợ còn khiêm tốn nhưng đã tạo tiền lệ quan trọng, giúp các bộ, ngành và địa phương từng bước triển khai hỗ trợ nhóm doanh nghiệp này theo đúng quy trình, tiêu chí của Luật.

c) Về một số hạn chế, tồn tại

Bên cạnh những kết quả bước đầu, việc thực hiện chính sách hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo theo Luật Hỗ trợ DNNVV vẫn còn một số hạn chế lớn:

- Quy mô và phạm vi hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo còn hạn chế, nguyên nhân chủ yếu do trước khi Nghị định 80/2021/NĐ-CP được ban hành, việc xác định DNNVV khởi nghiệp sáng tạo chưa cụ thể nên cơ quan, tổ chức hỗ trợ lúng túng khi xác định đối tượng phù hợp. Ngay sau khi có Nghị định 80/2021/NĐ-CP, việc triển khai hỗ trợ vẫn chậm do chưa có quy định rõ ràng về cơ chế sử dụng ngân sách nhà nước hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo, đặc biệt đối với các hình thức đầu tư mạo hiểm.

- Hoạt động của quỹ đầu tư tư nhân cho DNNVV khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của Nghị định số 38/2018/NĐ-CP còn hạn chế. Số lượng các quỹ đầu tư thành lập còn hạn chế khi tổng số vốn chỉ chiếm dưới 5% thị phần đầu tư mạo hiểm tại Việt Nam. Các quỹ đầu tư thành lập theo Nghị định 38/2018/NĐ-CP đa phần có quy mô nhỏ xét trên phương diện vốn đầu tư đăng ký, 95% số quỹ có quy mô vốn dưới 30 tỷ đồng, cụ thể: 15/40 (37,5%) quỹ có quy mô vốn dưới 1 tỷ đồng, 11 quỹ có quy mô vốn từ 1 – 10 tỷ đồng, 5 quỹ có quy mô vốn từ 10 – 50 tỷ đồng và chỉ có 2 quỹ có quy mô vốn trên 50 tỷ đồng. Hoạt động của các quỹ đầu tư chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực đầu tư có độ rủi ro thấp, mang lại lợi nhuận ổn định như công nghệ thông tin, giáo dục, y tế và thương mại điện tử. Đồng thời, tổng hợp kết quả đánh giá tình hình thực hiện Nghị định 38/2018/NĐ-CP cho thấy một số quy định tại Nghị định còn bất cập trong quá trình thực hiện, chưa phát huy hết tiềm năng cũng như kỳ vọng của cộng đồng quỹ đầu tư và doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, cụ thể: quy định về giới hạn quy mô góp vốn của quỹ; danh mục và lĩnh vực hoạt động của quỹ chưa đầy đủ, chưa thể hiện đúng bản chất hoạt động của một quỹ đầu tư; chưa có quy định ràng buộc trách nhiệm của công ty quản lý trong việc tập trung nguồn vốn đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Bên cạnh đó, một số quy định về quy trình, thủ tục thành lập và hoạt động của quỹ chưa được phân cấp và một số quy định chưa thực sự cần thiết dẫn tới tạo thêm gánh nặng hành chính cho các nhà đầu tư, công ty quản lý quỹ.

- Năng lực hấp thụ của doanh nghiệp có sự khác biệt giữa các địa phương, đặc biệt là giữa các thành phố lớn và các địa phương khác. Phần lớn hoạt động, chương trình khởi nghiệp sáng tạo tập trung tại một số trung tâm lớn (Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng...), trong khi nhiều địa phương khác mới chỉ dừng ở mức tổ chức sự kiện, cuộc thi khởi nghiệp, chưa hình thành đầy đủ chuỗi dịch vụ ươm tạo – tăng tốc – kết nối đầu tư. Nhiều DNNVV ở địa bàn nông thôn, vùng sâu, vùng xa, doanh nghiệp quy mô siêu nhỏ chưa đủ điều kiện để được công nhận là DNNVV khởi nghiệp sáng tạo và khó tiếp cận các gói hỗ trợ hiện có.

- Quy định một số tiêu chí lựa chọn, thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp vẫn còn phức tạp, kéo dài; điều này làm tăng chi phí tuân thủ đối với cả cơ quan triển khai và doanh nghiệp, nhất là trong bối cảnh doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo có mô hình kinh doanh mới, tài sản chủ yếu là tài sản trí tuệ hoặc các sản phẩm sáng tạo, khó xác định giá trị tại thời điểm hỗ trợ dẫn tới việc lựa chọn đối tượng hỗ trợ còn khó khăn.

Có thể đánh giá, chính sách hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo theo Luật Hỗ trợ DNNVV đã góp phần tạo dựng môi trường và công cụ hỗ trợ quan trọng,

song quy mô, mức độ lan tỏa và tính gắn kết còn khiêm tốn so với tiềm năng của hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Đây là cơ sở để trong giai đoạn tới cần tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, đặc biệt là cơ chế tài chính – ngân sách và mô hình đồng đầu tư công – tư, đồng thời đơn giản hóa thủ tục, tăng cường phân cấp, phân quyền và nâng cao năng lực triển khai ở địa phương nhằm đưa chính sách đi vào thực chất, rộng khắp đối với nhóm DNNVV khởi nghiệp sáng tạo.

3.11. Về chính sách hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị

a) Về khung pháp lý

Điều 19 Luật Hỗ trợ DNNVV đã đưa ra quy định cho nhóm đối tượng trọng tâm thứ ba là các DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trong lĩnh vực sản xuất, chế biến. Các nội dung hỗ trợ bao gồm: đào tạo chuyên sâu về công nghệ, kỹ thuật sản xuất; tư vấn về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng, chiến lược phát triển sản phẩm theo cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị; cung cấp thông tin về nhu cầu kết nối, sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị; hỗ trợ phát triển thương hiệu, mở rộng thị trường sản phẩm của cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị; hỗ trợ sản xuất thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị. Ngoài ra, tương tự như đối tượng trọng tâm thứ hai – các DNNVV khởi nghiệp sáng tạo, Luật còn quy định các DNNVV được cấp bù lãi suất đối với khoản vay thông qua các tổ chức tín dụng (trong từng thời kỳ) và được hỗ trợ vay vốn với lãi suất ưu đãi từ Quỹ Phát triển DNNVV.

Trên cơ sở đó, Nghị định số 80/2021/NĐ-CP đã cụ thể hóa nội dung hỗ trợ đối với DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị, trong đó: (i) đưa ra tiêu chí nhận diện cụm liên kết ngành và chuỗi giá trị; (ii) quy định tiêu chí, phương thức lựa chọn DNNVV tham gia cụm, chuỗi để được hỗ trợ; (iii) giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) xây dựng bộ công cụ đánh giá DNNVV tiềm năng tham gia chuỗi giá trị làm căn cứ triển khai các chương trình hỗ trợ.

Kể từ khi Nghị định số 80/2021/NĐ-CP có hiệu lực thi hành, lần đầu tiên các cơ quan trung ương và địa phương đã có thể xác định cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị và nhóm DNNVV được hỗ trợ, khắc phục phần nào tình trạng chưa có tiêu chí cụ thể dẫn tới áp dụng không thống nhất trước đây¹⁵. Đồng thời, các nội dung hỗ trợ được thiết kế tương đối toàn diện, bao gồm đánh giá hiện trạng và mức độ tham gia chuỗi giá trị để từ đó đưa ra các hoạt động tăng cường năng lực phù hợp (đào tạo, tư vấn nâng cao năng lực liên kết sản xuất – kinh doanh) tới hỗ trợ thông tin – phát triển thương hiệu – kết nối thị trường; tư vấn lên sàn thương mại điện tử; tư vấn tiêu chuẩn – quy chuẩn kỹ thuật, thử nghiệm, kiểm định, chứng nhận chất lượng...

¹⁵ Giai đoạn áp dụng Nghị định số 39/2018/NĐ-CP

Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) cũng đã xây dựng Bộ tiêu chí đánh giá DNNVV tiềm năng tham gia chuỗi giá trị. Bộ công cụ bao gồm 11 tiêu chí chính với 34 tiêu chí nhỏ nhằm thu thập, đánh giá đầy đủ năng lực nội tại và tiềm năng của các DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, chế tạo, bao gồm: Lãnh đạo và quản trị; Tài chính, kế toán; Hệ thống quản lý chất lượng; Kiểm soát nhà cung cấp/nguyên vật liệu; Kiểm soát quá trình; Quản lý sản xuất; Bảo trì và quản lý thiết bị đo; Đào tạo nguồn nhân lực; Năng lực nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới; Sức khỏe, an toàn, môi trường; Công nghệ và chuyển đổi số. Bộ công cụ được thiết kế theo hướng doanh nghiệp có thể tự đánh giá và sau đó tự động xuất ra báo cáo kết quả dựa trên phần mềm đơn giản và phổ thông Excel. Bộ công cụ đã được đăng tải trên Cổng Thông tin doanh nghiệp của Bộ Tài chính để các DNNVV, cơ quan hỗ trợ DNNVV có thể sử dụng.

b) Về một số kết quả

- Trên cơ sở khung pháp lý nêu trên, các bộ, ngành và địa phương đã bước đầu triển khai chính sách hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị, tập trung chủ yếu vào một số ngành, lĩnh vực sản xuất, chế biến, điện tử, ô tô – xe máy, dệt may, da giày, chế biến thực phẩm, nông – lâm nghiệp và chế biến gỗ, lâm sản.

- Tổng hợp thông tin từ các bộ, ngành địa phương cho thấy kết quả triển khai từ nguồn ngân sách nhà nước chủ yếu tập trung vào các hoạt động tư vấn cho DNNVV về tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm; tư vấn thương hiệu, thị trường; tư vấn và hỗ trợ doanh nghiệp đẩy mạnh thị trường thông qua thương mại điện tử; hỗ trợ DNNVV tham gia các sự kiện kết nối kinh doanh, triển lãm, hội chợ theo ngành, hàng.

Bộ Công Thương tập trung nguồn lực triển khai các hoạt động đào tạo chuyên sâu và tư vấn cho các doanh nghiệp trong các ngành chế biến thực phẩm, dệt may, da giày, điện tử,... để hoàn thiện tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn thực phẩm, thiết kế mô hình liên kết nguyên liệu – chế biến – tiêu thụ, từng bước hình thành liên kết dọc trong chuỗi; hỗ trợ thông tin thị trường, kết nối cung – cầu, kết nối với hệ thống phân phối hiện đại và các nhà mua hàng quốc tế. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đẩy mạnh đào tạo theo nhu cầu và tư vấn chuyên sâu cho các DNNVV trong ngành chế biến nông sản, thực phẩm, chế biến gỗ và lâm sản... về các công nghệ chế biến sau thu hoạch, chế biến sâu sản phẩm gỗ và lâm sản để qua đó nâng cao giá trị gia tăng cho hàng Việt. Thống kê sơ bộ giai đoạn 2022-2025, chỉ riêng nguồn lực từ ngân sách trung ương, đã có khoảng gần 2.000 DNNVV được hỗ trợ các nội dung theo quy định tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP.

- Bên cạnh nguồn ngân sách nhà nước, các bộ, ngành, đặc biệt là Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước kia đã rất chủ động tìm kiếm nguồn lực và qua đó triển khai các hoạt động hỗ trợ DNNVV nâng cao năng lực tham gia chuỗi giá trị. Từ

năm 2020-2024, thông qua các dự án hỗ trợ kỹ thuật do USAID và JICA tài trợ¹⁶, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp với các nhà tài trợ triển khai nhiều hoạt động hỗ trợ DNNVV nâng cao năng lực sản xuất, năng lực đáp ứng tiêu chuẩn nhà mua lớn (tư vấn chuyên sâu về kỹ thuật, sản xuất, tiêu chuẩn sản phẩm; tư vấn áp dụng mã số mã vạch sản phẩm; tư vấn mở rộng thị trường; đào tạo tại doanh nghiệp, kết nối kinh doanh với nhà mua trong nước và quốc tế,...). Tính sơ bộ giai đoạn 2022-2024, đã có khoảng gần 1.000 DNNVV được hỗ trợ tư vấn chuyên sâu theo các nội dung và nhu cầu của doanh nghiệp; gần 6.000 lượt DNNVV tham gia các khóa đào tạo về xây dựng thương hiệu, chiến lược xuất khẩu, tiêu chuẩn sản phẩm, thương mại điện tử, mã số mã vạch...

- Mặc dù nguồn lực còn hạn chế, chính sách hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị đã hình thành một số mô hình liên kết chuỗi theo chuẩn mực quốc tế trong các ngành điện tử, cơ khí, thực phẩm, gỗ, dệt may, da giày, nông sản.... Thông qua các liên kết này, DNNVV tham gia với vai trò nhà cung cấp nguyên phụ liệu, linh kiện, bao bì, dịch vụ kỹ thuật cho doanh nghiệp đầu chuỗi trong nước và FDI và với hỗ trợ ban đầu, nhiều DNNVV được hỗ trợ đã cải thiện rõ rệt về năng lực quản trị chất lượng, quy trình sản xuất, khả năng đáp ứng tiêu chuẩn của khách hàng lớn sau khi tham gia các chương trình tư vấn cải tiến tại nhà máy, đào tạo chuyên sâu về tiêu chuẩn kỹ thuật, quản lý sản xuất.

- Bên cạnh đó, thông qua hoạt động hỗ trợ DNNVV của các cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV ở trung ương và địa phương, khả năng tự chủ một phần nguyên liệu, linh kiện, dịch vụ kỹ thuật ở một số phân khúc được nâng lên; bước đầu hình thành được mạng lưới nhà cung cấp nội địa trong chuỗi giá trị của một số ngành công nghiệp, từ đó tạo hiệu ứng lan tỏa tích cực về năng suất, chất lượng và quản trị trong khu vực DNNVV.

Những kết quả này khẳng định nếu được hỗ trợ đúng “điểm nghẽn” (tiêu chuẩn, kỹ thuật, quy trình, quản trị chất lượng), DNNVV có thể tham gia sâu hơn, bền vững hơn vào các chuỗi cung ứng trong nước, khu vực và toàn cầu.

c) Về một số hạn chế, tồn tại

Bên cạnh kết quả đạt được, chính sách hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị còn bộc lộ một số hạn chế, khó khăn:

- Luật Hỗ trợ DNNVV quy định chính sách cho DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị và Nghị định số 80/2021/NĐ-CP đã có các tiêu chí cụ thể xác định thế nào là “cụm liên kết ngành”. Tuy nhiên, trên thực tế, việc xác định cụm liên kết ngành chưa thực sự rõ ràng và khả thi. Ngoài ra, tại Việt Nam cụm liên kết ngành chưa được hình thành một cách tự nhiên và đúng với bản chất của một cụm ngành công nghiệp. Điều này dẫn tới hầu như chính sách hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành chưa được triển khai trong thực tế.

¹⁶ Dự án Thúc đẩy cải cách và nâng cao năng lực kết nối cho DNNVV (USAID LinkSME), Dự án Tăng cường năng lực cạnh tranh khu vực tư nhân Việt Nam (USAID IPSC) và Dự án Thúc đẩy DNNVV và Phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ (JICA)

- Các cơ chế tài chính để triển khai đồng bộ các nội dung hỗ trợ theo Luật và Nghị định 80/2021/NĐ-CP đến nay vẫn chưa được triển khai đồng bộ. Luật Hỗ trợ DNNVV quy định trong từng thời kỳ, Chính phủ quyết định chính sách cấp bù lãi suất cho các DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị nhưng trên thực tế, từ khi Luật Hỗ trợ DNNVV có hiệu lực, Chính phủ chưa có chương trình riêng biệt nào hỗ trợ lãi suất cho DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị. Ngoài ra, việc các DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị được vay vốn ưu đãi từ Quỹ Phát triển DNNVV còn hạn chế như đã phân tích ở phần trên.

- Các hoạt động hỗ trợ DNNVV tham gia chuỗi giá trị theo quy định tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP tương đối rộng và bao quát nhiều hoạt động (tư vấn, đào tạo, hỗ trợ sản xuất thử, thử nghiệm/kiểm định sản phẩm; kết nối kinh doanh...) nhưng trên thực tế để hỗ trợ một DNNVV từ việc nâng cấp năng lực sản xuất đáp ứng yêu cầu của nhà mua lớn cần thời gian (có thể từ một đến hai năm) để doanh nghiệp có đủ thời gian cải thiện. Trong khi đó, các hoạt động hỗ trợ DNNVV được triển khai theo năm ngân sách và thường tập trung triển khai vào 6 tháng cuối năm (sau giai đoạn đầu năm tập trung cho việc xây phân bổ ngân sách, xây dựng dự toán chi tiết, xây dựng và tổ chức phương án tổ chức thực hiện,...), do đó các đơn vị hỗ trợ DNNVV thường tập trung vào các hoạt động có tính chất ngắn hạn như tư vấn về tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm; đào tạo hoặc kết nối kinh doanh thông qua các sự kiện triển lãm, hội chợ. Các hoạt động hỗ trợ DNNVV sản xuất thử nghiệm, kiểm định, đo lường theo tiêu chuẩn sản xuất... chưa được tổ chức triển khai rộng rãi. Ngoài ra, các chính sách hỗ trợ chưa được thiết kế dài hạn để đảm bảo về đơn hàng, lộ trình nâng cấp nhà cung cấp nội địa.

- Đa số DNNVV còn hạn chế về vốn, công nghệ, hệ thống quản lý chất lượng, thiếu các chứng chỉ quốc tế, năng lực kiểm soát chất lượng và quản lý sản xuất còn yếu, khó đáp ứng yêu cầu khắt khe của doanh nghiệp đầu chuỗi, đặc biệt là các tập đoàn FDI. Thông tin thị trường và yêu cầu kỹ thuật khó tiếp cận: DNNVV thường chỉ nắm được yêu cầu cụ thể khi đã tiếp xúc trực tiếp với nhà mua hàng; còn thiếu các bộ tiêu chí mẫu, hướng dẫn đơn giản để doanh nghiệp tự đánh giá mức độ đáp ứng của mình đối với yêu cầu của chuỗi, dẫn tới tâm lý e dè, ít chủ động đăng ký tham gia. Điều này dẫn tới năng lực tham gia chuỗi còn hạn chế và các chính sách hỗ trợ DNNVV cần được triển khai toàn diện, đồng bộ hơn.

- Mức độ tiếp cận chính sách của doanh nghiệp rất hạn chế: kết quả khảo sát hơn 500 DNNVV cho thấy, chỉ khoảng 15% doanh nghiệp “biết rõ” và 30% “biết sơ bộ” về chính sách cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị; khoảng 27% hoàn toàn không biết. Chỉ khoảng 12% doanh nghiệp cho biết đã từng tiếp cận một hình thức hỗ trợ liên quan, trong khi 88% chưa từng tham gia bất kỳ chương trình nào về cụm, chuỗi giá trị.

Theo kết quả khảo sát gần 500 DNNVV, các DNNVV đa số đánh giá chủ trương hỗ trợ tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị là đúng hướng, song khoảng cách giữa thiết kế và thực thi vẫn khá lớn. Lãnh đạo doanh nghiệp phản ánh truyền thông chính sách chưa đủ sâu và thông tin còn phân tán, thiếu đầu mối

“một cửa” hướng dẫn từ điều kiện, thủ tục đến lựa chọn gói hỗ trợ phù hợp, khiến doanh nghiệp nhỏ khó tiếp cận. Bên cạnh đó, thời gian thẩm định, phê duyệt và giải ngân còn chậm, trong khi cơ hội kết nối chuỗi thường đến nhanh theo đơn hàng, mùa vụ, dẫn tới doanh nghiệp dễ bỏ lỡ thời điểm. Về nội dung, một số doanh nghiệp đề xuất chuyển trọng tâm từ hoạt động mang tính sự kiện sang hỗ trợ theo “đầu việc để vào chuỗi” như tư vấn cải tiến tại nhà máy (Lean/5S, nâng năng suất, giảm lỗi), hỗ trợ chi phí chứng nhận–kiểm nghiệm–hiệu chuẩn, truy xuất nguồn gốc/mã số mã vạch, số hóa quản trị chất lượng và chuẩn hóa bao bì–nhãn. Đồng thời, doanh nghiệp mong có cơ chế kết nối cung–cầu có cam kết và theo dõi sau hỗ trợ (3–6–12 tháng), gắn trực tiếp với yêu cầu kỹ thuật của doanh nghiệp đầu chuỗi/nhà mua hàng để tăng tỷ lệ chuyển hóa thành đơn hàng, hợp đồng thực chất. Các doanh nghiệp tham gia khảo sát cũng phản ánh kinh phí hỗ trợ còn thấp so với chi phí cải tiến và đầu tư máy móc, chứng chỉ; thời gian phê duyệt hỗ trợ kéo dài, dẫn tới bỏ lỡ cơ hội kết nối, đơn hàng; các hoạt động xúc tiến, kết nối chuỗi còn thiên về sự kiện, thiếu đơn hàng thực chất; thủ tục còn phức tạp trong khi năng lực nhân sự hành chính của DNNVV còn hạn chế.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Đánh giá chung

Qua tổng kết việc thi hành Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 giai đoạn 2018–2025 cho thấy, việc triển khai Luật đã đạt được nhiều nhiều kết quả tích cực, bên cạnh đó vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế, vướng mắc cần tiếp tục được nghiên cứu, rà soát, hoàn thiện. Cụ thể là:

1.1 Về một số kết quả nổi bật

- Khuôn khổ pháp lý hỗ trợ DNNVV từng bước được hoàn thiện: với 8 Nghị định và khoảng 20 Thông tư cùng với quy định các chính sách đồng bộ về hỗ trợ đất đai, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân,... tại các pháp luật chuyên ngành đã tạo ra một hệ thống chính sách hỗ trợ DNNVV xuyên suốt và tương đối đầy đủ.

- Công tác tổ chức thi hành được triển khai đồng bộ ở trung ương và địa phương; trong đó hoạt động hỗ trợ đào tạo cho DNNVV tiếp tục kế thừa các kết quả đạt được trong nhiều năm và đã tạo ra nhiều mô hình đào tạo tốt, hiệu quả, bám sát nhu cầu của doanh nghiệp (đào tạo giám đốc điều hành cho các DNNVV, đào tạo chuyên sâu theo nhu cầu tại hiện trường của doanh nghiệp, đào tạo về chuyển đổi số, đào tạo cho chuyên sâu cho các DNNVV do phụ nữ làm chủ,...). Bên cạnh đó, các hoạt động hỗ trợ cho DNNVV về tư vấn, chuyển đổi số, tham gia chuỗi giá trị... bắt đầu được triển khai bài bản sau 1-2 năm đầu tiên chưa hình thành được thông lệ, mô hình tốt. Trên cơ sở đó, Luật đã góp phần nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương trong công tác hỗ trợ DNNVV, thúc đẩy phương thức hỗ trợ theo hướng công khai, minh bạch, có trọng tâm, trọng điểm và gắn liền với yêu cầu chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

- Thống kê sơ bộ giai đoạn 2021-2025, có khoảng hơn 2,2 triệu lượt người

được hỗ trợ thông tin, nâng cao nhận thức, kỹ năng về chuyển đổi số trong doanh nghiệp, hơn 20.000 lượt doanh nghiệp được tham gia đào tạo, khoảng 5.000 doanh nghiệp được nhận tư vấn chuyên sâu, khoảng 500 doanh nghiệp được nhận hỗ trợ xúc tiến thương mại, kết nối kinh doanh, phát triển thị trường, ...

- Quốc hội, Chính phủ luôn quan tâm, bố trí kinh phí cho các Bộ ngành, địa phương để triển khai hỗ trợ DNNVV, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp. Các DNNVV quan tâm nhiều hơn đến các chính sách, chủ động tìm hiểu, tham gia hưởng lợi các chương trình hỗ trợ của Nhà nước.

- Một số hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp được đón nhận tích cực từ cộng đồng doanh nghiệp do bám sát xu thế và nhu cầu thực tiễn (hỗ trợ chuyển đổi số, hỗ trợ kinh doanh bền vững), do đó các doanh nghiệp hào hứng và thể hiện tính cam kết cao khi tham gia các hoạt động hỗ trợ. Bên cạnh đó, các mô hình và phương pháp hỗ trợ bước đầu được chuẩn hoá từ thực tiễn và nhân rộng cho các doanh nghiệp khác dẫn tới thuận lợi trong quá trình triển khai chính sách hỗ trợ.

- Các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp của địa phương, đặc biệt chính sách hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi, phát triển và khắc phục hậu quả của thiên tai, dịch bệnh tương đối kịp thời và bám sát nhu cầu của doanh nghiệp. Cộng đồng doanh nghiệp thể hiện sự quyết tâm, tinh thần học hỏi, chủ động áp dụng các mô hình, phương thức kinh doanh mới, sáng tạo nhằm từng bước đáp ứng xu thế kinh doanh bền vững và quan tâm hơn đến các chính sách hỗ trợ của nhà nước.

- Hoạt động hỗ trợ DNNVV nhận được sự đồng hành của cộng đồng nhà tài trợ quốc tế (USAID, JICA, UNDP, Canada, GIZ...), nhiều mô hình hỗ trợ, phương pháp tiếp cận mới được các Bộ ngành, địa phương học hỏi và triển khai, áp dụng hiệu quả trong thực tiễn triển khai hoạt động hỗ trợ.

1.2 Một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Nhiều văn bản hướng dẫn Luật, Nghị định ban hành chậm (đến gần hết giai đoạn của kế hoạch hỗ trợ mới được ban hành) nên nhiều chương trình hỗ trợ bị chậm triển khai, thậm chí không triển khai được. Một số quy định hỗ trợ DNNVV còn tham chiếu đến các văn bản không còn phù hợp với mặt bằng chi phí hiện hành, chưa tiệm cận các mức chi phí thực tế của thị trường.

- Việc thể chế chính sách hỗ trợ tại các luật chuyên ngành hoặc các Nghị định, Thông tư còn chậm dẫn đến công tác thực thi trên thực tế chưa đạt được kỳ vọng của doanh nghiệp. Trong 4 năm 2022-2025, mặc dù NSTW đã bố trí trung bình khoảng 140-145 tỷ đồng/năm để hỗ trợ DNNVV nhưng trên thực tế, kết quả hỗ trợ DNNVV vẫn còn khá khiêm tốn. Ngoài ra, mức độ nhận diện chính sách còn hạn chế; nhiều DNNVV chưa xem các kênh hỗ trợ của Nhà nước là nguồn lực thường xuyên khi phát sinh nhu cầu. Kết quả khảo sát và tổng hợp thực tiễn cho thấy phần lớn doanh nghiệp vẫn chưa nắm rõ đầy đủ về nội dung, điều kiện, quy trình và đầu mối tiếp nhận, giải quyết hồ sơ hỗ trợ. Nhiều doanh nghiệp chỉ biết chung chung có chính sách hỗ trợ nhưng thiếu thông tin cụ thể về nơi đăng ký, tiêu chí lựa chọn, cách thức tham gia và khả năng được thụ hưởng, dẫn đến mức độ tiếp cận và sử dụng các dịch vụ hỗ trợ còn hạn chế.

- Theo phản ánh của nhiều địa phương, các doanh nghiệp chưa thực sự quan tâm và mặn mà với các chính sách hỗ trợ, đặc biệt các chính sách về sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ,... do chưa nhận thấy giá trị lâu dài của các hỗ trợ này. Vì vậy, rất nhiều nội dung hỗ trợ địa phương thông tin tới doanh nghiệp nhưng doanh nghiệp chưa đăng ký tham gia, dẫn tới chưa triển khai được chính sách.

- Các DNNVV đa số là doanh nghiệp siêu nhỏ (chiếm 67,1%) và doanh nghiệp nhỏ (chiếm 26,4%), quy mô vốn phổ biến dưới 10 tỷ, nguồn lực hạn chế, do đó chưa sẵn sàng đóng góp vốn đối ứng để tham gia hỗ trợ. Ngoài ra, giai đoạn 2021 -2025, doanh nghiệp liên tục phải đối mặt với các khó khăn thách thức chung của nền kinh tế, mức độ phục hồi chậm, dẫn đến năng lực hấp thụ chính sách hỗ trợ còn hạn chế. Theo phản ánh của các địa phương, nhiều nội dung hỗ trợ có sự đóng góp đối ứng của doanh nghiệp từ 30-50% nhưng các doanh nghiệp lại không được quyết định đơn vị cung cấp dịch vụ theo yêu cầu của mình, dẫn đến các doanh nghiệp chưa quan tâm tới các chính sách hỗ trợ. Do đó, quy mô thụ hưởng chính sách còn nhỏ, mức độ tiếp cận của số đông DNNVV còn thấp so với nhu cầu và quy mô cộng đồng doanh nghiệp. Kết quả khảo sát gần 500 DNNVV cho thấy chỉ khoảng 9% doanh nghiệp phản hồi đã tiếp cận, thụ hưởng được chính sách hỗ trợ, trong khi phần lớn doanh nghiệp còn lại chưa tiếp cận hoặc tiếp cận không thành công; đồng thời độ phủ hỗ trợ thực tế mới dừng ở mức hẹp, chưa tạo chuyên biến rộng trong cộng đồng DNNVV.

- Điều kiện tham gia, hồ sơ, quy trình, thủ tục hỗ trợ DNNVV, đặc biệt với các chính sách có cơ chế chi phí đối ứng còn phức tạp; dẫn tới giảm sự sẵn sàng tham gia các chính sách hỗ trợ như thiết kế ban đầu.

- Hoạt động hỗ trợ DNNVV từ nguồn ngân sách nhà nước phải thực hiện qua hình thức đấu thầu (đối với trường hợp cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV không trực tiếp triển khai hoạt động hỗ trợ), tuy pháp luật về đấu thầu đã có nhiều cải thiện thời gian vừa qua (ví dụ: phân cấp kế hoạch lựa chọn nhà thầu từ người có thẩm quyền sang chủ đầu tư; lược bỏ thủ tục thẩm định hồ sơ yêu cầu, hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu đối với một số hình thức đấu thầu đơn giản, quy mô nhỏ, bãi bỏ vai trò bên mời thầu, chuyển giao nhiệm vụ cho chủ đầu tư, tổ chuyên gia; mở rộng các trường hợp chỉ định thầu, đặt hàng, lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt;...).

Tuy nhiên, quy trình, thủ tục, hồ sơ để thực hiện đấu thầu còn phức tạp, nhiều quy định mang tính kỹ thuật khó hiểu, qua nhiều khâu như trình, thẩm định, phê duyệt nhưng lại không bao quát đầy đủ các tình huống thực tế, trong điều kiện nhân sự làm công tác hỗ trợ DNNVV tại các bộ và địa phương chưa thực sự chuyên nghiệp trong nghiệp vụ đấu thầu và phải bố trí nhân sự cho nhiều công việc khác liên quan. Do đó, các cán bộ hỗ trợ DNNVV mất nhiều thời gian, công sức tập trung cho công tác đấu thầu, không còn thời gian để tập trung vào nhiệm vụ tổ chức thực hiện, kiểm soát chất lượng để đạt đến kết quả như kỳ vọng.

- Nguồn nhân lực làm công tác hỗ trợ DNNVV ở các địa phương còn thiếu cả số lượng và yếu về chất lượng. Chỉ một số ít địa phương có trung tâm hỗ trợ DNNVV trực thuộc Ủy ban nhân dân còn phần lớn đang giao nhiệm vụ hỗ trợ

doanh nghiệp cho Phòng Đăng ký kinh doanh với số lượng cán bộ phụ trách trực tiếp là 5-7 cán bộ. Trong khi đa số các đơn vị này phải tập trung cho công tác đăng ký kinh doanh, hướng dẫn việc thành lập doanh nghiệp. Ngoài ra, công tác hỗ trợ DNNVV năm 2025 bị ảnh hưởng lớn bởi việc sáp nhập bộ, ngành, địa giới hành chính và vận hành mô hình chính quyền hai cấp. Đồng thời các cán bộ ở các địa phương cũng chưa được đào tạo bài bản, chưa được trang bị đầy đủ kỹ năng hỗ trợ doanh nghiệp để thực hiện hiệu quả.

- Sự chủ động và tích cực của mỗi cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV ở các bộ, ngành, địa phương trong thực hiện các chính sách hỗ trợ có sự khác nhau lớn nên kết quả triển khai chính sách có khoảng cách, khác biệt giữa các bộ, ngành, địa phương.

- Các nội dung hỗ trợ về tư vấn quản trị doanh nghiệp, hỗ trợ chuyển đổi số, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị là những nội dung mới được triển khai nên các đơn vị còn lúng túng khi xác định đối tượng hỗ trợ, phương pháp hỗ trợ và nội dung hỗ trợ phù hợp. Ngoài ra, nhiều nội dung hỗ trợ được quy định tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP nhưng trên thực tế chưa có mô hình, thông lệ thực tiễn, cũng như chưa có tiêu chuẩn, định mức, đơn giá để tham khảo cũng đã ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện.

- Một số định mức chi tiêu quy định tại Thông tư số 52/2023/TT-BTC hiện tham chiếu đến các văn bản đã cũ, đơn giá thấp, chưa tiệm cận với thị trường (ví dụ như mức phí tư vấn) nên khó thu hút được DNNVV cũng như bên cung cấp tham gia triển khai thực hiện. Đối tượng hỗ trợ chủ yếu là các doanh nghiệp quy mô siêu nhỏ và nhỏ nên khả năng đối ứng hạn chế, phần nào gây khó khăn cho quá trình tổ chức thực hiện chính sách.

- Chất lượng và mức độ phù hợp của dịch vụ hỗ trợ còn có sự khác nhau giữa các địa phương và chính sách hỗ trợ, trong đó một số hoạt động vẫn chủ yếu tập trung vào phổ biến, hướng dẫn chung, chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu tư vấn chuyên sâu theo từng ngành, từng nhóm doanh nghiệp. Bên cạnh đó, việc phối hợp, liên thông giữa các nhóm chính sách hỗ trợ chưa được các đơn vị hỗ trợ tăng cường, đa số vẫn triển khai theo từng chương trình riêng (đào tạo, tư vấn, kết nối kinh doanh,...) mà chưa đẩy mạnh hỗ trợ toàn diện cho một DNNVV để có thể tăng nhanh năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

- Công tác theo dõi, đánh giá sau hỗ trợ (M&E) chưa được thực hiện đồng bộ bởi các cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV; hệ thống chỉ tiêu và cơ chế thu thập dữ liệu để phản ánh toàn diện tác động của các chính sách hỗ trợ chưa được xây dựng đầy đủ, toàn diện.

2. Bài học kinh nghiệm

Từ những kết quả, hạn chế nêu trên, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm chủ yếu nhằm làm cơ sở định hướng hoàn thiện cơ chế, chính sách và đề xuất các kiến nghị phù hợp trong thời gian tới, bảo đảm chính sách hỗ trợ DNNVV đi vào thực chất, tăng khả năng tiếp cận và nâng cao hiệu quả, tác động lan tỏa.

Một là, cần bảo đảm cơ chế điều phối thống nhất, phân công rõ trách nhiệm và phối hợp liên ngành thực chất trong triển khai chính sách hỗ trợ DNNVV.

Thực tiễn cho thấy hỗ trợ DNNVV là nhiệm vụ có tính liên ngành, liên lĩnh vực, liên cấp, liên quan đồng thời đến tín dụng, thuế, đất đai, khoa học – công nghệ, đào tạo, tư vấn, thương mại, pháp lý... Do đó, nếu thiếu đầu mối điều phối đủ mạnh và thiếu cơ chế phối hợp rõ ràng, chính sách dễ bị phân tán theo từng chương trình, từng bộ/ngành, từng địa phương, khó tạo “độ phủ” và hiệu quả tổng hợp. Việc điều phối không chỉ dừng ở ban hành kế hoạch, văn bản hướng dẫn mà cần gắn với cơ chế đôn đốc, theo dõi, đánh giá và tổng hợp định kỳ để kịp thời tháo gỡ vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

Hai là, để chính sách được triển khai hiệu quả và đi vào thực tiễn, cần bảo đảm đầy đủ, đồng bộ các khâu trong quá trình tổ chức thực hiện, bao gồm: quy định pháp luật làm căn cứ áp dụng; văn bản hướng dẫn triển khai để thống nhất cách hiểu và cách làm; cơ chế tài chính làm cơ sở bố trí, sử dụng và quyết toán nguồn lực; cùng với quy trình vận hành cụ thể (tiêu chí, hồ sơ, trình tự, thủ tục, phương thức lựa chọn đối tượng thụ hưởng và cơ chế giám sát, nghiệm thu). Thực tiễn cho thấy, nếu thiếu hoặc chưa hoàn thiện kịp thời một trong các khâu nêu trên, việc triển khai chính sách dễ bị lúng túng, chậm tiến độ hoặc chỉ thực hiện ở phạm vi hẹp, làm giảm hiệu lực, hiệu quả và tính lan tỏa của chính sách.

Ba là, thiết kế chính sách cần phù hợp năng lực hấp thụ của DNNVV theo quy mô doanh nghiệp và giảm chi phí tuân thủ để doanh nghiệp dễ tiếp cận, dễ tham gia. DNNVV, nhất là doanh nghiệp siêu nhỏ, thường hạn chế về nhân sự hành chính, kỹ năng lập hồ sơ và năng lực tài chính. việc xây dựng và triển khai “gói hỗ trợ toàn diện” theo nhu cầu của DNNVV là rất quan trọng thay vì thiết kế, triển khai rời rạc theo từng chính sách đơn lẻ. DNNVV thường cần hỗ trợ ở nhiều khía cạnh (đào tạo, tư vấn chuyên sâu theo nhu cầu; tiếp cận tài chính, tín dụng; hỗ trợ thuế, phí, kế toán,...). Việc triển khai các chính sách toàn diện, tích hợp theo ngành hàng/chuỗi giá trị hoặc theo nhóm nhu cầu (ví dụ: gói “đổi mới công nghệ – chuyển đổi số – tiêu chuẩn chất lượng – thị trường”) sẽ giúp doanh nghiệp đi theo lộ trình rõ ràng và gia tăng khả năng cạnh tranh nhanh hơn, hiệu quả hơn.

Bốn là, truyền thông chính sách và hệ thống kênh tiếp cận quyết định độ bao phủ của chính sách; do đó cần chuyển mạnh sang cung cấp thông tin theo hướng chủ động, tận dụng các công cụ số để truyền thông chính sách tới cộng đồng doanh nghiệp hiệu quả hơn. Một hạn chế thường gặp là doanh nghiệp biết “có chính sách” nhưng không rõ thông tin về nơi đăng ký, tiêu chí tham gia, quy trình, thủ tục tham gia... Việc tiếp cận chính sách hỗ trợ yêu cầu nhiều bước thủ tục, nhiều chứng từ chứng minh, hoặc đặt ra điều kiện tham gia chưa phù hợp sẽ làm gia tăng chi phí thời gian, chi phí tuân thủ, khiến doanh nghiệp ít mặn mà. Điều này cho thấy việc công khai thông tin chưa đủ, thay vào đó cần tổ chức truyền thông theo cách doanh nghiệp dễ tiếp cận, đồng thời tập trung hóa đầu mối thông tin để giảm thời gian tìm kiếm. Ngoài ra, khi dữ liệu doanh nghiệp được chuẩn hóa, cơ quan hỗ trợ DNNVV có thể chủ động đề xuất hoặc thiết kế chương

trình phù hợp theo ngành, quy mô, địa bàn; nhờ đó tăng khả năng tiếp cận của số đông DNNVV.

Năm là, cần xây dựng hệ thống theo dõi, đánh giá sau hỗ trợ (M&E) dựa trên dữ liệu để phân bổ nguồn lực theo hiệu quả và kịp thời điều chỉnh chính sách. Trong bối cảnh nguồn lực hỗ trợ có hạn, việc đo lường đầu ra và tác động là điều kiện quan trọng để lựa chọn trọng tâm, trọng điểm và cải tiến chính sách. Nếu chỉ dừng ở thống kê số lớp, số lượt tham gia, số hội nghị... sẽ khó phản ánh đúng hiệu quả hỗ trợ đối với năng lực quản trị, năng suất, khả năng tuân thủ pháp luật, đổi mới công nghệ hay mở rộng thị trường. Hệ thống M&E cần được thiết kế ngay từ đầu, có chỉ tiêu tối thiểu thống nhất toàn quốc, có cơ chế thu thập dữ liệu định kỳ và có phương thức đánh giá tác động (trước–sau hỗ trợ) ở một số chương trình trọng điểm.

Sáu là, huy động nguồn lực xã hội và phát huy vai trò hiệp hội, tổ chức trung gian là hướng đi cần thiết để mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng hỗ trợ. Nhu cầu của DNNVV rất đa dạng, trong khi ngân sách nhà nước và năng lực triển khai công ở một số nơi có giới hạn. Thực tiễn cho thấy, ở các nội dung như tư vấn chuyên sâu, chuyển đổi số, tiêu chuẩn chất lượng, đổi mới sáng tạo, kết nối thị trường..., sự tham gia của doanh nghiệp lớn, tổ chức tư vấn, tổ chức trung gian và hiệp hội giúp tăng chất lượng dịch vụ, tăng tính thực tiễn, đồng thời lan tỏa theo chuỗi giá trị. Nhà nước nên tập trung vai trò kiến tạo, đặt hàng dịch vụ, thiết lập tiêu chuẩn chất lượng, công khai minh bạch và giám sát hiệu quả, thay vì trực tiếp “làm thay” mọi khâu.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Từ những tổng kết, đánh giá về bối cảnh, kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân sau gần 08 năm thi hành Luật Hỗ trợ DNNVV năm 2017, có thể thấy, giai đoạn 2018-2025, Luật Hỗ trợ DNNVV đã hoàn thành tốt vai trò “khởi đầu”, tạo dựng khuôn khổ chính sách nền tảng cho công tác hỗ trợ DNNVV trong gần một thập kỷ vừa qua. Bối cảnh phát triển kinh tế mới với các chủ trương, định hướng gần đây của Đảng, Quốc hội, Chính phủ về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; phát triển kinh tế tư nhân và cải cách mạnh mẽ công tác xây dựng pháp luật, việc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung toàn diện Luật Hỗ trợ DNNVV là yêu cầu cấp thiết, nhằm thể chế hóa đầy đủ các định hướng tại Văn kiện Đại hội Đảng XIV, các chủ trương của Bộ Chính trị và Chính phủ; đồng thời khắc phục các bất cập trong thực tiễn, nâng cao hiệu quả và độ bao phủ của chính sách hỗ trợ DNNVV trong giai đoạn tới.

Một số định hướng lớn về sửa đổi, bổ sung Luật Hỗ trợ DNNVV và hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ DNNVV như sau:

1. Nhóm chính sách 1: Về phạm vi, đối tượng điều chỉnh, nguyên tắc hỗ trợ, quy trình và phương thức hỗ trợ, cơ chế giám sát và đánh giá hoạt động hỗ trợ DNNVV

Nhóm chính sách này dự kiến có các nội dung sau:

- Rà soát, sửa đổi tiêu chí xác định DNNVV¹⁷ theo hướng đơn giản, minh bạch, dễ áp dụng, phù hợp với thông lệ quốc tế, quy mô và trình độ phát triển của DNNVV hiện nay, cũng như điều kiện thống kê, quản lý dữ liệu của Việt Nam. Theo đó, DNNVV được xác định căn cứ vào hai tiêu chí, gồm số lao động bình quân năm và tổng doanh thu của năm trước liền kề; lược bỏ tiêu chí tổng nguồn vốn nhằm đơn giản hóa cách xác định, tạo thuận lợi cho công tác thống kê, phân loại doanh nghiệp và hạn chế cách hiểu, cách áp dụng khác nhau giữa cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp. Việc áp dụng hai tiêu chí lao động và doanh thu tuy có thể làm thu hẹp hơn đối tượng áp dụng so với Luật Hỗ trợ DNNVV hiện hành, nhưng bảo đảm phản ánh thực chất hơn quy mô, năng lực hoạt động của doanh nghiệp, qua đó giúp chính sách hỗ trợ tập trung và đến đúng đối tượng cần hỗ trợ. Qua nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế, hai tiêu chí này cũng là các tiêu chí phổ biến và được nhiều quốc gia áp dụng.

Đồng thời, chính sách dự kiến sẽ bổ sung quy định các DNNVV được hỗ trợ khi việc thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về bảo hiểm xã hội đối với người lao động. Cách tiếp cận này nhằm bảo đảm nguồn lực hỗ trợ được sử dụng đúng đối tượng, đúng mục tiêu, đồng thời khuyến khích doanh nghiệp nâng cao mức độ tuân thủ pháp luật về lao động, bảo hiểm xã hội, góp phần nâng cao độ phủ về bảo hiểm xã hội; đồng thời phù hợp với thông lệ một số quốc gia khi thiết kế chính sách hỗ trợ có điều kiện tùy theo tính chất, quy mô và nguồn lực của từng chính sách.

- Sửa đổi, bổ sung tiêu chí, khái niệm xác định một số nhóm DNNVV:

+ Sửa đổi khái niệm DNNVV khởi nghiệp sáng tạo để thống nhất, đồng bộ với Luật KHCN, đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15.

+ Sửa đổi khái niệm DNNVV do phụ nữ làm chủ để phản ánh đầy đủ, đúng bản chất hơn đối với việc phụ nữ tham gia góp vốn và quản lý doanh nghiệp tương ứng với từng loại hình doanh nghiệp (doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn).

+ Bổ sung một số khái niệm mới về DNNVV kinh doanh bền vững, DNNVV do người khuyết tật làm chủ, DNNVV sử dụng nhiều lao động là người khuyết tật. Việc bổ sung khái niệm nhận diện các đối tượng doanh nghiệp này là cơ sở thiết kế nội dung hỗ trợ, hạn chế trục lợi chính sách, phù hợp với định hướng của Đảng tại Nghị quyết số 68-NQ/TW và đảm bảo bám sát xu thế phát triển của các mô hình kinh doanh mới cũng như bao quát các chính sách khuyến khích cho nhóm doanh nghiệp yếu thế.

- Bổ sung quy định về các phương thức hỗ trợ linh hoạt, hiện đại, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp (như cơ chế voucher), theo đó Chính phủ cấp phiếu hỗ trợ với hạn mức phù hợp với từng quy mô, tính chất hỗ trợ cho doanh nghiệp. Với chính sách này, doanh nghiệp được chủ động lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ đào tạo, tư vấn, pháp lý, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo hoặc các dịch vụ hỗ trợ khác trong danh sách được công nhận; ngân sách nhà nước thanh toán toàn bộ hoặc một phần chi phí trên cơ sở kết quả thực hiện, chất lượng dịch vụ và mức độ hoàn thành mục tiêu hỗ trợ. Đồng thời, chính sách cũng quy định cơ sở để Chính phủ

¹⁷ Điều 4 Luật Hỗ trợ DNNVV.

xác định mức hỗ trợ bám sát thị trường, qua đó tăng sự hấp dẫn của các chính sách hỗ trợ từ nhà nước.

- Rà soát, hoàn thiện cơ chế phân bổ, quản lý, sử dụng nguồn lực hỗ trợ DNNVV theo hướng chuyển mạnh từ “chi theo hoạt động, theo đầu vào” sang “chi theo kết quả, theo đầu ra”, gắn hỗ trợ với mục tiêu, chỉ tiêu, sản phẩm cụ thể và kết quả đo lường được; đồng thời ứng dụng dữ liệu số, hệ thống thông tin để theo dõi, giám sát, đánh giá theo thời gian thực, kết hợp hậu kiểm, kiểm toán và công khai kết quả thực hiện nhằm nâng cao tính minh bạch, hiệu quả, xác định rõ tác động chính sách và phòng ngừa trục lợi.

- Đẩy mạnh số hóa phương thức, quy trình xét duyệt hỗ trợ DNNVV trên cơ sở khai thác, kết nối, chia sẻ dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp, thuế, bảo hiểm xã hội và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác; ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong tiếp nhận, xét duyệt, triển khai, theo dõi, giám sát và đánh giá hoạt động hỗ trợ. Phương thức, quy trình hỗ trợ được thiết kế theo hướng không phát sinh thủ tục hành chính mới, đơn giản hóa và cắt giảm các thủ tục hành chính hiện hành, giảm chi phí và thời gian tuân thủ của DNNVV cũng như cơ quan, tổ chức hỗ trợ; đồng thời bảo đảm công khai, minh bạch, nâng cao trách nhiệm giải trình và khả năng đo lường tác động của chính sách.

Việc hoàn thiện quy định này cần gắn với giải pháp trọng tâm của Nghị quyết số 68-NQ/TW về tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, giảm chi phí tuân thủ, nâng cao tính minh bạch, hiệu quả hỗ trợ doanh nghiệp; đồng thời quán triệt chủ trương tại Kết luận số 210-KL/TW ngày 12/11/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia, dữ liệu chuyên ngành liên thông, tổ chức một cửa liên thông số và đổi mới phương thức quản lý trên nền tảng dữ liệu số. Trên cơ sở đó, chính sách quy định Công thông tin quốc gia về doanh nghiệp là đầu mối tích hợp thông tin, dữ liệu và dịch vụ hỗ trợ DNNVV, bảo đảm doanh nghiệp tiếp cận chính sách nhanh chóng, đầy đủ, thống nhất, khắc phục tình trạng phân tán, chồng chéo giữa các chương trình hỗ trợ.

2. Nhóm chính sách 2: Các chính sách hỗ trợ chung và chính sách hỗ trợ trọng tâm cho DNNVV

Nội dung chính sách được rà soát, hoàn thiện theo hướng kế thừa quy định còn phù hợp, lược bỏ chính sách không khả thi hoặc hiệu quả thấp, đồng thời bổ sung chính sách mới nhằm thể chế hóa chủ trương của Đảng về phát triển kinh tế tư nhân, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Chính sách hỗ trợ DNNVV được thiết kế theo hai nhóm: **(i) hỗ trợ chung** đối với mọi DNNVV đáp ứng điều kiện hỗ trợ, các chính sách này tập trung vào tiếp cận tài chính, mặt bằng sản xuất kinh doanh, thuế, đào tạo, tư vấn, pháp lý, khoa học công nghệ, chuyển đổi số; và **(ii) hỗ trợ trọng tâm** đối với các nhóm DNNVV ưu tiên như khởi nghiệp sáng tạo, chuyển đổi từ hộ kinh doanh, kinh doanh bèn vũng, tham gia chuỗi giá trị và đầu tư ra nước ngoài; các chính sách sẽ được thiết kế có chiều sâu, phù hợp nhu cầu và đặc thù của từng đối tượng. Cách tiếp cận này bảo đảm chính sách vừa bao quát, vừa có trọng tâm, trọng điểm và đồng bộ với đề xuất bổ sung khái niệm nhận diện một số nhóm DNNVV ưu tiên như đã phân tích tại Nhóm chính sách 1. Cụ thể như sau:

2.1. Chính sách hỗ trợ DNNVV tiếp cận tài chính, tín dụng

Bám sát tinh thần của Nghị quyết số 68-NQ/TW về khơi thông nguồn vốn cho kinh tế tư nhân, ưu tiên cho DNNVV, doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, Luật Hỗ trợ DNNVV (sửa đổi) sẽ tập trung nghiên cứu, thể chế hóa các quy định liên quan tới tiếp cận nguồn vốn, bao gồm nguồn tài chính sáng tạo cho các DNNVV nói chung, DNNVV chuyên đổi xanh, chuyên đổi số, kinh doanh bền vững nói riêng. Theo đó:

(i) Về hỗ trợ chung:

- Kế thừa một số quy định của Luật Hỗ trợ DNNVV hiện hành (DNNVV được cấp bảo lãnh tín dụng tại Quỹ bảo lãnh tín dụng cho DNNVV và được vay vốn với lãi suất ưu đãi tại Quỹ Phát triển DNNVV) và bổ sung các quy định mới khuyến khích các tổ chức tín dụng tăng dư nợ cho vay đối với DNNVV; cho vay dựa trên xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp, phương án sản xuất kinh doanh, phương án mở rộng thị trường và các hình thức cho vay dựa trên dữ liệu, dòng tiền hoặc theo chuỗi giá trị.

- Bổ sung quy định các tổ chức tín dụng phát triển sản phẩm tín dụng phù hợp với DNNVV trên cơ sở đa dạng hóa hình thức bảo đảm tiền vay, bao gồm bảo đảm bằng động sản, tài sản hình thành trong tương lai, quyền tài sản, quyền sở hữu trí tuệ, tài sản vô hình, tài sản số, tài sản ảo và tài sản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

- Sửa đổi quy định liên quan tới quỹ bảo lãnh tín dụng cho DNNVV và Quỹ Phát triển DNNVV, tập trung vào đổi mới mô hình tổ chức, quản trị và cơ chế hoạt động của các quỹ theo hướng tăng tính tự chủ, công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình và năng lực quản trị rủi ro; đồng thời tăng cường kết nối, phối hợp chặt chẽ giữa các quỹ với hệ thống tổ chức tín dụng, quỹ đầu tư và các chủ thể cung cấp vốn trên thị trường.

(ii) Về hỗ trợ trọng tâm cho các nhóm DNNVV ưu tiên: ngoài các hỗ trợ chung nêu trên, các DNNVV do phụ nữ, người khuyết tật làm chủ, DNNVV chuyên đổi từ hộ kinh doanh được ưu tiên tiếp cận sản phẩm, dịch vụ tài chính toàn diện phù hợp với đặc điểm, quy mô và nhu cầu của các doanh nghiệp; DNNVV kinh doanh bền vững được Nhà nước hỗ trợ lãi suất khi vay vốn để thực hiện dự án xanh, dự án kinh tế tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội và quản trị theo quy định của pháp luật; DNNVV kinh doanh bền vững và tham gia chuỗi giá trị được ưu tiên tiếp cận các chương trình tín dụng, bảo lãnh tín dụng, cho vay, tài trợ, tài trợ đồng hành, vốn môi và các hình thức hỗ trợ tài chính khác thông qua Quỹ Phát triển DNNVV, Quỹ bảo lãnh tín dụng cho DNNVV.

2.2. Chính sách hỗ trợ về thuế - kế toán

Chính sách này cũng được thiết kế thành hai nhóm: chính sách hỗ trợ chung và chính sách hỗ trợ trọng tâm.

(i) Hỗ trợ chung:

- Về hỗ trợ thuế: Rà soát, bổ sung các chính sách về thuế bảo đảm đồng bộ pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, công nghệ cao; đồng thời luật hóa các quy định hỗ trợ thuế tại Nghị quyết số

198/2025/QH15 cho DNNVV để đảm bảo tính ổn định lâu dài của chính sách, đồng thời, thúc đẩy ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong doanh nghiệp, hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, công nghệ cao, công nghệ chiến lược, chuyển đổi xanh, tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, nhà đầu tư, chuyên gia, nhà khoa học, DNNVV mới thành lập,...; bám sát các chỉ đạo, định hướng mới của Đảng, Bộ Chính trị về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số hoặc phát triển ngành, lĩnh vực công nghiệp chiến lược.

- Về chế độ kế toán đơn giản cho DNNVV: rà soát bổ sung các quy định về chế độ kế toán đơn giản, dễ thực hiện, chi phí tuân thủ thấp và chính sách cung cấp miễn phí phần mềm kế toán dùng chung nhằm bảo đảm doanh nghiệp siêu nhỏ được áp dụng cơ chế kế toán tương đồng với hộ kinh doanh trong trường hợp phù hợp, góp phần xóa bỏ khoảng cách về chế độ quản lý giữa hộ kinh doanh và doanh nghiệp siêu nhỏ, khởi thông và tạo thuận lợi cho quá trình chuyển đổi từ hộ kinh doanh sang doanh nghiệp.

(ii) Hỗ trợ trọng tâm:

- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân cho các DNNVV khởi nghiệp sáng tạo và hoạt động khởi nghiệp sáng tạo của các tác nhân trong hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo (công ty quản lý quỹ, trung tâm đổi mới sáng tạo, chuyên gia, nhà khoa học,...).

- DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh được áp dụng cơ chế kê khai, nộp thuế, chế độ kế toán và chế độ báo cáo đơn giản của doanh nghiệp siêu nhỏ; được hỗ trợ dịch vụ kế toán trong thời gian đầu.

- DNNVV tham gia chuỗi giá trị: Chi phí cho một số hoạt động (đào tạo, đào tạo lại nhân lực, tư vấn kỹ thuật, ...) của doanh nghiệp đầu chuỗi, doanh nghiệp lớn cho DNNVV tham gia chuỗi giá trị; chi phí xây dựng thương hiệu quốc tế, chuẩn hóa tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn phát triển bền vững, nghiên cứu thị trường quốc tế... được tính vào chi phí được trừ để xác định thu nhập chịu thuế khi tính thuế TNDN.

2.3. Chính sách hỗ trợ về đất đai, mặt bằng sản xuất – kinh doanh

Thế chế hóa đầy đủ tinh thần của Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, trong đó yêu cầu tháo gỡ thực chất các rào cản về tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất, kinh doanh cho doanh nghiệp, nhất là DNNVV. Đồng thời, cần bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với Luật Đất đai năm 2024, đặc biệt là quy định tại khoản 6 Điều 202 Luật Đất đai về trách nhiệm của chủ đầu tư dành quỹ đất đã đầu tư kết cấu hạ tầng để cho DNNVV thuê, thuê lại và chính sách giảm tiền thuê lại đất đối với các trường hợp này.

Các chính sách quy định liên quan tới hỗ trợ DNNVV tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh không phân biệt chính sách hỗ trợ chung và chính sách hỗ trợ trọng tâm. Thay vào đó, chính sách hoàn thiện theo hướng quy định cụ thể trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, chủ đầu tư hạ tầng khu, cụm công nghiệp trong việc quy hoạch, bố trí, công khai quỹ đất, quỹ mặt bằng và tổ chức thực hiện cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và

vừa tiếp cận mặt bằng sản xuất; quy định cơ chế hỗ trợ giảm tiền thuê đất cho DNNVV:

- Quy định rõ trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan quản lý nhà nước có liên quan và chủ đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cụm sản xuất quy mô nhỏ, làng nghề trong việc bố trí tỷ lệ diện tích đất, mặt bằng sản xuất phù hợp dành cho DNNVV thuê với giá ưu đãi, gắn với chỉ tiêu cụ thể; công khai đầy đủ thông tin và đẩy mạnh thực hiện cơ chế hỗ trợ về giá thuê, hạ tầng với thủ tục thuận lợi.

- Bổ sung cơ chế ưu tiên để DNNVV tiếp cận quỹ tài sản công, trụ sở, nhà xưởng, mặt bằng sản xuất thuộc sở hữu nhà nước còn đang dôi dư thông qua hình thức cho thuê, đấu giá, đấu thầu hoặc các hình thức công khai, minh bạch khác, phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai, quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan.

- Xây dựng cơ chế đồng chia sẻ chi phí giữa Nhà nước – chủ đầu tư hạ tầng – DNNVV thông qua giảm tiền thuê đất, miễn, giảm phí sử dụng hạ tầng, cơ chế khấu trừ nghĩa vụ tài chính đối với chủ đầu tư đảm bảo đồng bộ với pháp luật quản lý thuế và đất đai;

- Bổ sung cơ chế linh hoạt cho các địa phương không có chủ đầu tư hạ tầng khu/cụm công nghiệp nhưng có nhu cầu phát triển DNNVV sản xuất, cho phép áp dụng mô hình hỗ trợ trực tiếp, mô hình “vườn ươm sản xuất”, cụm sản xuất quy mô nhỏ phù hợp điều kiện thực tế.

2.4. Chính sách hỗ trợ thông tin, đào tạo và tư vấn

Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chính sách hỗ trợ tiếp cận thông tin, đào tạo, tư vấn bảo đảm phù hợp hơn với yêu cầu thực tiễn, xu thế của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và các chuẩn mực quản trị hiện đại. Theo đó, chính sách hỗ trợ DNNVV tiếp cận thông tin được thiết kế theo hướng là chính sách hỗ trợ chung; trong đó hỗ trợ đào tạo, tư vấn được thiết kế bao gồm chính sách hỗ trợ chung và hỗ trợ trọng tâm. Cụ thể:

- Sửa đổi, bổ sung các chính sách hỗ trợ tiếp cận thông tin phù hợp với điều kiện, bối cảnh mới với sự phát triển mạnh mẽ của các công nghệ số, nền tảng số, phương thức truyền thông số..., qua đó việc hỗ trợ thông tin cần tập trung vào các thông tin chuyên sâu, báo cáo ngành, thị trường, báo cáo tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm... đảm bảo bám sát nhu cầu của DNNVV thay vì các thông tin chung và ít giá trị thực tiễn. Nâng cấp Cổng thông tin doanh nghiệp, tích hợp dữ liệu, tài liệu, khóa học, dịch vụ tư vấn trực tuyến, phản hồi chính sách; coi đây là nền tảng số trung tâm của hệ sinh thái hỗ trợ DNNVV.

- Rà soát, hoàn thiện các quy định về hỗ trợ đào tạo phù hợp với xu thế và nhu cầu phát triển của doanh nghiệp cũng như phương thức đào tạo trong bối cảnh mới; kết hợp linh hoạt giữa đào tạo trực tiếp, trực tuyến, đào tạo tại chỗ. Ngoài ra, với các đối tượng ưu tiên (DNNVV do phụ nữ, người khuyết tật làm chủ; DNNVV sử dụng nhiều lao động nữ, lao động là người khuyết tật; DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh, DNNVV tham gia chuỗi giá trị, DNNVV kinh doanh bền vững) sẽ có các chính sách hỗ trợ ưu tiên, có tính chuyên sâu.

- Rà soát sửa đổi, bổ sung các quy định về hỗ trợ tư vấn nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp cho DNNVV. Các chính sách hỗ trợ tư vấn cho DNNVV cơ bản kế thừa quy định tại Luật Hỗ trợ DNNVV 2017, giúp DNNVV từng bước chuẩn hóa năng lực quản trị, nắm bắt và thực hành theo các tiêu chuẩn, chuẩn mực của ngành, sản phẩm, thị trường. Ngoài ra, với một số đối tượng ưu tiên (doanh nghiệp chuyên đổi từ hộ kinh doanh, doanh nghiệp kinh doanh bền vững, doanh nghiệp tham gia chuỗi giá trị...), chính sách sẽ quy định các nội hàm chính sách chuyên sâu, phù hợp với nhu cầu và đặc thù của các đối tượng này. Các chính sách hỗ trợ tư vấn sẽ được thiết kế theo hướng chuyển từ hỗ trợ đơn lẻ sang các gói tư vấn chuyên sâu, tư vấn đồng hành theo kết quả, gắn với yêu cầu cải thiện quy trình quản trị, năng suất, năng lực đáp ứng chứng chỉ, chứng nhận ngành hàng, mở rộng thị trường và tham gia chuỗi giá trị. Đồng thời, mở rộng hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp thông qua hình thức cố vấn (coaching) và huấn luyện (mentoring) để đồng hành chuyên sâu hơn với DNNVV.

Đồng thời, trên cơ sở đánh giá khách quan hiệu quả hoạt động của mạng lưới tư vấn viên hỗ trợ DNNVV quy định tại Luật Hỗ trợ DNNVV, rà soát và sửa đổi các quy định này phù hợp với hoạt động của mạng lưới tư vấn viên theo hướng phân cấp, phân quyền cho địa phương phát triển mạng lưới tư vấn trên địa bàn.

2.5 Chính sách hỗ trợ pháp lý

- Chính sách hỗ trợ pháp lý cho DNNVV là một chính sách trọng tâm của Luật nhằm tạo cơ sở pháp lý đầy đủ hơn cho việc hỗ trợ DNNVV nâng cao năng lực tuân thủ pháp luật, phòng ngừa rủi ro pháp lý và xử lý các vướng mắc phát sinh trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Nội dung hỗ trợ pháp lý được thiết kế theo hướng phân lớp, gồm hỗ trợ pháp lý chung cho DNNVV và hỗ trợ trọng tâm đối với một số nhóm DNNVV ưu tiên như DNNVV do phụ nữ, người khuyết tật làm chủ; DNNVV sử dụng nhiều lao động là phụ nữ, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, miền núi; DNNVV khởi nghiệp sáng tạo, DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh; DNNVV kinh doanh bền vững, tham gia chuỗi giá trị và các nhóm phù hợp khác. Đồng thời, giao thẩm quyền cho các bộ, ngành, địa phương chủ động tổ chức thực hiện, kết nối, chia sẻ dữ liệu về hoạt động hỗ trợ pháp lý với Hệ thống thông tin hỗ trợ pháp lý quốc gia, bảo đảm quản lý thống nhất, tránh phân tán, trùng lặp.

- Nghiên cứu bổ sung quy định về phương thức và cơ chế hỗ trợ pháp lý cho DNNVV theo hướng Nhà nước hỗ trợ một phần chi phí sử dụng dịch vụ pháp lý đối với các nhu cầu thiết yếu, gồm tư vấn tuân thủ pháp luật, hợp đồng, lao động, thuế, đầu tư, sở hữu trí tuệ, giải quyết tranh chấp và xử lý rủi ro pháp lý trong quá trình mở rộng thị trường trong nước, quốc tế. Đồng thời, nghiên cứu cơ chế cho phép các khoản chi pháp lý hợp lý, hợp lệ của DNNVV được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế theo pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, nhằm giảm chi phí tuân thủ, nâng cao năng lực phòng ngừa rủi ro, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp, qua đó hỗ trợ DNNVV tham gia thị trường và chuỗi giá trị một cách bền vững hơn.

2.2.6 Chính sách hỗ trợ nâng cao năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Quán triệt tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển

đổi số quốc gia; Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, việc hoàn thiện chính sách hỗ trợ DNNVV nâng cao năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong giai đoạn mới cần được thiết kế theo hướng kết hợp giữa hỗ trợ chung cho DNNVV và hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm đối với một số nhóm DNNVV ưu tiên. Theo đó:

- Rà soát, bổ sung các chính sách hỗ trợ chung bảo đảm kế thừa các chính sách hỗ trợ đã được quy định tại pháp luật về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ và pháp luật có liên quan và cơ chế, chính sách tại Nghị quyết số 198/2025/QH15, trong đó quy định DNNVV được ưu tiên tiếp cận và tham gia các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; ưu tiên sử dụng hạ tầng kỹ thuật, cơ sở nghiên cứu, cơ sở thử nghiệm, cơ sở thí nghiệm, cơ sở ươm tạo, dịch vụ khoa học và công nghệ, dịch vụ đổi mới sáng tạo, dịch vụ chuyển giao công nghệ theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, pháp luật về chuyển giao công nghệ và pháp luật có liên quan. Đồng thời, chính sách sẽ bổ sung một số quy định về hỗ trợ chi phí cho DNNVV sử dụng hạ tầng kỹ thuật phục vụ hoạt động hoạt động KH-CN, ĐMST và chuyển giao công nghệ; chi phí tư vấn đánh giá, lựa chọn, tiếp nhận, hấp thụ, làm chủ, cải tiến công nghệ; chi phí tư vấn xây dựng và triển khai phương án đổi mới công nghệ, chuyển đổi số, sản xuất thông minh,... Các hỗ trợ này sẽ được triển khai tùy theo quy mô và lĩnh vực hoạt động của DNNVV, đảm bảo không “cào bằng” và hỗ trợ dàn trải.

- Rà soát, bổ sung quy định các chính sách hỗ trợ trọng tâm, có tính chất đặc thù, phù hợp với quy mô và năng lực hấp thụ của DNNVV:

+ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo: được ưu tiên tiếp cận, sử dụng cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, cơ sở thí nghiệm, trung tâm đổi mới sáng tạo, khu làm việc chung và hạ tầng dùng chung phục vụ hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm, phát triển và hoàn thiện sản phẩm, công nghệ, mô hình kinh doanh. Đồng thời, rà soát, sửa đổi các quy định về quỹ đầu tư cho DNNVV khởi nghiệp sáng tạo theo hướng lược bỏ các nội dung không còn phù hợp, khó triển khai trong thực tiễn.

+ DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh: được cung cấp miễn phí hoặc hỗ trợ sử dụng nền tảng số, phần mềm kế toán dùng chung và các giải pháp số cơ bản về quản trị, vận hành, thanh toán

+ DNNVV kinh doanh bền vững: Được áp dụng phương pháp khấu hao nhanh đối với tài sản phục vụ chuyển đổi xanh,; hỗ trợ chuyển đổi số gắn với chuyển đổi xanh tùy theo quy mô, lĩnh vực hoạt động.

+ DNNVV tham gia chuỗi giá trị: Được áp dụng phương pháp khấu hao nhanh đối với tài sản phục vụ chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, sản xuất thông minh; hỗ trợ công nghệ, sản xuất thông minh và chuyển đổi số thông qua lộ trình và giải pháp phù hợp,...

- Về phương thức hỗ trợ: nghiên cứu áp dụng các phương thức hỗ trợ linh hoạt như voucher công nghệ, tài trợ công nghệ, nền tảng số dùng nhằm giảm chi phí và thúc đẩy chuyển đổi số, cũng như cơ chế hỗ trợ phù hợp đối với doanh nghiệp quy mô vừa trong tự nghiên cứu hoặc đặt hàng chuyển giao công nghệ.

2.7 Chính sách hỗ trợ mở rộng thị trường

Khắc phục các quy định chưa thực sự hiệu quả về hỗ trợ mở rộng thị trường cho DNNVV tại Luật Hỗ trợ DNNVV 2017 và trên cơ sở các Chiến lược phát triển thị trường hàng hóa, Chiến lược phát triển thị trường trọng điểm gắn với thế mạnh của Việt Nam trong thời gian tới, dự thảo Luật Hỗ trợ DNNVV (sửa đổi) sẽ tập trung hoàn thiện các chính sách này theo hướng phân loại theo nhóm hỗ trợ chung và hỗ trợ trọng tâm với một số đối tượng DNNVV ưu tiên.

- Các chính sách hỗ trợ chung: chính sách này kế thừa một phần nội dung chính sách đã quy định tại Luật Hỗ trợ DNNVV hiện hành về ưu tiên trong mua sắm công; đồng thời luật hóa chính sách ưu tiên mua sắm công đối với DNNVV đã quy định tại Nghị quyết số 198/2025/QH15. Ngoài ra, chính sách bổ sung nhiều nội dung hỗ trợ mới liên quan tới thúc đẩy DNNVV tham gia thương mại điện tử xuyên biên giới. Đây là những chính sách thiết thực đối với DNNVV trong bối cảnh thế giới chứng kiến sự thay đổi lớn về các mô hình, phương thức kinh doanh với sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế số, công nghệ số.

- Bổ sung quy định hỗ trợ trọng tâm cho DNNVV khởi nghiệp sáng tạo (được ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu); DNNVV tham gia chuỗi giá trị (đánh giá năng lực, tư vấn xây dựng lộ trình, kế hoạch cải thiện để tham gia chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng trong nước và quốc tế; phát triển sản phẩm, tiêu chuẩn chất lượng, thiết kế, thương hiệu, logistics, phân phối, dịch vụ sau bán hàng, quản trị chuỗi cung ứng...) và đầu tư ra nước ngoài đối với các doanh nghiệp quy mô vừa (xây dựng chiến lược đầu tư quốc tế; phát triển hiện diện thương mại, kết nối đối tác, xúc tiến đầu tư...).

3. Nhóm chính sách 3: Phát triển hệ sinh thái hỗ trợ DNNVV

Rà soát, bổ sung các quy định liên quan tới phát triển hệ sinh thái hỗ trợ DNNVV, nhóm chính sách này dự kiến có các nội dung sau:

- Xây dựng hệ sinh thái theo hướng kết hợp chặt chẽ giữa các bên (Nhà nước – doanh nghiệp - tổ chức trung gian - tổ chức tài chính) theo nhu cầu đào tạo và tư vấn của doanh nghiệp.

- Tăng cường sự tham gia của các Hiệp hội doanh nghiệp và tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp trong triển khai chính sách hỗ trợ DNNVV.

- Phát triển mạng lưới các tổ chức hỗ trợ như trung tâm hỗ trợ DNNVV, tổ chức tư vấn, hiệp hội doanh nghiệp, vườn ươm và tổ chức thúc đẩy kinh doanh, đồng thời nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp cho doanh nghiệp; kết nối với các cơ sở đào tạo, doanh nghiệp công nghệ để cung cấp chuyên gia tư vấn trực tiếp.

- Tăng cường năng lực hệ thống cơ quan đầu mối hỗ trợ DNNVV tại các địa phương (mô hình 1 cửa); rà soát tổng thể quy định về mạng lưới tư vấn viên phù hợp với sự tham gia thực chất của tư vấn viên trong hoạt động hỗ trợ DNNVV; ưu tiên hệ sinh thái hỗ trợ DNNVV do phụ nữ làm chủ, DNNVV kinh doanh bền vững, DNNVV tạo tác động xã hội,...

- Nghiên cứu quy định về phát triển các nền tảng thông tin và cơ chế điều phối hiệu quả trong hệ sinh thái nhằm giúp doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận các nguồn lực và dịch vụ hỗ trợ cần thiết.

Trên đây là Báo cáo tổng kết 08 năm thi hành Luật Hỗ trợ DNNVV và một số giải pháp, kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả tổ chức, hoạt động hỗ trợ DNNVV trong thời gian tới, Bộ Tài chính trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Thành viên Chính phủ;
- Bộ trưởng Ngô Văn Tuấn (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế (Bộ Tài chính);
- Lưu: VT, DNTN (...)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Đức Tâm